

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

Vĩnh Long, năm 2017

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Lê Ngọc Căn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Văn Xuân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên TT	
4	Nguyễn Văn Chiếu	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên HĐ	
5	Lê Hiến Chương	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên HĐ	
6	Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn N. Long Giang	Trưởng phòng KH&HTQT	Ủy viên HĐ	
8	Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên HĐ	
9	Huỳnh Phước Minh	Phó trưởng Phòng QLĐT	Ủy viên HĐ	
10	Đặng Hữu Lợi	Trưởng Khoa Xây dựng	Ủy viên HĐ	
11	Ngô Hồng Năng	Trưởng Khoa Kiến trúc	Ủy viên HĐ	
12	Tô Mai Phong	Trưởng phòng CTHSSV	Ủy viên HĐ	
13	Nguyễn Cao Phong	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Ủy viên HĐ	
14	Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TC-KT	Ủy viên HĐ	
15	Lê Tấn Truyền	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên HĐ	
16	Lưu Văn Vĩnh	Trưởng phòng QT&TB	Ủy viên HĐ	
17	Nguyễn Thị Hồng Cúc	Sinh viên lớp DT15D01	Ủy viên HĐ	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	8
PHẦN II: TỔNG QUAN	10
PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường ĐH (2 tiêu chí)	16
Tiêu chí 1.1.	16
Tiêu chí 1.2.	19
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)	22
Tiêu chí 2.1.	22
Tiêu chí 2.2.	24
Tiêu chí 2.3.	26
Tiêu chí 2.4.	28
Tiêu chí 2.5.	31
Tiêu chí 2.6.	33
Tiêu chí 2.7.	35
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí)	38
Tiêu chí 3.1.	38
Tiêu chí 3.2.	40
Tiêu chí 3.3.	42
Tiêu chí 3.4.	44
Tiêu chí 3.5.	46
Tiêu chí 3.6.	48
Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	50
Tiêu chí 4.1.	50
Tiêu chí 4.2.	52
Tiêu chí 4.3.	53
Tiêu chí 4.4.	55
Tiêu chí 4.5.	58
Tiêu chí 4.6.	59

Tiêu chí 4.7.....	61
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên (8 tiêu chí).....	64
Tiêu chí 5.1.....	64
Tiêu chí 5.2.....	67
Tiêu chí 5.3.....	68
Tiêu chí 5.4.....	70
Tiêu chí 5.5.....	72
Tiêu chí 5.6.....	73
Tiêu chí 5.7.....	74
Tiêu chí 5.8.....	76
Tiêu chuẩn 6. Người học (9 tiêu chí).....	80
Tiêu chí 6.1.....	80
Tiêu chí 6.2.....	82
Tiêu chí 6.3.....	85
Tiêu chí 6.4.....	87
Tiêu chí 6.5.....	89
Tiêu chí 6.6.....	92
Tiêu chí 6.7.....	94
Tiêu chí 6.8.....	96
Tiêu chí 6.9.....	98
Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí).....	100
Tiêu chí 7.1.....	100
Tiêu chí 7.2.....	102
Tiêu chí 7.3.....	104
Tiêu chí 7.4.....	106
Tiêu chí 7.5.....	107
Tiêu chí 7.6.....	109
Tiêu chí 7.7.....	112
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí).....	114

Tiêu chí 8.1.....	114
Tiêu chí 8.2.....	116
Tiêu chí 8.3.....	118
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí).....	120
Tiêu chí 9.1.....	120
Tiêu chí 9.2.....	122
Tiêu chí 9.3.....	124
Tiêu chí 9.4.....	126
Tiêu chí 9.5.....	128
Tiêu chí 9.6.....	130
Tiêu chí 9.7.....	131
Tiêu chí 9.8.....	132
Tiêu chí 9.9.....	134
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí).....	137
Tiêu chí 10.1.....	137
Tiêu chí 10.2.....	140
Tiêu chí 10.3.....	142
PHẦN IV. KẾT LUẬN	145
PHẦN V. PHỤ LỤC.....	148
Phụ lục 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	148
Phụ lục 2: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ....	169
Phụ lục 3: KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ	174
Phụ lục 4: DANH MỤC MINH CHỨNG.....	179

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGH	Ban Giám hiệu
3	CB	Cán bộ
4	CBGV	Cán bộ, giảng viên
5	CBQL	Cán bộ quản lý
6	CBVC	Cán bộ viên chức
7	CĐ	Cao đẳng
8	CĐXDMT	Cao đẳng Xây dựng Miền Tây
9	CĐR	Chuẩn đầu ra
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
15	ĐH	Đại học
16	ĐHXDMT	Đại học Xây dựng Miền Tây
17	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18	GDQP	Giáo dục quốc phòng
19	GDTC	Giáo dục thể chất
20	GS	Giáo sư

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
21	GV	Giảng viên
22	GVC	Giảng viên chính
23	HSSV	Học sinh sinh viên
24	HTQT	Hợp tác quốc tế
25	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26	KH&CN	Khoa học và công nghệ
27	KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
28	KQHT	Kết quả học tập
29	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
30	KTV	Kỹ thuật viên
31	KTX	Ký túc xá
32	NCKH	Nghiên cứu khoa học
33	NCS	Nghiên cứu sinh
34	NV	Nhân viên
35	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
36	PGS	Phó Giáo sư
37	PPGD	Phương pháp giảng dạy
38	QCCTNB	Quy chế chi tiêu nội bộ
39	QĐ	Quyết định
40	QHQT	Quan hệ quốc tế

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
41	QLĐT	Quản lý đào tạo
42	SV	Sinh viên
43	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
44	TCHC	Tổ chức – Hành chính
45	TĐG	Tự đánh giá
46	TĐKT	Thi đua khen thưởng
47	TDTT	Thể dục thể thao
48	THCS	Trung học cơ sở
49	THPT	Trung học phổ thông
50	ThS	Thạc sĩ
51	TN	Thanh niên
52	TNCS HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
53	TS	Tiến sĩ
54	TSKH	Tiến sĩ khoa học
55	UBND	Ủy ban Nhân dân
56	VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Xác định tầm quan trọng của công tác ĐBCL, tự đánh giá chất lượng trong quá trình tổ chức đào tạo, NCKH và các hoạt động của Nhà trường, từ ngày thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT vào tháng 11/2011, Trường ĐHXDMT luôn quan tâm chú trọng tổ chức các hoạt động ĐBCL, thực hiện công tác TĐG trong KĐCL nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời thực hiện cam kết chất lượng của Nhà trường đối với xã hội.

Để thực hiện công tác TĐG KĐCL cơ sở giáo dục, từ đầu năm 2017 Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng của Trường với 17 thành viên bao gồm Ban Giám hiệu, Trưởng các Phòng chức năng và Trưởng Khoa trực thuộc, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện SV Trường. Đồng thời, Nhà trường thành lập Ban Thư ký để giúp việc cho Hội đồng TĐG và 06 nhóm công tác chuyên trách bao gồm các chuyên viên của các phòng chức năng, đại diện các tổ chức đoàn thể của Trường.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch công tác TĐG, trong đó thể hiện các nội dung công việc thực hiện với các mốc thời gian cụ thể, đồng thời mời các chuyên gia tập huấn cho CB, GV, NV, SV về KĐCL giáo dục đại học, tầm quan trọng và nội dung của công tác TĐG; đặc biệt tập huấn các nhóm công tác chuyên trách các kỹ thuật cần thiết phục vụ hoạt động thu thập và xử lý thông tin, minh chứng cũng như viết báo cáo TĐG. Bên cạnh đó, Nhà trường đã cử CB, GV tham dự các lớp tập huấn do Cục KT&KĐCLGD, Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng tổ chức về công tác TĐG, ĐBCL và KĐCL.

Hội đồng TĐG Nhà trường phân công 05 nhóm công tác chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 1/11/2007 của Bộ GD&ĐT. Căn cứ kế hoạch TĐG đã được lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, Ban Thư ký Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách triển khai thu thập thông tin và minh chứng, viết báo cáo TĐG tiêu chí và tổng hợp để hoàn thành báo cáo TĐG của Trường.

Nhận thức rõ công tác TĐG sẽ giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng, xác định điểm mạnh và tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm khắc phục những tồn tại, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn TĐG trường ĐH, CĐ và TCCN quy định tại công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Bộ GD&ĐT. Công tác TĐG giúp Nhà trường duy trì, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và là điều kiện để tiến hành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, công tác TĐG góp phần chứng minh tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trước xã hội về toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, công tác TĐG giúp mọi thành viên của Nhà trường hiểu rõ nội dung từng tiêu chuẩn, nội hàm các tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH, từ đó mọi người phát huy những ưu điểm, khắc phục các hạn chế, thiếu sót, để hoàn thiện các nội dung công tác và hoạt động của bản thân, góp phần để Nhà trường thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu đã công bố.

Trong quá trình triển khai công tác TĐG, các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký Hội đồng TĐG đã tiến hành xử lý thông tin, minh chứng thu thập được; đối chiếu với nội hàm tiêu chí và mốc chuẩn để từ đó tiến hành báo cáo TĐG tiêu chí. Trên cơ sở đó, Hội đồng TĐG phân tích, đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đồng thời TĐG mức độ đạt được của thực trạng Nhà trường so với yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo TĐG của Nhà trường đã được hoàn thành đúng theo kế hoạch đã xây dựng và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về KĐCL cơ sở giáo dục, đặc biệt là hướng dẫn thực hiện công tác TĐG trong KĐCL cơ sở giáo dục. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể CBQL, GV, NV, SV và được Hội đồng TĐG thông qua.

Kết quả công tác TĐG phục vụ KĐCL Nhà trường thể hiện sự quyết tâm cao, hiệu quả của toàn thể CBQL, GV, NV, SV. Báo cáo TĐG đã được công khai trong nội bộ Trường, đồng thời thực hiện báo cáo Bộ GD&ĐT và gửi tới Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng để đăng ký tiến hành KĐCL cơ sở giáo dục Nhà trường theo quy định.

PHẦN II. TỔNG QUAN

Trường ĐHXDMT được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Xây dựng, Kinh tế ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long và hợp tác quốc tế, phù hợp với xu thế phát triển đáp ứng cấp thiết cho ngành Xây dựng, Kinh tế nhằm phát triển triển kinh tế - xã hội của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cho cả nước.

Tiền thân của Nhà trường là Trường Trung học Xây dựng số 8, đóng chân ở thị trấn Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; được thành lập vào ngày 14/2/1976 theo Quyết định số 87/QĐ-BXD-TC của Bộ Xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách về đội ngũ cán bộ kỹ thuật xây dựng của khu vực ĐBSCL sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đến tháng 7 năm 1995, Bộ Xây dựng cho phép Nhà trường đổi tên thành Trường Trung học Xây dựng Miền Tây nhằm gắn kết tên Trường với khu vực tuyển sinh đào tạo. Ngày 9/01/2003, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-BGD&ĐT-TCCB nâng cấp Nhà trường thành Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây. Sau gần 34 năm phấn đấu và nỗ lực không ngừng, đến năm 2011, Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp thành Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

Trong 40 năm xây dựng và phát triển, dưới sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Thành phố Vĩnh Long, của Đảng bộ, nhân dân Phường 3 và các ban ngành đoàn thể trong tỉnh; sự tạo điều kiện hỗ trợ của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ, các tỉnh thành trong khu vực và các ĐH trên toàn quốc; Nhà trường đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu phát triển Nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Với những kết quả đạt được trong 40 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường và các cá nhân đã được nhận được nhiều hình thức khen thưởng cao

quý của Nhà nước, của các Bộ, Ngành và địa phương, bao gồm: Huân chương Độc lập hạng ba; Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất; Cờ thi đua của Chính phủ; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 04 cá nhân, 02 tập thể được tặng Huân chương lao động hạng 3; 01 Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 8 tập thể và 10 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; Nhiều bằng khen cờ thưởng đơn vị thi đua xuất sắc của ngành, của tỉnh; 37 Chiến sĩ thi đua ngành; 534 danh hiệu CSTĐ cơ sở; 85 danh hiệu giáo viên giỏi, trong đó có 2 giáo viên giỏi ngành; 01 giáo viên giỏi nghề toàn quốc.

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, với quan điểm thực hiện công tác TĐG là hoạt động quan trọng góp phần duy trì và từng bước nâng cao chất lượng, thông qua kết quả triển khai công tác TĐG mọi mặt của Nhà trường trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường xác định những điểm mạnh và tồn tại cơ bản như sau:

Điểm mạnh:

Về sứ mạng và mục tiêu, Nhà trường xác định và tuyên bố sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường cũng như chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của các tỉnh khu vực ĐBSCL và cả nước. Nhà trường đồng thời xác định mục tiêu và triển khai thực hiện mục tiêu nhằm phấn đấu xây dựng Trường ĐHXDMT thành một trường đại học ngành xây dựng trọng điểm trong tương lai của khu vực Tây Nam bộ - một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế xây dựng và NCKH có uy tín trong vùng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, các mục tiêu của Nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu của thực tiễn về phát triển các nguồn lực ngành xây dựng cho địa phương, khu vực và cả nước.

Về tổ chức và quản lý, Nhà trường vận hành cơ cấu tổ chức và quản lý theo đúng Điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc và của CBQL, GV, NV được quy định rõ ràng, đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quản lý và phổ biến đến toàn

thể CBQL, GV, NV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực ĐBSCL trong việc cung ứng nguồn nhân lực ngành xây dựng chất lượng cao cho địa phương và khu vực. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động đúng theo Điều lệ và các quy định pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của Trường.

Về chương trình đào tạo, tất cả các CTĐT của Nhà trường được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý khoa học, đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH. Các CTĐT của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi của CBQL, GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của tỉnh Vĩnh Long, khu vực ĐBSCL và cả nước.

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường đã triển khai thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học theo quy định. Hoạt động đào tạo của Nhà trường được triển khai một cách có hệ thống, đồng bộ, hiệu quả với việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống văn bản về hoạt động đào tạo được ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường thường xuyên quan tâm đến đổi mới PPGD, đổi mới quy trình kiểm tra, đánh giá với mục đích nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đánh giá được mức độ tích lũy của người học. Hệ thống quản lý và lưu trữ KQHT của người học được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời thông báo kết quả học tập đến người học. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học được thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

Về đội ngũ CBQL, GV và NV, Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển dụng CB, GV, NV công khai, minh bạch và đúng quy định. Nhà trường quan tâm áp dụng các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CB, GV, NV học

tập sau đại học, tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ CBQL, GV, NV Nhà trường hiện nay đảm bảo đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, NCKH. Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

Về người học, với quan điểm xem người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và rèn luyện, Nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức, biện pháp cụ thể nhằm giúp người học hiểu rõ về mục tiêu, CTĐT; các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của người học. Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách xã hội, chế độ học bổng, khen thưởng đối với SV. CSVC của Nhà trường được xây mới, sửa chữa, nâng cấp cùng với trang thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm mới, đồng bộ và hiện đại đã phục vụ tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt cũng như các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo sức khỏe, tinh thần cho SV. Tỷ lệ người học của Nhà trường có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt mức cao.

Về NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường đã đạt được những kết quả nhất định, trong đó số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế tăng hằng năm. Tất cả các đề tài NCKH của GV được Nhà trường tổ chức nghiệm thu đúng kế hoạch và được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường. Các đề tài NCKH được áp dụng vào trong thực tiễn công tác đào tạo, gắn kết và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành xây dựng trong vùng và cả nước. Nhà trường đã tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, các trường ĐH, các viện nghiên cứu nhằm triển khai thực hiện các đề tài NCKH. Hoạt động NCKH của Nhà trường đã góp phần tăng cường nguồn lực cho Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường thực hiện các hoạt động HTQT trên cơ sở các quy định, nguyên tắc và thủ tục của các cấp quản lý ban hành. Nhà trường đã ban hành, thông báo đến đội ngũ CB, GV, NV và áp dụng đầy đủ

các quy định đối với hoạt động HTQT của Trường. Trong thời gian qua, Nhà trường không để xảy ra vi phạm về công tác đối ngoại. Thông qua hoạt động HTQT, đội ngũ CB, GV Nhà trường đã có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực tham gia hoạt động NCKH, công bố quốc tế chung với các GV, chuyên gia của các trường ĐH quốc tế.

Về thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC, Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng theo quy định với hệ thống CSVC ngày càng khang trang, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của CB, GV, NV và SV. Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao, KTX và các trang thiết bị, máy móc của Nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học và NCKH theo quy mô đào tạo hiện tại và theo từng chuyên ngành đào tạo. Công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, PCCC luôn được quan tâm và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Về tài chính và quản lý tài chính, công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường trong những năm qua được triển khai thực hiện có hiệu quả và đã đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của Trường. Các nguồn tài chính được huy động và khai thác một cách hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, quản lý tập trung và hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định theo các quy chế đã ban hành. Công tác lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính được thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định, được quản lý tập trung và có kiểm tra giám sát chặt chẽ. Nhà trường đã chú trọng và đầu tư đúng mức cho việc tin học hóa công tác quản lý tài chính nên đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Tồn tại:

Bên cạnh những điểm mạnh nêu trên, trong quá trình TĐG, Nhà trường thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại cơ bản sau:

- Việc khảo sát ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động về sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.
- Cán bộ làm công tác văn phòng của các tổ chức đoàn thể là kiêm nhiệm.

- Việc khảo sát ý kiến của cựu SV mới được Nhà trường thực hiện do tháng 8/2017, Trường vừa mới có SV ĐH chính quy ngành Xây dựng và Kiến trúc tốt nghiệp.

- Do số lượng các khóa SV tốt nghiệp còn hạn chế nên hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp về chất lượng CTĐT mới được triển khai trong vòng 02 năm gần đây.

- Số lượng GV cơ hữu có học hàm, học vị TS còn hạn chế so với tiềm lực của đội ngũ Nhà trường.

- Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ và đề tài liên kết với địa phương còn hạn chế.

- Do năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV còn hạn chế nên Nhà trường chưa có nhiều đề tài NCKH, dự án hợp tác với các trường ĐH quốc tế.

- Thư viện Nhà trường chưa triển khai liên kết với hệ thống thư viện của các trường ĐH quốc tế.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (2 tiêu chí)

Mở đầu

Trường ĐHXDMT được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT. Trong quá trình xây dựng và phát triển, sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường được xác định rõ ràng, cụ thể; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; có sự gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Căn cứ vào tình hình và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, Nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh sứ mạng và mục tiêu cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng cho các tỉnh ĐBSCL và cho cả nước; đồng thời phổ biến rộng rãi đến tất cả CB, GV, NV, người học của Nhà trường và các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường ĐH được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Mô tả

Trường ĐHXDMT được thành lập vào năm 2011 trên cơ sở nâng cấp từ Trường CĐXDMT theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ [H1.01.01.02].

Sứ mạng Trường ĐHXDMT bước đầu được xác định tại Đề án thành lập Trường ĐHXDMT trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT và đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập vào năm 2011 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Năm 2012, sứ mạng của Trường ĐHXDMT được xác định và công bố rõ ràng: “Trường ĐHXDMT là cơ sở giáo dục công lập, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc các ngành Kiến trúc, Xây dựng, Hạ tầng đô thị, Kinh tế, đồng thời chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ĐBSCL và cả nước.” [H1.01.01.03].

Ngay từ khi mới thành lập, sứ mạng của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của một trường ĐH đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng và kinh tế [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

- Đào tạo CB kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng, kinh tế có trình độ ĐH, CĐ, trung cấp và sơ cấp.

- Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với NCKH và sản xuất, dịch vụ KH&CN.

- Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ CB, GV.

- Giữ gìn và phát triển những di sản và bản sắc văn hoá dân tộc.

- Quản lý GV, CB, VC; Xây dựng đội ngũ GV của Trường đủ về số lượng, không ngừng nâng cao về chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu tuổi và giới.

- Thực hiện công tác tuyển sinh và quản lý SV, học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Tổ chức cho GV, CB, VC và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp ngành nghề đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Sử dụng và quản lý tốt CSVC kỹ thuật, tài chính và vốn đầu tư của Trường; Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về sử dụng tài chính và bảo quản các phương tiện trang thiết bị kỹ thuật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, sứ mạng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp với nguồn lực về nhân lực, tài lực, vật lực và định hướng phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.05].

Trong quá trình hoạt động và phát triển, vào năm 2009, Nhà trường đã ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2010-2015, tầm nhìn 2020” và vào năm 2014, ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn năm 2015-2020, tầm nhìn 2030” [H1.01.01.04]. Sau khi Hội đồng trường được thành lập năm 2016, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh và ban hành “Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn năm

2020, tầm nhìn 2030”, trong đó, sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với giai đoạn phát triển mới: “Trường ĐHXDMT là cơ sở giáo dục công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB khoa học kỹ thuật có trình độ ĐH, sau ĐH; Là cơ sở NCKH và chuyển giao công nghệ; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực ĐBSCL, cả nước và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.04]. Tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển, trước khi ban hành kế hoạch chiến lược, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC và tổ chức họp thống nhất chủ trương, quan điểm về chiến lược và sứ mạng, tầm nhìn của Trường [H1.01.01.06].

Sứ mạng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nói riêng và của đất nước nói chung, được xác định cụ thể trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam, phù hợp với nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GD&ĐT, với các nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ IX nhiệm kỳ 2010–2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ X nhiệm kỳ 2015–2020 [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường được giới thiệu và quảng bá trên Website của Trường; thông qua các văn bản, bảng tin và brochure giới thiệu về Trường [H1.01.01.13]. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến trong toàn thể CB, GV, SV về sứ mạng và tầm nhìn trước khi ban hành chính thức và công bố rộng rãi [H1.01.01.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường xác định và tuyên bố sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển cũng như chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh ĐBSCL và cả nước.

- Sứ mạng của Nhà trường được công bố và thông báo rộng rãi.

Tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh

ng nghiệp sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung sứ mạng.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động trong đó có nội dung đánh giá về sứ mạng của Nhà trường để từ đó điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện sứ mạng.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường ĐH được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

Mô tả

Mục tiêu của Nhà trường được tuyên bố trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHXDMT lần thứ XV nhiệm kỳ 2010–2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015–2020 với nội dung tổng quát, phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật Giáo dục “... là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” và phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH trong Luật Giáo dục ĐH là “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” cũng như phù hợp với sứ mạng Nhà trường đã tuyên bố [H1.01.02.01], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

Trong “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030”, mục tiêu chung của Nhà trường được xác định rõ ràng, cụ

thể: “Là trường ĐH đào tạo đa cấp, đa ngành, đa hệ trong lĩnh vực Xây dựng và các lĩnh vực kinh tế khác cho các tỉnh ĐBSCL. Là trung tâm nghiên cứu KH&CN, chuyển giao sản phẩm KH&CN phù hợp với các ngành nghề mà nhà trường đào tạo. Phần đầu đến năm 2030 đạt trình độ phát triển tương đương các trường ĐH có đẳng cấp trong nước, đến năm 2050 đạt trình độ trung bình ở khu vực Đông Nam Á và Quốc tế” [H1.01.02.02].

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong Đảng ủy, CB chủ chốt, GV, NV và được cụ thể hoá thành phương hướng, nhiệm vụ công tác trong các kế hoạch phát triển trung hạn cũng như kế hoạch mỗi năm học của Trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Hằng năm, Nhà trường triển khai thực hiện các kế hoạch năm học nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra [H1.01.02.04]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết năm học nhằm đánh giá kết quả các nội dung công việc đã thực hiện, đặc biệt là mức độ đạt được mục tiêu của năm học đã được xác định, từ đó xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới [H1.01.02.05]. Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu hằng năm của Nhà trường được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể công chức, viên chức; được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và biểu quyết thông qua nghị quyết tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1.01.02.08].

Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh và tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển chung tại các cuộc họp giao ban CB chủ chốt các đơn vị trực thuộc [H1.01.02.09]. Năm 2012, Nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu chiến lược cho phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tiếp cận giáo dục ĐH, góp phần xây dựng xã hội học tập trong điều kiện nền kinh tế tri thức [H1.01.02.10]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược với các mục tiêu phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của khu vực và cả nước; làm căn cứ để triển khai các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo [H1.01.02.11].

Điểm mạnh

- Mục tiêu của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào

tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 và sứ mạng Nhà trường đã tuyên bố.

- Nhà trường định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu theo từng giai đoạn phát triển của nhà trường và triển khai thực hiện các mục tiêu đã xác định.

Tồn tại

Quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu của Nhà trường chưa huy động được sự đóng góp ý kiến một cách rộng rãi, thường xuyên của các nhà tuyển dụng lao động.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường thường xuyên khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về mục tiêu của Nhà trường để từ đó bổ sung, điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường xác định và tuyên bố sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường cũng như chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh khu vực ĐBSCL và cả nước. Nhà trường đồng thời đã xác định mục tiêu và triển khai thực hiện mục tiêu nhằm phấn đấu xây dựng Trường ĐHXDĐT thành một trường ĐH ngành xây dựng trọng điểm trong tương lai của khu vực Tây Nam bộ - một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng CB kỹ thuật, CB kinh tế xây dựng và NCKH có uy tín trong vùng. Trong quá trình Nhà trường xây dựng và phát triển, các mục tiêu của Nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu của thực tiễn về phát triển các nguồn lực ngành xây dựng cho địa phương, khu vực và cả nước.

Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động về sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên. Trong thời gian tới, định kỳ hằng năm, Nhà trường chú trọng và tăng cường khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động, làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 2 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)

Mở đầu

Để tổ chức và quản lý hoạt động của Nhà trường theo đúng sứ mạng, mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ đã được xác định, Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức tinh gọn, phù hợp, đúng theo quy định của Điều lệ Trường ĐH và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và CBQL, GV, NV. Bên cạnh đó, các hoạt động chính của Nhà trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch và các biện pháp bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao năng lực cho đội ngũ CB, VC trong Trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH và các tổ chức đoàn thể trong Trường phối hợp hoạt động đồng bộ, hiệu quả nhằm xây dựng tập thể CB, VC và người học đoàn kết nhất trí và phát triển Nhà trường ngày càng vững mạnh và bền vững.

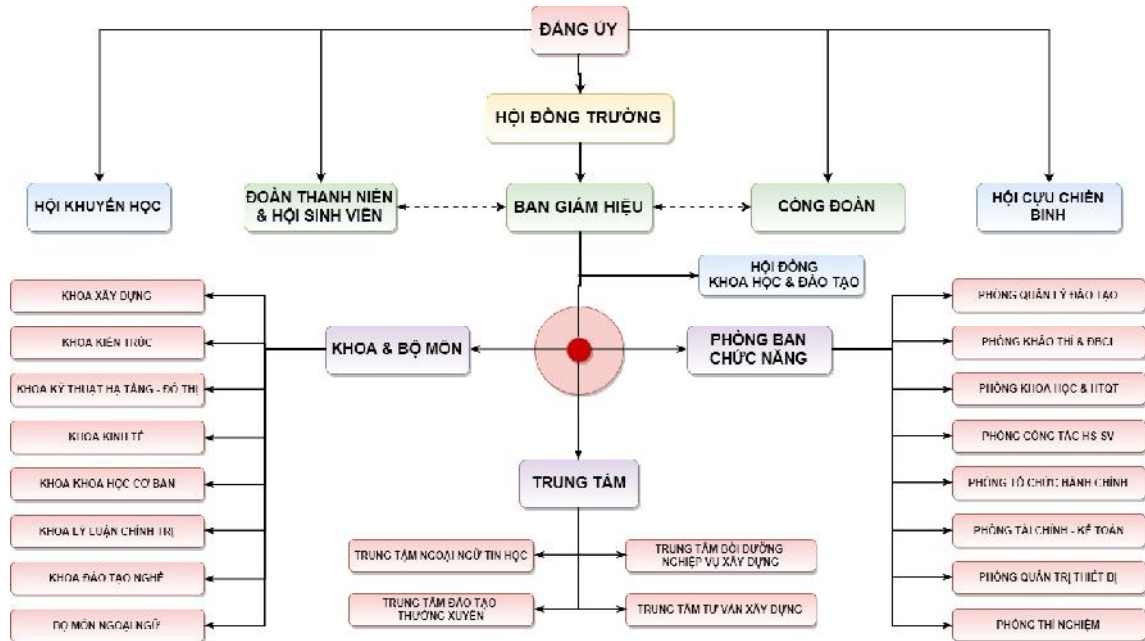
Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường ĐH được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường ĐH và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Mô tả

Nhận thức rõ công tác tổ chức và quản lý đóng vai trò quan trọng, Nhà trường đã xây dựng bộ máy tổ chức quản lý có cơ cấu rõ ràng, cụ thể, khoa học và chặt chẽ, đúng theo quy định của Luật giáo dục ĐH, Điều lệ trường ĐH, các quy định của Nhà nước và pháp luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường nhằm triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động khác trong toàn trường thông suốt, hiệu quả, chất lượng [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường được chia thành 2 cấp: cấp trường và cấp đơn vị [H2.02.01.02]. Hiện nay, Nhà trường có 08 phòng ban, 04 trung tâm và 08 khoa – bộ môn trực thuộc [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. BGH Nhà trường gồm có 01 Hiệu trưởng là người đại diện cho Nhà trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành, quản lý các hoạt động

của Nhà trường và 03 Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Trường [H2.02.01.08]. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được công bố rộng rãi trên Website của Trường [H2.02.01.11].



Hội đồng trường đã được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường ĐH và bao gồm 15 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng trường là người được đề cử từ Phó Hiệu trưởng, làm việc chuyên trách; Thư ký Hội đồng trường là người được Chủ tịch Hội đồng trường đề cử trong thành phần của Hội đồng trường thông qua tín nhiệm của các thành viên Hội đồng trường và Thư ký Hội đồng trường làm việc kiêm nhiệm 50% [H2.02.01.03]. Hội đồng trường bước đầu đã ổn định tổ chức, thực hiện đúng chức năng quản trị Nhà trường [H2.02.01.04].

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường có sự điều chỉnh, bổ sung, sắp xếp lại, thành lập mới một số đơn vị cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới nhằm đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả hơn; trong đó thành lập Phòng KT&ĐBCL [H2.02.01.05].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận liên quan cũng như quy định rõ ràng về cơ cấu tổ chức của Nhà trường [H2.02.01.09]. Dựa trên Quy chế tổ chức và hoạt động, Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ

các đơn vị, từ đó tránh sự chồng chéo giữa các đơn vị trực thuộc trong quá trình thực thi công việc [H2.02.01.10].

Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường ĐH, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường, linh hoạt và chặt chẽ, không bị chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi công việc.

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thể hiện trong Quy chế tổ chức hoạt động và thông báo rộng rãi, công khai.

Tồn tại

Một số Khoa của Nhà trường còn cơ cấu ghép nên chưa phát huy tối đa hiệu quả quản lý.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiến hành thành lập các Khoa mới dựa trên việc tách các Khoa ghép hiện nay cho phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

Mô tả

Trong quá trình triển khai các hoạt động, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý ở tất cả các lĩnh vực của Nhà trường, bao gồm:

- Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ [H2.02.02.01];
- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHXDMT [H2.02.02.02];
- Quy định Chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Trường ĐHXDMT [H2.02.02.03];
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường [H2.02.02.04];
- Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHXDMT; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường ĐHXDMT [H2.02.02.05];
- Quy định rà soát, đánh giá và điều chỉnh chương trình đào tạo ĐH, CD

[H2.02.02.06];

- Quy định công tác học vụ theo hệ thống tín chỉ [H2.02.02.07];
- Quyết định về việc công bố CDR các ngành đào tạo [H2.02.02.08];
- Quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H2.02.02.09];
- Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHXDMT [H2.02.02.10];
- Quy định công tác HSSV Trường ĐHXDMT [H2.02.02.11];
- Quyết định về việc ban hành tổ chức lớp và công tác GV chủ nhiệm hệ đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.02.12];
- Quy định đánh giá điểm rèn luyện đối với HSSV [H2.02.02.13];
- Quyết định về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHXDMT [H2.02.02.14];
- Quy định về công tác văn thư lưu trữ của Trường ĐHXDMT [H2.02.02.15];
- Quy định về khảo sát ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và Quy định về khảo sát ý kiến của cơ quan/doanh nghiệp về công tác đào tạo của Trường ĐHXDMT [H2.02.02.16];
- Quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.02.17];
- Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Công đoàn [H2.02.02.18];
- Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc BCH Đoàn TN [H2.02.02.19];
- Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Hội SV [H2.02.02.20];
- Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHXDMT [H2.02.02.21].

Hệ thống văn bản của Nhà trường là cơ sở để các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện; được gửi trực tiếp đến từng đơn vị để phổ biến và triển khai kịp thời [H2.02.02.03], [H2.02.02.15]. Tất cả các công việc của Nhà trường được

lập kế hoạch và thể hiện cụ thể trong nội dung lịch sinh hoạt hằng tuần [H2.02.02.22]. Hằng tháng, Nhà trường tổ chức họp giao ban với Trường, Phó các đơn vị trực thuộc để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong tháng và đề ra kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H2.02.02.23].

Thông qua báo cáo tổng kết năm học và tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm đã đánh giá hệ thống văn bản của Nhà trường trong thời gian qua không trái với các quy định của pháp luật và việc triển khai hệ thống các văn bản tổ chức, quản lý không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan; không có sự chồng chéo về nội dung giữa các văn bản [H2.02.02.24], [H2.02.02.25].

Điểm mạnh

Hệ thống văn bản trong toàn trường được ban hành đầy đủ đối với các lĩnh vực Nhà trường quản lý; được triển khai thực hiện và không có sự chồng chéo về nội dung giữa các văn bản.

Hệ thống văn bản được thông báo nhanh chóng, kịp thời và chính xác đến các đơn vị trực thuộc.

Tồn tại

Việc đánh giá các văn bản Nhà trường ban hành tuy đã được quan tâm thực hiện nhưng chưa tiến hành thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng TCHC tăng cường rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Nhà trường nhằm đảm bảo chất lượng của hệ thống văn bản quản lý.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

Mô tả

Để điều hành hiệu quả hoạt động của Nhà trường cũng như tạo điều kiện để các đơn vị trực thuộc, CBQL, GV và NV hiểu rõ về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của bản thân, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động,

đồng thời thông báo, phổ biến rộng rãi đến các tập thể, cá nhân trong và ngoài Trường [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Dựa trên cơ sở chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị cũng như của cá nhân, CBQL triển khai thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công theo quy định [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị và của CBQL, GV và NV [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.09]. Đối với GV, Nhà trường ban hành quy định, định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV và thông báo cụ thể để GV thực hiện [H2.02.03.09]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm và bảng phân công công tác cụ thể đối với CBQL, GV và NV của mỗi đơn vị để họ hiểu rõ về công việc cần thực hiện cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đánh giá, TĐG kết quả công việc đã thực hiện [H2.02.03.10]. Tất cả các văn bản quy định về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị và các thành viên được Nhà trường thông báo đến từng đơn vị, cá nhân và đăng tải trên Website của Nhà trường [H2.02.03.12].

Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, trong đó nêu rõ nguyên tắc hoạt động, phân công phân nhiệm cụ thể đối với các thành viên BCH [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. BGH Nhà trường có sự phân công công việc cụ thể, trong đó có sự phân cấp mạnh mẽ để các Phó hiệu trưởng phát huy tính chủ động và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực phụ trách; đồng thời thông báo rộng rãi đến các đơn vị, các thành viên của Nhà trường được biết để liên hệ trong quá trình thực thi công việc [H2.02.03.08].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại CBVC dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả công việc của cá nhân, đơn vị theo các văn bản hướng dẫn, quy định về đánh giá CBVC và thông báo kết quả đánh giá, phân loại CBVC đến từng đơn vị để công khai đúng theo quy định [H2.02.03.11].

Điểm mạnh

- Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị và cá nhân trong Nhà

trường được phân định rõ ràng bằng văn bản cụ thể và được công bố công khai trên Website của Nhà trường.

- Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản quy định chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức Đảng và đoàn thể.

Tồn tại

Do chậm trễ trong khâu đề xuất của các đơn vị nên quy chế tổ chức, hoạt động của một số đơn vị mới thành lập đôi lúc chưa được ban hành kịp thời.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường đảm bảo ban hành hành kịp thời Quy chế tổ chức, hoạt động đối với các đơn vị thành lập mới.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường ĐH hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mô tả

Đảng bộ Nhà trường là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối các Cơ quan tỉnh Vĩnh Long và gồm 7 chi bộ trực thuộc [H2.02.04.03]. Tại Đại hội Đảng bộ trường ĐHXDMT lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015–2020 đã bầu ra 11 ủy viên BCH, trong đó Ban Thường vụ là 3 đồng chí, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định [H2.02.04.01]. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, BCH Đảng bộ đã ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ và thông báo rộng rãi về việc phân công trách nhiệm các đồng chí Đảng ủy viên đến tất cả các Chi bộ trực thuộc [H2.02.04.02]. Qua đó, Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, đúng nguyên tắc, tập hợp được sức mạnh đoàn kết của CB, GV và người học [H2.02.04.02], [H2.02.04.09].

Công đoàn Nhà trường là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam, hiện có 7 công đoàn bộ phận [H2.02.04.04]. Nhiệm kỳ đại hội công đoàn là 5 năm với số lượng ủy viên BCH Công đoàn Nhà trường là 11 ủy viên, đảm bảo số lượng theo quy định của Điều lệ Công đoàn [H2.02.04.04]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Nhà trường, Công đoàn trường hoạt động theo

đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công đoàn [H2.02.04.04]. Trong quy chế hoạt động, BCH Công đoàn Nhà trường đã phân công cụ thể nhiệm vụ của từng ủy viên BCH, xác định mối quan hệ giữa Công đoàn Trường với Đảng ủy, BGH và các tổ chức đoàn thể khác nhằm góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Nhà trường [H2.02.04.04]. Công đoàn Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực thu hút đông đảo công đoàn viên tham gia như: phong trào “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về tự học và sáng tạo”, “Thi đua dạy tốt, học tốt”, phong trào “Hai giỏi”,... [H2.02.04.04]. Hằng năm, Công đoàn trường đã tổ chức nhiều hoạt động tập thể, văn nghệ, TDTT, tham quan du lịch cho CB, GV, NV [H2.02.04.04]. Đồng thời, Công đoàn trường đã tổ chức nhiều hoạt động quyên góp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ tấm lòng vàng, chương trình “Nghĩa tình Trường Sa, Hoàng Sa”,.... [H2.02.04.04]. Hoạt động của Công đoàn Nhà trường đã tập hợp, đoàn kết rộng rãi các đối tượng quần chúng, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng và tình hình thực tiễn của Trường [H2.02.04.09].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội SV Nhà trường hoạt động theo quy chế làm việc của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và BCH Hội SV, góp phần thiết thực vào công tác giáo dục tư tưởng và vận động đoàn viên TN xây dựng lối sống đẹp, có ích cho xã hội, phấn đấu trong học tập rèn luyện [H2.02.04.05], [H2.02.04.06]. Hiện nay, Đoàn TNCS HCM Nhà trường có 6 liên chi đoàn và 61 chi đoàn trực thuộc [H2.02.04.05]. BCH Đoàn TNCS HCM Nhà trường gồm 17 ủy viên, được Đại hội bầu theo quy định của Điều lệ Đoàn [H2.02.04.05]. Đoàn TNCS HCM Nhà trường tổ chức nhiều phong trào hoạt động sôi nổi, thiết thực như: “TN học tập và làm theo lời Bác”, chiến dịch mùa hè xanh tình nguyện, hiến máu nhân đạo, chăm sóc nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông,... đã tạo được không khí thi đua sôi nổi và thu hút được sự quan tâm đặc biệt của thế hệ trẻ Nhà trường, góp phần thiết thực vào công tác giáo dục tư tưởng và vận động TN xây dựng lối sống đẹp, có ích cho xã hội, phấn đấu trong học tập rèn luyện [H2.02.04.05]. Hội SV Nhà trường phối hợp chặt chẽ với

Đoàn TN triển khai và tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội SV [H2.02.04.06].

Hội Cựu chiến binh Nhà trường gồm có 7 hội viên, trong đó có 1 Chủ tịch và 1 Phó chủ tịch và hoạt động theo Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam [H2.02.04.07]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội Cựu chiến binh Trường đã tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của Cựu chiến binh [H2.02.04.07].

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Nhà trường luôn đoàn kết, nhất trí cao trong mọi hoạt động; trong đó tổ chức Đảng giữ vai trò nòng cốt, lãnh đạo các mặt hoạt động chung của Trường trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, góp phần duy trì sự ổn định của Nhà trường và chính quyền lãnh đạo các đoàn thể hoạt động thống nhất, phối hợp nhịp nhàng, đạt hiệu quả cao, đặc biệt là sự phối hợp giữa chính quyền và Công đoàn trường [H2.02.04.08].

Hàng năm, Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể thực hiện báo cáo tổng kết công tác theo quy định, trong đó đánh giá những thành tích, kết quả đạt được cũng như chỉ rõ những hạn chế cần khắc phục, để từ đó xây dựng Nghị quyết và kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động [H2.02.04.09]. Kết quả đánh giá hàng năm thể hiện Đảng bộ Nhà trường và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện tốt các hoạt động, góp phần phát triển Nhà trường ngày càng vững mạnh [H2.02.04.09]. Hàng năm, Đảng bộ Nhà trường luôn được cấp trên công nhận là tổ chức cơ sở Đảng “Trong sạch, vững mạnh” [H2.02.04.10]. Công đoàn Nhà trường và nhiều công đoàn bộ phận, công đoàn viên nhận được nhiều khen thưởng của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Vĩnh Long [H2.02.04.11]. Đoàn TNCS HCM và Hội SV Nhà trường được nhận nhiều khen thưởng của Đoàn TNCS HCM và Hội SV cấp trên [H2.02.04.12], [H2.02.04.13]. Bên cạnh đó, Hội Cựu chiến binh của Nhà trường đã được tặng

nhiều giấy khen các cấp [H2.2.4.14].

Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Đảng bộ Nhà trường, của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, Điều lệ của các tổ chức đoàn thể và quy định của pháp luật.

- Hoạt động của Đảng bộ Nhà trường và các tổ chức đoàn thể hiệu quả, thiết thực, góp phần vào sự ổn định, phát triển chung của Nhà trường.

- Hằng năm, Đảng bộ Nhà trường và các tổ chức đoàn thể được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

Tồn tại

CB phụ trách công tác Đảng, các tổ chức đoàn thể là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động Đảng, đoàn thể còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường bố trí CB chuyên trách Đoàn TN và trong giai đoạn 2017-2022, phân công CB chuyên trách phụ trách công tác Đảng, Công đoàn.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ CB có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Mô tả

Công tác ĐBCLGD được Nhà trường đặc biệt quan tâm và thể hiện rõ trong kế hoạch năm học [H2.02.05.01]. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về công tác ĐBCL giáo dục ĐH, từ năm 2009, Nhà trường đã chỉ đạo Phòng QLĐT phân công chuyên viên phụ trách công tác KT&ĐBCL, tập trung vào công tác thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp [H2.02.05.02]. Để có đơn vị chuyên trách thực hiện đầy đủ các chức năng về ĐBCLGD, năm 2012, Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL [H2.02.05.03].

Hiện nay, đội ngũ CBVC của Phòng KT&ĐBCL gồm có 09 người, trong

đó, có 07 ThS, 02 ĐH và là những người có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực ĐBCL [H2.02.05.04]. Nhận thức rõ về tầm quan trọng của công tác ĐBCL và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ, Nhà trường đã cử CB, VC đi dự các lớp kiểm định viên KĐCL giáo dục tại Trung tâm KĐCL giáo dục - ĐH Đà Nẵng, tham gia tập huấn kỹ năng về TĐG, ĐBCL, KĐCL giáo dục [H2.02.05.05], [H2.02.05.06].

Để các hoạt động được tổ chức thực hiện thông suốt và đạt hiệu quả cao, hằng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch công tác ĐBCL, trong đó Phòng KT&ĐBCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị khác tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được [H2.02.05.07]. Kế hoạch ĐBCL giáo dục hằng năm được thông báo đến tất cả các đơn vị trong Trường để phối hợp và triển khai thực hiện hiệu quả [H2.02.05.07].

Trong quá trình triển khai công tác KT&ĐBCL, Phòng KT&ĐBCL đã tổ chức thi 3 chung: chung ngày, chung đề, chấm tập trung, đồng thời công khai đề thi, đáp án trên Website Nhà trường [H2.02.05.08]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL tham mưu ban hành các văn bản, quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, triển khai công tác TĐG phục vụ KĐCL Nhà trường [H2.02.05.09], [H2.02.05.12].

Nhà trường đã triển khai hình thức khảo sát trực tiếp trên lớp nhằm tạo điều kiện để SV dễ dàng thực hiện khảo sát, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H2.02.05.10]. Kết quả đánh giá của SV về hoạt động giảng dạy của GV được Phòng KT&ĐBCL báo cáo BGH và Trưởng các Khoa theo đúng quy định để từ đó có những chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H2.02.05.11]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL đã tham mưu Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác TĐG theo đúng kế hoạch, tập trung huy động nguồn nhân lực và tài chính phục vụ nhằm đảm bảo hiệu quả công tác TĐG của Nhà trường [H2.02.05.12].

Hằng năm, Phòng KT&ĐBCL thực hiện báo cáo tổng kết hoạt động ĐBCL nhằm đánh giá kết quả đạt được và xác định phương hướng hoạt động cho năm

học tiếp theo [H2.02.05.13]. Hằng năm, tập thể Phòng KT&ĐBCL và các CBVC của Phòng luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được nhận nhiều hình thức khen thưởng [H2.02.05.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL với các CB có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác KT&ĐBCL giáo dục.

- Hoạt động KT&ĐBCL đã được Nhà trường triển khai hiệu quả, góp phần duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Tồn tại

Một vài GV chưa tích cực tham gia hoạt động ĐBCL của Nhà trường.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho GV và giao nhiệm vụ cụ thể để GV tích cực tham gia các hoạt động ĐBCL của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

Mô tả

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nền kinh tế-xã hội của các tỉnh ĐBSCL đang có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần vào công cuộc đổi mới của đất nước, để thực hiện sứ mạng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng có trình độ chuyên môn cao, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức lối sống tốt; Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, kế hoạch hằng năm phù hợp với tình hình thực tiễn Nhà trường và nhu cầu của khu vực ĐBSCL [H2.02.06.01], [H2.02.06.02]. Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường đã thể hiện rõ ràng các mục tiêu, giải pháp, kế hoạch cụ thể để thực hiện một cách khoa học và chặt chẽ [H2.02.06.01]. Đồng thời, Nhà trường đã ban hành và áp dụng các chính sách, biện pháp giám sát, đánh giá việc thực

hiện kế hoạch, chiến lược phát triển của Trường như xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn cụ thể hoá các chủ trương, văn bản của cấp trên; triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác năm của Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ, Thanh tra giáo dục, Ban Thanh tra nhân dân,... [H2.02.06.01], [H2.02.06.02].

Hằng năm, căn cứ báo cáo tổng kết của các đơn vị trực thuộc, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả các mặt hoạt động trong năm học, trong đó chú trọng đánh giá kết quả thực hiện so với mục tiêu đã xác định, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm học mới nhằm đạt được các mục tiêu dài hạn, trung hạn Nhà trường đã xác định [H2.02.06.03], [H2.02.06.04]. Báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Nhà trường được CBVC tham gia đóng góp ý kiến và thông qua tại Hội nghị trù bị Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của các Công đoàn bộ phận và tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Nhà trường [H2.02.06.03], [H2.02.06.05]. Bên cạnh đó, nội dung Nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường luôn nêu rõ định hướng phát triển, các chiến lược phát triển của Nhà trường cùng với các nội dung chỉ đạo, giám sát, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn cũng như kế hoạch hằng năm nhằm đạt được mục tiêu đã xác định [H2.02.06.06]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện công việc để từ đó áp dụng kịp thời các biện pháp nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã xác định [H2.02.06.07], [H2.02.06.08].

Điểm mạnh

Căn cứ nhu cầu nguồn nhân lực ngành xây dựng của các tỉnh ĐBSCL, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn và áp dụng các biện pháp giám sát, đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo thực hiện đúng các kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

Tồn tại

Việc bổ sung, điều chỉnh một số chỉ tiêu chiến lược phát triển để phù hợp với tình hình thực tiễn đôi lúc thực hiện chưa kịp thời.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá các chỉ tiêu chiến lược để từ đó bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Nhà trường.

Mô tả

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp chịu sự quản lý toàn diện và trực tiếp của Bộ Xây dựng, sự quản lý đào tạo của Bộ GD&ĐT, do vậy, hằng năm Nhà trường thực hiện báo cáo thống kê định kỳ đến Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan [H2.02.07.01]. Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT và nhằm công khai các điều kiện ĐBCL, hằng năm, Nhà trường báo cáo thực hiện quy chế công khai và đăng tải trên Website của Trường [H2.02.07.02]. Bên cạnh đó, các đơn vị, các tổ chức Đảng, Đoàn thể thực hiện quy định báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của công văn đến [H2.02.07.01].

Hằng năm, Nhà trường định kỳ thực hiện báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo trên cơ sở tổng hợp các báo cáo đánh giá nhiệm vụ công tác năm học của từng đơn vị trực thuộc [H2.02.07.03], [H2.02.07.04]. Trong quản lý và điều hành hoạt động của Nhà trường, định kỳ tại cuộc họp giao ban hằng tháng, các đơn vị báo cáo kết quả công việc đã thực hiện và kế hoạch, phương hướng công tác tháng tiếp theo [H2.02.07.04], [H2.02.07.06]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường đánh giá kết quả công tác đã triển khai thực hiện, thảo luận và thông qua kế hoạch, phương hướng công tác tháng tiếp theo [H2.02.07.05]. Ngoài ra, kết quả và kế hoạch công tác từng học kỳ, từng năm học của Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể được báo cáo, thảo luận, thông qua tại các Hội nghị cán bộ công chức viên chức; Đại hội Đảng bộ; Đại hội Công đoàn cơ sở; Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường [H2.02.07.06].

Đối với công tác văn thư và lưu trữ, Nhà trường ban hành Quy chế về công tác văn thư và lưu trữ, trong đó CB văn thư lập sổ theo dõi chặt chẽ văn bản đến, văn bản đi, sổ giao nhận văn bản cho từng đơn vị; lập sổ theo dõi cho từng loại văn bản theo từng năm và trước khi đóng dấu CB văn thư đều kiểm tra nội dung cũng như hình thức văn bản, nếu phát hiện sai sót thì đề nghị điều chỉnh kịp thời; đồng thời các sổ theo dõi văn bản mật và con dấu mật được quản lý riêng [H2.02.07.07], [H2.02.07.08]. Tất cả các văn bản khi được ban hành hoặc gửi đi, CB văn thư lưu lại 01 bản gốc để lưu trữ và các văn bản lưu trữ được lập hồ sơ theo dõi, phân theo từng loại văn bản, theo từng năm tài chính và cho vào từng tập hồ sơ, trong đó mỗi văn bản được gán cho một số thứ tự, xếp từ nhỏ đến lớn tương ứng với thời điểm ban hành [H2.02.07.07], [H2.02.07.10]. Nhà trường đồng thời phân công trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo và lưu trữ theo từng lĩnh vực công tác cho các đơn vị trực thuộc như công tác đào tạo, công tác tổ chức CB, công tác tài chính, công tác KT&ĐBCL, công tác quản lý KH&HTQT, công tác HSSV, công tác phòng chống tham nhũng một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, các sở ban ngành tỉnh như: Sở GD&ĐT Vĩnh Long, Cục thống kê Vĩnh Long,... [H2.02.07.09]. NV làm công tác văn thư của Nhà trường được tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ văn thư và lưu trữ [H2.02.07.11]. Nhà trường triển khai thực hiện công tác lưu trữ bằng hình thức bản in và bản điện tử [H2.02.07.07]. Các báo cáo của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định về công tác văn thư và lưu trữ, trong đó, văn bản in được lưu trữ tại Phòng TCHC, văn bản điện tử lưu trên hệ thống máy tính của Nhà trường [H2.02.07.07], [H2.02.07.09]. Từ đầu năm 2017, Nhà trường đã bố trí kho lưu trữ chung cho toàn bộ hồ sơ, văn bản của Trường [H2.02.07.10].

Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên hay đột xuất cho cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và các đơn vị hữu quan theo từng lĩnh vực công tác.
- Công tác lưu trữ báo cáo của Trường được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, khoa

học, nghiêm túc, đúng theo quy định.

Tồn tại

Việc tổ chức kiểm tra công tác lưu trữ của các đơn vị trực thuộc Nhà trường chưa được tiến hành thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng TCHC định kỳ từng học kỳ tiến hành kiểm tra công tác lưu trữ của các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả của công tác lưu trữ.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường vận hành cơ cấu tổ chức và quản lý theo đúng Điều lệ trường ĐH, phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường; được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc và của CBQL, GV, NV được quy định rõ ràng, đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quản lý và phổ biến đến toàn thể CBQL, GV, NV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực ĐBSCL trong việc cung ứng nguồn nhân lực ngành xây dựng chất lượng cao cho địa phương và khu vực. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động đúng theo Điều lệ và các quy định pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của Nhà trường.

Tuy nhiên, cán bộ làm công tác văn phòng của các tổ chức đoàn thể của Nhà trường là kiêm nhiệm. Trong thời gian đến, Nhà trường bố trí CB chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động, đáp ứng định hướng phát triển của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 7 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí)

Mở đầu

Nhà trường quan tâm phát triển CTĐT theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, trong đó chú trọng đồng thời xây dựng mới CTĐT và định kỳ bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động của địa phương, khu vực và cả nước. CTĐT của Nhà trường có mục tiêu rõ ràng, được thiết kế đảm bảo tính hệ thống, tính hiện đại, tính thực tiễn, tính kế thừa và tính phát triển, tính liên thông giữa các ngành, các bậc đào tạo. Dựa trên cơ sở CTĐT đã được phê duyệt và ban hành, Nhà trường triển khai xây dựng đề cương chi tiết của từng ngành học. Tất cả CTĐT và đề cương chi tiết được Nhà trường thông báo rộng rãi và kịp thời đến GV và SV. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến của CB, GV, SV, cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng CTĐT để từ đó tiến hành bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của một trường ĐH ngành xây dựng ở vùng ĐBSCL và nhằm phục vụ thiết thực nhu cầu nguồn nhân lực của các cơ quan, doanh nghiệp.

Tiêu chí 3.1. CTĐT của trường ĐH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT được xây dựng với sự tham gia của GV, CBQL, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp, và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.

Mô tả

Căn cứ các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường ban hành văn bản quy định xây dựng CTĐT trong đó hướng dẫn cụ thể các nội dung thực hiện của quy trình xây dựng CTĐT [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Nhà trường triển khai xây dựng CTĐT cho các ngành bao gồm các trình độ ĐH, CĐ đào tạo theo học chế tín chỉ theo đúng quy định [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Hiện nay, Nhà trường có 08 ngành đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy, 03 ngành đào tạo trình độ ĐH hệ liên thông, 02 ngành đào tạo trình độ ĐH hệ VLVH và 05 ngành đào tạo trình độ CĐ [H3.03.01.02].

Các CTĐT ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ của Nhà trường được bắt đầu áp

dụng từ năm học 2012-2013 [H3.03.01.03]. Các CTĐT được xây dựng đáp ứng yêu cầu về thời gian đào tạo, khối lượng tín chỉ tối thiểu, khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn [H3.03.01.03]. Trên cơ sở các quy định về xây dựng, rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về rà soát, điều chỉnh CTĐT, trong đó quy định khi xây dựng CTĐT phải thực hiện tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, CBQL, GV, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp [H3.03.01.04]. Đồng thời, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá và điều chỉnh các CTĐT ĐH, CĐ của Trường [H3.03.01.05].

Thực hiện quy định của Nhà trường về xây dựng, điều chỉnh CTĐT, các Khoa giao cho các Bộ môn tiến hành xây dựng dự thảo CTĐT trong đó lưu ý tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín ở trong nước và quốc tế, tiến hành lấy ý kiến góp ý của CBQL, GV, các nhà khoa học chuyên môn, nhà tuyển dụng lao động và cựu SV [H3.03.01.06]. Trên cơ sở kết quả thẩm định dự thảo CTĐT của Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường tổ chức họp thông qua CTĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường về xây dựng, điều chỉnh CTĐT [H3.03.01.07]. Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành CTĐT và công bố công khai trên Website của Trường [H3.03.01.08], [H3.03.01.09].

Các CTĐT hiện đang sử dụng của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tham khảo, so sánh đối chiếu với CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước, như Trường ĐH Bách khoa TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kiến trúc TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, Trường ĐH Xây dựng,... [H3.03.01.10].

Để nâng cao chất lượng đào tạo gắn với thị trường lao động, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT trên cơ sở rút kết kinh nghiệm, lấy ý kiến từ các bên có liên quan thông qua các Hội nghị tổng kết công tác đào tạo,

báo cáo tổng kết công tác thực tập của SV, kết quả lấy ý kiến phản hồi của cơ quan, doanh nghiệp về chất lượng CTĐT, ý kiến của SV năm cuối và cựu SV về CTĐT của Nhà trường [H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H3.03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15], [H3.03.01.16].

Điểm mạnh

- Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo CTĐT của các trường ĐH uy tín trong nước và quốc tế, có sự tham gia đóng góp ý của các nhà chuyên môn, CBQL, GV, nhà tuyển dụng lao động và cựu SV.

- Hệ thống CTĐT của Nhà trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến hợp lý, khoa học, phù hợp với thực tiễn đào tạo và với sứ mạng, mục tiêu giáo dục của trường ĐH ngành xây dựng ở vùng ĐBSCL.

Tồn tại

Nhà trường mới triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV do tháng 8/2017, khóa SV ĐH chính quy đầu tiên mới tốt nghiệp.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, định kỳ hằng năm Nhà trường triển khai lấy ý kiến cựu SV đánh giá về CTĐT một cách hệ thống và hiệu quả.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Mô tả

Tất cả CTĐT của Nhà trường có mục tiêu rõ ràng, đáp ứng mục tiêu đào tạo trình độ ĐH theo Luật GD, Luật GDDH và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, trong đó mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Mục tiêu chung của tất cả các CTĐT của Nhà trường thể hiện rõ là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến

thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế [H3.03.02.03].

CTĐT của Nhà trường có cấu trúc hợp lý, trong đó phân bố cân đối giữa khối kiến thức đại cương và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.02.03]. CTĐT được thiết kế có 150 tín chỉ, trong đó có 130 tín chỉ bắt buộc và 20 tín chỉ tự chọn. Các tín chỉ tự chọn giúp trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu thị trường lao động [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Các CTĐT của Nhà trường được thiết kế một cách hợp lý với các môn học được bố trí logic, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành CDR của các ngành đào tạo, trong đó thể hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được đồng thời thể hiện rõ vị trí việc làm sau khi SV tốt nghiệp và cơ hội học tập các trình độ cao hơn [H3.03.02.04]. CDR của các ngành học được công bố công khai trên Website của Nhà trường, được thể hiện rõ trong Sổ tay SV và thông báo cụ thể, chi tiết đến toàn thể SV tại Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H3.03.02.05].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến của CBQL, GV, SV trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT và ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, cựu SV về mức độ đáp ứng linh hoạt của các CTĐT đối với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Kết quả khảo sát thể hiện các CTĐT của Nhà trường có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Bên cạnh đó, kết quả báo cáo thực tập cuối khóa của SV Nhà trường đồng thời thể hiện rõ mức độ đáp ứng linh hoạt của các CTĐT đối với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động của tỉnh Vĩnh Long và khu vực ĐBSCL [H3.03.02.09].

Điểm mạnh

- Tất cả các CTĐT của Nhà trường có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho các chuyên ngành học, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH.

- Các CTĐT của Nhà trường được các bên liên quan đánh giá đáp ứng linh hoạt nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Tồn tại

CĐR các ngành đào tạo của Nhà trường về ngoại ngữ hiện đang là trình độ B1 nội bộ.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường từng bước áp dụng CĐR ngoại ngữ đối với SV theo chuẩn quốc tế.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả

Nhà trường hiện đang tổ chức thực hiện đào tạo đa ngành với nhiều hình thức đào tạo khác nhau, trong đó ngoài hệ đào tạo chính quy, để đáp ứng nhu cầu của các địa phương, Trường đã liên kết với các cơ sở giáo dục trong khu vực và một số tỉnh, thành trong cả nước, thực hiện loại hình đào tạo thường xuyên [H3.03.03.03]. Các CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên của Nhà trường được thiết kế theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, trong đó cấu trúc tất cả các CTĐT bao gồm 10 phần [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]:

1. Mục tiêu đào tạo
2. Chuẩn đầu ra
3. Thời gian đào tạo
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa
5. Đối tượng tuyển sinh
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

7. Thang điểm
8. Cấu trúc và nội dung CTĐT
9. Kế hoạch giáo dục
10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Các CTĐT được thiết kế đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, có cấu trúc hợp lý, bảo đảm tính logic giữa các môn học, đúng với các quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT và đúng với quy định đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ và quy định đào tạo ĐH, CĐ hình thức VLVH theo học chế tín chỉ của Nhà trường [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Trong mỗi CTĐT thể hiện rõ nội dung chương trình, CDR, trong đó từ năm 2015, Nhà trường đã ban hành và áp dụng CDR ngoại ngữ đối với SV [H3.03.03.02], [H3.03.03.06].

Nhà trường xây dựng CTĐT hệ VLVH trên cơ sở thống nhất với CTĐT chính quy cùng chuyên ngành [H3.03.03.07]. CTĐT hệ VLVH được xây dựng phù hợp với đối tượng VLVH và đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H3.03.03.07]. Nhà trường bố trí kế hoạch giảng dạy, trong đó tổ chức giảng dạy kết hợp giữa các ngày trong tuần, học ban đêm và học vào các ngày cuối tuần, phù hợp với đối tượng người học của hệ VLVH [H3.03.03.08].

Nhà trường đảm bảo các điều kiện tổ chức CTĐT chính quy và thường xuyên như ĐBCL đội ngũ GV, CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo, đề cương chi tiết học phần,...[H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc báo giảng và phân công giảng dạy cụ thể đối với CTĐT chính quy và thường xuyên trong đó đảm bảo phân công GV đạt chuẩn theo quy định tham gia giảng dạy [H3.03.03.12].

Điểm mạnh

- Tất cả CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên của Nhà trường có cấu trúc và nội dung được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.
- Nhà trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện ĐBCL đối với CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên.

Tồn tại

Do đặc thù của người học nên chất lượng đầu vào của hệ giáo dục thường xuyên chưa tương xứng với hệ chính quy.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường chú trọng mức độ tương ứng giữa đề thi tuyển sinh hệ giáo dục thường xuyên với hệ chính quy nhằm nâng cao chất lượng đầu vào của hệ giáo dục thường xuyên.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

Mô tả

Từ năm học 2012–2013, Nhà trường thực hiện các CTĐT trình độ ĐH, CĐ theo hệ thống tín chỉ [H3.03.04.01]. Do vậy, các CTĐT của Nhà trường được rà soát, chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ để phục vụ việc áp dụng đồng bộ đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường [H3.03.04.01].

Thực hiện Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo ĐH, ThS, TS, năm 2016, Nhà trường ban hành quy định về rà soát, điều chỉnh CTĐT và triển khai thực hiện trong toàn Trường [H3.03.04.02], [H3.03.04.03].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, thông báo đến các Khoa để triển khai thực hiện [H3.03.04.03]. Với định hướng rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long và khu vực ĐBSCL, căn cứ kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT đã được Nhà trường ban hành, các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của

CBQL, GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động, các tổ chức giáo dục về chất lượng các CTĐT [H3.03.04.05], [H3.03.04.06], [H3.03.04.07]. Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan và báo cáo thực tập cuối khóa của SV Nhà trường, các Khoa xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT và tiến hành cải tiến CTĐT [H3.03.04.08], [H3.03.04.09]. Ngoài ra, trong quá trình điều chỉnh CTĐT, các Khoa đã tiến hành tham khảo CTĐT của các trường ĐH có uy tín ở trong nước và quốc tế [H3.03.04.10]. Nhờ vậy, các CTĐT của Nhà trường sau khi điều chỉnh đã được tăng cường tính thực hành, thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước [H3.03.04.11].

Hiện nay, tất cả CTĐT của Nhà trường trong giai đoạn 05 năm vừa qua đã được bổ sung, điều chỉnh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H3.03.04.02], [H3.03.04.03], [H3.03.04.11].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành quy định về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT và triển khai điều chỉnh, cải tiến các CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long, khu vực ĐBSCL và cả nước.

- Tất cả các CTĐT của Nhà trường được bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi của CBQL, GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động và các tổ chức giáo dục.

Tồn tại

Một số ngành học bắt đầu đào tạo từ năm học 2013–2014, đến nay chưa có SV tốt nghiệp nên Nhà trường chưa thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng CTĐT.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường triển khai lấy ý kiến đánh giá của cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng CTĐT làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. CTĐT được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác.

Mô tả

Việc liên thông giữa các trình độ, các ngành học và các loại hình đào tạo được quy định rõ trong văn bản quy định xây dựng CTĐT của Nhà trường [H3.03.05.01]. Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về việc xây dựng CTĐT và quy định đào tạo liên thông, các CTĐT của Trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông ngang và dọc, nhất quán giữa các trình độ đào tạo, các ngành đào tạo [H3.03.05.02], [H3.03.05.03].

Việc liên thông dọc giữa các trình độ giúp người học rút ngắn thời gian đào tạo đối với liên thông trình độ ĐH [H3.03.05.02], [H3.03.05.03], [H3.03.05.04]. Thời gian đào tạo được rút ngắn do người học được chuyển điểm các môn học đã hoàn thành ở bậc học thấp hơn và phù hợp với môn học trong CTĐT của bậc học liên thông đào tạo [H3.03.05.02], [H3.03.05.04]. Bên cạnh đó, số lượng các môn học có nội dung và thời lượng tương đương giữa các bậc đào tạo liên thông chiếm tỷ lệ cao do khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp của trình độ đào tạo thấp hơn không lặp lại trong CTĐT liên thông, cụ thể như học phần Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, Anh văn cơ bản, Tin học [H3.03.05.03]. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện để người học tham gia học tập ở các bậc học cao hơn, Nhà trường đã ban hành CDR các ngành đào tạo, trong đó xác định rõ các ngành học của bậc học cao hơn để người học có thể học tập sau khi tốt nghiệp [H3.03.05.06].

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT liên thông của Bộ GD&ĐT [H3.03.05.02], [H3.03.05.05]. Trong quá trình xây dựng CTĐT liên thông, Nhà trường tiến hành so sánh, đối chiếu các khối kiến thức giữa CTĐT trình độ CĐ với trình độ ĐH, danh sách các học phần bổ sung kiến thức đối với các ngành cùng nhóm ngành với ngành đào tạo liên thông [H3.03.05.05]. Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện 03 CTĐT liên thông từ CĐ lên ĐH, bao gồm: ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kỹ thuật Cấp thoát nước, Kỹ thuật Giao thông; đồng

thời trong nội dung CTĐT liên thông luôn xác định rõ đối tượng và điều kiện tuyển sinh của các ngành đào tạo [H3.03.05.03].

Đối với liên thông ngang, Nhà trường tổ chức thiết kế các học phần giống nhau giữa các ngành đào tạo với thời lượng, nội dung và quy định mã học phần giống nhau, trong đó chủ yếu là các học phần thuộc về khối kiến thức đại cương và được thể hiện rõ trong các CTĐT [H3.03.05.03]. Bên cạnh đó, điều kiện liên thông ngang giữa các ngành đào tạo được quy định trong Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ do Nhà trường ban hành và trong nội dung CTĐT [H3.03.05.03]. [H3.03.05.07]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức các lớp học phần với sự tham gia của SV trong toàn Trường, tạo điều kiện thuận lợi để SV lựa chọn, sắp xếp thời khóa biểu học tập cũng như việc tổ chức dạy học của Nhà trường [H3.03.05.07], [H3.03.05.08], [H3.03.05.09]. Ngoài ra, trong điều kiện chuyển đổi từ hệ chính quy sang hệ VLVH, người học được phép chuyển điểm các học phần đã hoàn thành [H3.03.05.07], [H3.03.05.08].

Việc liên thông ngoài giữa Nhà trường với các trường ĐH khác được thực hiện thường xuyên, trong đó SV tốt nghiệp của Trường có thể tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn tại các cơ sở đào tạo khác như liên thông ĐH, cao học với Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh,... hoặc thực hiện việc chuyển trường đến học tập tại các trường ĐH khác [H3.03.05.10], [H3.03.05.11]. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện để SV từ các trường ĐH khác có nhu cầu chuyển đến học tập, liên thông tại Trường [H3.03.05.11].

Điểm mạnh

- CTĐT của các ngành, chuyên ngành của các trình độ đào tạo đã được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo, giữa các ngành, chuyên ngành đào tạo.

- Các CTĐT của Nhà trường đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Tồn tại

Nhà trường chỉ mới triển khai liên kết đào tạo sau ĐH.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2018-2019, Nhà trường thực hiện hồ sơ mở ngành và triển khai đào tạo sau ĐH ngành xây dựng, tiến đến năm 2022, xây dựng và triển khai đào tạo sau ĐH đối với tất cả các ngành đào tạo ĐH của Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. CTĐT được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Mô tả

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã thực hiện đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo học chế tín chỉ từ năm học 2012 - 2013 [H3.03.06.01]. Trong quá trình triển khai thực hiện CTĐT, hằng năm, Nhà trường ban hành văn bản chỉ đạo các Khoa tiến hành đánh giá, rà soát, điều chỉnh các học phần, số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập cho phù hợp với quá trình đào tạo [H3.03.06.02], [H3.03.06.03].

Năm 2016, thực hiện Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo ĐH, Ths, TS, Nhà trường đã ban hành quy định về rà soát, điều chỉnh CTĐT [H3.03.06.04]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể, điều chỉnh CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản quy định của Trường [H3.03.06.04], [H3.03.06.05]. Đồng thời, Nhà trường chỉ đạo, yêu cầu các Khoa tiến hành TĐG các CTĐT [H3.03.06.05]. Trong quá trình TĐG, các Khoa đã thực hiện khảo sát ý kiến của CBQL, GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động, các tổ chức giáo dục về chất lượng CTĐT [H3.03.06.06]. Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, các Khoa xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT và tiến hành điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H3.03.06.05], [H3.03.06.07].

Trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, Nhà trường đã tổ chức các hội thảo sơ kết, tổng kết công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, hội nghị tổng kết công tác đào tạo hằng năm để rút kinh nghiệm trong công tác quản lý đào tạo, từ đó đề xuất những cải tiến về nội dung CTĐT, cụ thể như điều chỉnh số

tiết thực hành của một số học phần, bổ sung các học phần tự chọn, đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá KQHT của người học,... [H3.03.06.08].

Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành văn bản quy định và triển khai công tác TĐG CTĐT.
- Các CTĐT của Nhà trường được điều chỉnh, cải tiến dựa trên kết quả TĐG và kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tồn tại

Các CTĐT của Nhà trường chưa được tổ chức đánh giá đồng cấp và KĐCL.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiến hành TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc để KĐCL trong năm 2019, tiến đến năm 2022 tất cả các CTĐT của Nhà trường được đánh giá đồng cấp hoặc KĐCL.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT; có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có cấu trúc hợp lý, khoa học; đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH. Các CTĐT của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi của CBQL, GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của tỉnh Vĩnh Long, khu vực ĐBSCL và cả nước.

Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến của cựu SV mới được Nhà trường thực hiện do SV ĐH chính quy ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc vừa tốt nghiệp vào tháng 8/2017. Trong thời gian tới, định kỳ hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến cựu SV đánh giá về CTĐT một cách có hệ thống và hiệu quả, làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 6 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)

Mở đầu

Với việc xác định tầm quan trọng của hoạt động đào tạo trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng tổ chức các hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trong những năm qua, Nhà trường đã tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đa dạng hóa các phương thức và loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục, các trường ĐH trong nước và quốc tế. Các hoạt động đào tạo được Nhà trường tổ chức theo đúng quy định, đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, liên thông, phát huy tính tích cực của người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện. Nhà trường luôn chú trọng tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, đồng thời quan tâm xây dựng cơ sở dữ liệu về đào tạo và tình hình việc làm của SV tốt nghiệp cũng như thực hiện cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng theo quy định.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

Mô tả

Ngay từ khi được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường CĐXDMT, Nhà trường đã định hướng xây dựng và phát triển theo hướng đào tạo đa ngành, đa bậc, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của người học [H4.04.01.01]. Hiện nay, các CTĐT của Nhà trường bao gồm 08 ngành trình độ ĐH chính quy, 05 ngành đào tạo trình độ CĐ và đào tạo 03 ngành liên thông từ CĐ lên ĐH [H4.04.01.02].

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học, Nhà trường tổ chức đào tạo bậc ĐH hệ chính quy, VLVH, liên thông, liên kết [H4.04.01.02]. Hiện nay, đối với hệ chính quy, Nhà trường tổ chức đào tạo 8 ngành trình độ ĐH, 5 ngành đào tạo trình độ CĐ và đào tạo 3 ngành liên thông từ CĐ lên ĐH [H4.04.01.03]. Đối với giáo dục thường xuyên, Nhà trường tổ chức đào tạo 2 ngành trình độ ĐH và đào tạo 3 ngành liên thông từ CĐ lên ĐH [H4.04.01.03]. Trong quá trình tổ chức

đào tạo, Nhà trường luôn đảm bảo các điều kiện ĐBCL theo quy định và hằng năm thực hiện quy chế công khai trên Website của Trường, đồng thời báo cáo Bộ GD&ĐT [H4.04.01.04], [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Để góp phần tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, kinh tế chất lượng cao cho địa phương và các tỉnh khu vực ĐBSCL, Nhà trường đã liên kết đào tạo với nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu trên toàn quốc như: Trường ĐH Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo liên thông từ trung cấp lên ĐH và trình độ ĐH hệ VLVH ngành xây dựng; Trường ĐH Xây dựng đào tạo ĐH ngành Cấp thoát nước; Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội đào tạo Cao học ngành Xây dựng và ngành Quản lý Đô thị; Học viện Tài chính đào tạo Cao học ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản lý Kinh tế [H4.04.01.08]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ, Tư vấn giám sát, Tay nghề bậc thợ ngành nước, ngành nghề theo nhu cầu của các địa phương [H4.04.01.09].

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành các văn bản quy định về đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy và hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ để tổ chức hoạt động đào tạo của Trường [H4.04.01.10], [H4.04.01.11]. Đồng thời, Nhà trường đảm bảo các điều kiện ĐBCL để triển khai các hoạt động đào tạo tại Trường và tại các cơ sở liên kết đào tạo [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14]. Nhà trường chỉ đạo các Khoa định kỳ hằng năm tiến hành khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về nhu cầu nguồn nhân lực để từ đó xác định quy mô và các CDR theo nhu cầu đào tạo của xã hội [H4.04.01.15], [H4.04.01.16]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo nhằm đánh giá kết quả tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo và những hạn chế, tồn tại để từ đó định hướng và áp dụng các biện pháp đa dạng hóa loại hình đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học [H4.04.01.17].

Điểm mạnh

- Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của người học, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương, khu vực và cả nước.

- Các hình thức đào tạo của Nhà trường được đảm bảo các điều kiện ĐBCL theo quy định.

Tồn tại

Nhà trường chưa triển khai CTĐT chất lượng cao.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường từng bước xây dựng đề án mở ngành và tổ chức CTĐT chất lượng cao ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và tiến đến năm 2022, triển khai 50% CTĐT chất lượng cao trong tổng số các CTĐT ĐH của Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận KQHT của người học theo niên chế kết hợp với môn học; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Mô tả

Thực hiện yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ [H4.04.02.01]. Nhà trường đã tổ chức tập huấn CB, GV, SV về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [H4.04.02.02]. Đồng thời, Nhà trường xây dựng kế hoạch và lộ trình xây dựng CTĐT trình độ ĐH, CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H4.04.02.03]. Trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành xây dựng tất cả CTĐT của Nhà trường theo học chế tín chỉ [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy định đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ, trong đó quy định về việc công nhận KQHT của người học theo học chế tín chỉ đối với các học phần [H4.04.02.05]. Trên bảng điểm cấp cho SV, Nhà trường thể hiện điểm các học phần theo thang điểm 10 và thang điểm 4 [H4.04.02.06].

Từ năm học 2012-2013, Nhà trường đã triển khai phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đối với các CTĐT của Trường [H4.04.02.04], [H4.04.02.05]. Nhà trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, trong đó các ý kiến của CB, GV, SV đánh giá việc thực hiện phương thức đào

tạo theo học chế tín chỉ đã giúp SV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, đồng thời SV có thể lựa chọn các học phần tự chọn theo nhu cầu, từ đó thể hiện tính linh hoạt, mềm dẻo của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [H4.04.02.07]. Bên cạnh đó, mỗi SV được cấp một tài khoản cá nhân và sử dụng để đăng ký khối lượng học tập trong từng học kỳ, xem lịch học, lịch thi, KQHT của bản thân, tăng cường tính chủ động của SV trong học tập [H4.04.02.07].

Trong quá trình triển khai phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi cho người học [H4.04.02.08].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đối với tất cả CTĐT từ năm học 2012 - 2013.

- Nhà trường thực hiện công nhận KQHT của người học theo thang điểm 10 và thang điểm 4.

Tồn tại

Việc triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của người học hệ VLVH về phương thức đào tạo học chế tín chỉ chưa thường xuyên thực hiện.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV hệ VLVH về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

Mô tả

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.03.01]. Dựa trên kế hoạch đã được xây dựng, Phòng TCHC và Phòng QLĐT phối hợp với các

phòng chức năng và các Khoa triển khai các đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.03.02].

Nhà trường ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và yêu cầu các Khoa thông báo rộng rãi đến GV và SV để thực hiện với yêu cầu tất cả GV tham gia giảng dạy được lấy ý kiến phản hồi từ người học [H4.04.03.03]. Trong từng học kỳ, Nhà trường ban hành kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và tổ chức triển khai thực hiện, trong đó Phòng KT&ĐBCL là đơn vị khảo sát thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp của SV bằng phiếu hỏi tại lớp học trước khi kết thúc học phần [H4.04.03.04]. Phòng KT&ĐBCL tiến hành xử lý dữ liệu và gửi báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đến BGH Nhà trường, đồng thời gửi lãnh đạo các Khoa báo cáo kết quả khảo sát của đơn vị và kết quả khảo sát đến từng GV [H4.04.03.05], [H4.04.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm về hoạt động giảng dạy của GV dựa trên kết quả khảo sát kiến phản hồi từ người học [H4.04.03.07].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đồng thời được Nhà trường thực hiện thông qua tổ chức hội thi tiết giảng tốt cấp khoa, cấp trường, đánh giá, phân loại viên chức hằng năm, đánh giá của đồng nghiệp, kết quả kiểm tra giờ lên lớp của GV do Phòng KT&ĐBCL thực hiện [H4.04.03.08], [H4.04.03.09].

Nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực về đổi mới PPDH cho đội ngũ GV, Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn; các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá theo năng lực [H4.04.03.10], [H4.04.03.11]. Trong kế hoạch năm học hằng năm, Nhà trường luôn chú trọng triển khai để GV thực hiện đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học [H4.04.03.01]. Nhà trường đã yêu cầu các Khoa tích cực triển khai để GV thực hiện đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học [H4.04.03.08], [H4.04.03.12], [H4.04.03.13]. Hằng năm, tại Hội nghị cán bộ công chức viên chức và Hội nghị tổng kết công tác đào tạo, Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả thực hiện đổi

mới PPDH, phương pháp đánh giá KQHT, trong đó thể hiện GV Nhà trường đã tích cực thực hiện hiệu quả việc đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học [H4.04.03.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành quy định, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV với yêu cầu tất cả GV tham gia giảng dạy được lấy ý kiến phản hồi từ người học.

- Hoạt động đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học theo hướng theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

Tồn tại

Các lớp bồi dưỡng về đổi mới PPDH tuy đã được Nhà trường tổ chức nhưng chưa thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ từng học kỳ, Nhà trường tổ chức bồi dưỡng về đổi mới PPDH cho đội ngũ GV trong đó chú trọng cập nhật các PPDH hiện đại nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Mô tả

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về thi và kiểm tra, đánh giá trong đó chú trọng việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn

học; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.04.04.01], [H4.04.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy định về việc giao đề án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên hệ chính quy đồng thời thông báo cụ thể, kịp thời về việc tổ chức thi và bảo vệ đề án, khóa luận tốt nghiệp cũng như quy định về thời gian nhập điểm thi của mỗi học kỳ [H4.04.04.03], [H4.04.04.04]. Các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của người học được thể hiện trong Sổ tay SV và các hình thức thi kết thúc học phần cụ thể được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần [H4.04.04.07], [H4.04.04.08].

Nhà trường quy định áp dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá theo quá trình, trong đó điểm học phần gồm điểm đánh giá thường xuyên (trọng số 30%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 70%) [H4.04.04.01]. Điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện qua các hoạt động bao gồm: kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm bài tập lớn [H4.04.04.01]. Thi kết thúc học phần được tổ chức tập trung theo từng học kỳ, mỗi học kỳ tổ chức 01 lần thi và công bố công khai đáp án từng học phần trên Website Nhà trường [H4.04.04.01], [H4.04.04.02]. Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức “3 chung”: SV học chung một học phần sẽ thi chung ngày giờ; danh sách thi toàn trường sẽ sắp xếp theo thứ tự Alphabet, thi chung đề và chấm chung [H4.04.04.02]. Bên cạnh đó, quy trình ra đề, duyệt đề, in sao, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng [H4.04.04.02]. Ngoài ra, các trường hợp khiếu nại của người học về kết quả kiểm tra, đánh giá luôn được giải quyết thỏa đáng và kịp thời [H4.04.04.09].

Nhà trường đã ban hành Quy định xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H4.04.04.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức thi và kiểm tra khác nhau đối với kỳ thi kết thúc học phần, trong đó chủ yếu là hình thức thi tự luận, ngoài ra áp dụng hình thức thi trắc nghiệm, thực hành, thi vấn đáp [H4.04.04.06], [H4.04.04.08]. Để chuẩn hóa công tác kiểm tra, đánh giá

KQHT của người học, Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL là đơn vị có trách nhiệm tổ chức các hoạt động khảo thí, thi, kiểm tra, đánh giá KQHT của người học trong toàn Trường [H4.04.04.10].

Hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của người học giữa các trình độ đào tạo và các hình thức đào tạo được Nhà trường thực hiện đồng nhất nhằm góp phần ĐBCL đào tạo [H4.04.04.11]. Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá với kết quả đa số người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá đã công bố [H4.04.04.12]. Ngoài ra, Nhà trường chức Hội nghị về công tác thi và đánh giá KQHT của người học nhằm đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các biện pháp đa dạng hóa các phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá; đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học; đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đồng thời đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H4.04.04.12].

Điểm mạnh

- Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu học phần.

- Các phương pháp kiểm tra, đánh giá Nhà trường sử dụng đã đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát ý kiến của người học về mức độ phân hóa đề thi kết thúc học phần.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học đánh giá đề thi kết thúc học phần nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa đề thi với mục tiêu

môn học và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Mô tả

Bắt đầu từ năm học 2012-2013, với việc Nhà trường thực hiện phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, KQHT của người học được xử lý và lưu trữ thông qua phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.05.01]. Nhà trường đã ban hành Quy định Công tác học vụ theo học chế tín chỉ và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy, trong đó quy định cụ thể về thời gian công bố KQHT của người học [H4.04.05.02], [H4.04.05.03]. Kết quả học tập của người học được Nhà trường thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng theo thời gian quy định [H4.04.05.02], [H4.04.05.03], [H4.04.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện lưu trữ KQHT của SV một cách đầy đủ, chính xác, an toàn bằng phần mềm quản lý đào tạo và lưu trữ văn bản tại Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL [H4.04.05.01], [H4.04.05.05]. KQHT của người học được lưu trữ theo từng cá nhân, từng lớp học, từng học kỳ, từng năm, từng khóa nên không có tình trạng thất lạc điểm của người học, đồng thời các bảng thống kê kết quả đều có xác nhận của các cấp quản lý đối với văn bản giấy [H4.04.05.01], [H4.04.05.05].

Sau khi kết thúc học phần, GV có trách nhiệm nhập điểm quá trình (có trọng số 30%) của từng SV vào phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và bảng điểm giấy được lưu trữ ở Phòng QLĐT và các Khoa [H4.04.05.01], [H4.04.05.02]. Sau khi nhập điểm và xác nhận, GV không thể sửa đổi KQHT của người học và người học có thể xem điểm của cá nhân [H4.04.05.01], [H4.04.05.02]. Phòng KT&ĐBCL nhập điểm thi kết thúc học phần (có trọng số 70%) vào phần mềm quản lý đào tạo; bảng điểm thi kết thúc học phần được lưu trữ văn bản giấy tại Phòng QLĐT và Phòng KT&ĐBCL [H4.04.05.01], [H4.04.05.02], [H4.04.05.06].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho SV đã hoàn thành CTĐT theo quy định [H4.04.05.07]. Danh sách SV tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp ĐH, CĐ được thông báo trên Website của Trường [H4.04.05.12]. Căn cứ quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng GDDH và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, Nhà trường thực hiện việc cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ được cấp và đúng theo quy định [H4.04.05.08], [H4.04.05.09], [H4.04.05.10], [H4.04.05.11]. Hệ thống sổ sách lưu trữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp rõ ràng, được lưu trữ theo từng khóa tốt nghiệp [H4.04.05.08], [H4.04.05.10]. Nhà trường công bố danh sách SV được công nhận tốt nghiệp, thông tin về văn bằng đã cấp trên Website của Trường nhằm tạo điều kiện cho việc tra cứu của SV và doanh nghiệp sử dụng lao động [H4.04.05.12].

Điểm mạnh

- KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống quản lý đào tạo và văn bản giấy, chính xác và an toàn.

- Văn bằng, chứng chỉ được Nhà trường cấp đúng theo quy định của Nhà nước và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ của Nhà trường chưa có chức năng quản lý văn bằng, chứng chỉ.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tiến hành nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

Mô tả

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp, trong

đó đã ban hành quy định về công tác lưu trữ để thực hiện trong toàn Trường [H4.04.06.01]. Phòng QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL về hoạt động đào tạo của Nhà trường [H4.04.06.04]. Hằng năm, Phòng QLĐT tiến hành nhập và lưu trữ dữ liệu về hoạt động đào tạo bao gồm: điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách SV nhập học, danh sách các lớp học phần, kế hoạch đào tạo từng khóa, đề cương học phần, thời khóa biểu, KQHT của SV, kết quả tốt nghiệp, quyết định và danh sách SV tốt nghiệp [H4.04.06.02]. CSDL về hoạt động đào tạo của Nhà trường được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo và lưu trữ bằng văn bản giấy tại Phòng QLĐT và Trung tâm ĐTTX [H4.04.06.02], [H4.04.06.03]. Bên cạnh đó, đối với hồ sơ của SV được lưu trữ và quản lý theo ngành, chuyên ngành đào tạo tại Phòng Công tác HSSV, Phòng QLĐT, Trung tâm ĐTTX [H4.04.06.01], [H4.04.06.03].

Phòng công tác HSSV là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng CSDL về tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp [H4.04.06.04]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp [H4.04.06.05]. Phòng Công tác HSSV triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV kết hợp bằng nhiều hình thức như gửi phiếu hỏi đến địa chỉ email của cựu SV, phỏng vấn về việc làm của cựu SV sau khi tốt nghiệp qua điện thoại [H4.04.06.06], [H4.04.06.07]. CSDL về tình hình của SV tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp luôn được cập nhật và lưu trữ tại Phòng Công tác HSSV [H4.04.06.08]. Năm 2017, kết quả khảo sát SV tốt nghiệp của Nhà trường về tình hình việc làm và thu nhập thể hiện 75 % SV tốt nghiệp có việc làm với thu nhập bình quân 5 đến 10 triệu đồng/tháng.

Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng và thường xuyên cập nhật CSDL về hoạt động đào tạo, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

- CSDL về hoạt động đào tạo và tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp được lưu trữ có hệ thống, an toàn.

Tồn tại

Nhà trường chưa có đầy đủ CSDL về tình hình việc làm và thu nhập của SV ĐH sau khi tốt nghiệp đối với SV hệ liên thông.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường thường xuyên triển khai lấy ý kiến SV tốt nghiệp ĐH hệ liên thông về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra Trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Mô tả

Xác định ý kiến phản hồi của cựu SV là một trong những kênh thông tin quan trọng và cần thiết để Nhà trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh và tiến hành điều chỉnh CTĐT, hoạt động đào tạo nhằm phù hợp tốt hơn nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã ban hành Quy định về việc khảo sát ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp [H4.04.07.01]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp đánh giá chất lượng CTĐT của Trường, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc, những ý kiến kiến nghị để Trường điều chỉnh, cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo [H4.04.07.02]. Theo văn bản quy định và kế hoạch của Nhà trường đã ban hành về việc khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp, Phòng công tác HSSV là đơn vị có trách nhiệm thực hiện khảo sát và SV tốt nghiệp tất cả các ngành của Trường được lấy ý kiến khảo sát [H4.04.07.01], [H4.04.07.02]. Hằng năm, Nhà trường đồng thời xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ để Phòng công tác HSSV khảo sát ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá chất lượng CTĐT, trong đó có nội dung đánh giá đối với SV tốt nghiệp của Nhà trường về mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc [H4.04.07.04].

Kết quả khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp và của doanh nghiệp sử dụng lao động sau khi được Phòng công tác HSSV xử lý dữ liệu sẽ gửi đến BGH để

báo cáo và gửi đến các Khoa [H4.04.07.03], [H4.04.07.05]. Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của SV tốt nghiệp và của doanh nghiệp sử dụng lao động, các Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch điều chỉnh, cải tiến CTĐT và triển khai điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm nâng cao chất lượng CTĐT, góp phần trang bị cho người học những kỹ năng, kiến thức phù hợp với yêu cầu của công việc thực tiễn và đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động [H4.04.07.05], [H4.04.07.06].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo nhằm trao đổi, thảo luận về các giải pháp nhằm rà soát, điều chỉnh CTĐT, trong đó chú trọng kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của SV tốt nghiệp và của doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng CTĐT của Nhà trường để từ đó điều chỉnh, cải tiến CTĐT và hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động [H4.04.07.07].

Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của SV tốt nghiệp và của doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng CTĐT đối với các ngành có SV tốt nghiệp của Trường.

- Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT và hoạt động đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Tồn tại

Do số lượng các khóa SV tốt nghiệp còn hạn chế nên Nhà trường mới chỉ triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp hệ ĐH liên thông năm 2015 và SV tốt nghiệp hệ ĐH chính quy ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kiến trúc năm 2017.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau khi ra trường và thực hiện điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động đào tạo dựa trên kết quả khảo sát nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã triển khai thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học theo quy định. Hoạt động đào tạo của Nhà trường được triển khai một cách có hệ thống, đồng bộ, hiệu quả với việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống văn bản về hoạt động đào tạo được ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường thường xuyên quan tâm đến đổi mới PPGD, đổi mới quy trình kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đánh giá được mức độ tích lũy của người học. Hệ thống quản lý và lưu trữ KQHT của người học được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời thông báo KQHT đến người học. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học được thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

Tuy nhiên, do số lượng các khóa SV tốt nghiệp còn hạn chế nên hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp về chất lượng CTĐT mới được triển khai trong vòng 02 năm gần đây. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau khi ra trường và thực hiện điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động đào tạo dựa trên kết quả khảo sát nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 7 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, Giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)

Mở đầu

Xác định đội ngũ CBQL, GV và NV đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực hiện hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, Nhà trường luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ và đến nay đội ngũ CBQL, GV và NV Nhà trường tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể. Nhà trường triển khai thực hiện một cách có hệ thống công tác phát triển đội ngũ từ khâu lập kế hoạch đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng và đánh giá. Bên cạnh đó, Nhà trường áp dụng các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích CB, GV học tập nâng cao trình độ cũng như có chính sách thu hút người tài về tham gia giảng dạy, công tác tại Trường. Bên cạnh đó, CBQL và GV luôn được tạo mọi điều kiện về thời gian và kinh phí để tham gia các hoạt động chuyên môn và NCKH. Nhà trường chú trọng phát triển NV, KTV và CB thư viện đủ về số lượng, có năng lực và trách nhiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và NV; quy hoạch bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường ĐH; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

Mô tả

Để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và NCKH, việc tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên cũng như quy hoạch phát triển đội ngũ CBQL, Nhà trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức với nguyên tắc chung là tập trung xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt [H5.05.01.01].

Để có cơ sở cho việc tuyển dụng đội ngũ GV và NV, từ năm 2013, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm [H5.05.01.02]. Căn cứ đề nghị của các đơn vị trực thuộc và Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV, NV hằng năm [H5.05.01.02],

[H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng đã được phê duyệt và ban hành, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức gồm BGH, đại diện CB lãnh đạo các đơn vị trực thuộc [H5.05.01.05]. Đồng thời, Nhà trường thông báo công khai tuyển dụng viên chức trên các bảng tin, website của Trường [H5.05.01.06]. Nhằm thu hút SV tốt nghiệp loại giỏi về Trường công tác, ngoài việc phổ biến rộng rãi thông báo tuyển dụng của Nhà trường đến các SV giỏi thông qua các khoa, Nhà trường đồng thời gửi thông báo tuyển dụng đến các trường ĐH khác [H5.05.01.06], [H5.05.01.07].

Sau khi các ứng viên nộp hồ sơ ở Phòng TCHC, Nhà trường tiến hành thẩm định, công bố danh sách ứng viên đủ điều kiện, tổ chức xét tuyển và công bố kết quả tuyển dụng trên Website Nhà trường cũng như niêm yết ở bảng thông báo [H5.05.01.09]. Nhà trường thực hiện ký kết hợp đồng với các ứng viên đã trúng tuyển và thực hiện việc trả lương, các khoản phụ cấp, các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước [H5.05.01.10]. Đồng thời, Nhà trường phân công CB, GV hướng dẫn chuyên viên, NV và GV mới trong thời gian tập sự [H5.05.01.11].

Đối với GV, sau thời gian 3 tháng từ khi ký hợp đồng lần đầu, phải được Hội đồng duyệt giảng cấp trường đồng ý mới đủ điều kiện được phân công đứng lớp và trong trường hợp lần đầu thông qua Hội đồng duyệt giảng không đạt thì phải duyệt giảng lại; nếu duyệt giảng lần 2 vẫn không đạt thì sẽ bị chấm dứt hợp đồng [H5.05.01.12].

Bên cạnh công tác tuyển dụng, hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV theo quy định [H5.05.01.12]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường đã quy định cụ thể hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CBQL, GV, NV tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H5.05.01.13]. Trong giai đoạn 2012–2017, đã có 137 CB, GV, NV của Nhà trường tham gia học tập sau đại học và các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước [H5.05.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL, NV kiến thức quản lý giáo dục, lý luận chính trị,

ng nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ [H5.05.01.15]. Nhờ vậy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBQL, GV, NV Nhà trường được nâng cao [H5.05.01.16].

Đối với công tác quy hoạch và bổ nhiệm CBQL, Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ CBQL giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020 theo kế hoạch đã đề ra, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện thực tế của Trường [H5.05.01.17]. Quy trình công tác quy hoạch được thực hiện theo hướng động và mở, hằng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và nếu CB trong diện quy hoạch không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ dựa trên kết quả xếp loại, đánh giá CBVC hằng năm sẽ bị loại khỏi danh sách quy hoạch để bổ sung nguồn mới [H5.05.01.17], [H5.05.01.18].

Căn cứ kết quả quy hoạch các chức danh quản lý, Nhà trường thực hiện công tác bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý đúng theo các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý của Bộ Xây dựng và Nhà trường [H5.05.01.19]. Từ năm 2012 đến nay, nhờ thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm CBQL theo quy định hiện hành, Nhà trường đã xây dựng đội ngũ CBQL đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho tất cả các lĩnh vực công tác [H5.05.01.20].

Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm và thực hiện tuyển dụng đội ngũ GV, NV rõ ràng, công khai, minh bạch.
- Nhà trường áp dụng các chính sách tạo điều kiện thuận lợi và thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV.
- Công tác quy hoạch và bổ nhiệm luôn được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Tồn tại

Tuy Nhà trường đã áp dụng chính sách thu hút GV có học vị cao nhưng việc tuyển dụng GV có học vị TS cho các ngành đào tạo còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường tăng cường công tác thông báo, quảng bá về Nhà

trường và công tác tuyển dụng GV cũng như chế độ, chính sách thu hút GV có học vị cao về công tác tại Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ CBQL, GV và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường ĐH.

Mô tả

Căn cứ vào các văn bản quy định, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền dân chủ của đội ngũ CBQL, GV, NV [H5.05.02.01]. Nhà trường đã tổ chức phổ biến rộng rãi trong toàn thể CBQL, GV, NV để tất cả các thành viên thực hiện quyền kiểm tra, giám sát và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các mặt hoạt động của Nhà trường [H5.05.02.02]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và thông qua đó, tất cả CBVC tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương, kế hoạch phát triển chung của Trường [H5.05.02.03]. Ngoài ra, Nhà trường bố trí thùng thư góp ý trong khuôn viên Trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp của CBVC, của SV và Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm kiểm tra thùng thư góp ý, trình BGH giải quyết [H5.05.02.04].

Trong quá trình triển khai các hoạt động, trước khi ban hành các văn bản như quy chế, quy định, Nhà trường gửi bản Dự thảo về các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý rộng rãi nhằm điều chỉnh, bổ sung và thống nhất các nội dung trước khi ban hành [H5.05.02.05]. Qua đó, tất cả CBQL, GV, NV của các đơn vị trực thuộc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho các vấn đề trọng tâm của Nhà trường [H5.05.02.06]. Đối với việc thực hiện chế độ chính sách của CBQL, GV, NV, Nhà trường thành lập các hội đồng xét duyệt với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, công khai nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định [H5.05.02.07].

Nhằm đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định của pháp luật, căn cứ Luật tiếp công dân và các Nghị định của Chính phủ, Nhà trường đã ban hành Quy định tiếp công dân [H5.05.02.08]. Hằng tháng, Hiệu trưởng Nhà trường bố trí buổi sáng thứ 6 của tuần cuối trong

tháng để tiếp CBVC có nhu cầu [H5.05.02.09]. Ngoài ra, các đơn vị, cá nhân có thể đóng góp ý kiến trực tiếp với Hiệu trưởng, thông qua ý kiến tại các cuộc họp của cơ quan, đơn vị và các tổ chức đoàn thể [H5.05.02.10].

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo của CB, GV, NV [H5.05.02.10]. Đồng thời, thông qua báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hằng năm thể hiện đội ngũ CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền dân chủ trong Nhà trường [H5.05.02.11].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở và triển khai đa dạng nhiều hình thức nhằm phát huy quyền dân chủ trong Trường.

- Đội ngũ CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền dân chủ trong Nhà trường.

- Trong 5 năm vừa qua, không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo của CB, GV, NV Nhà trường.

Tồn tại

Một số CBVC chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho những hoạt động chung của Nhà trường.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường áp dụng đa dạng và đồng thời hình thức góp ý trực tiếp và gián tiếp nhằm đảm bảo CBVC tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Mô tả

Nhằm tổ chức thực hiện và hoàn thành sứ mạng đã xác định, góp phần phát triển Nhà trường xứng tầm là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, NCKH của khu vực Tây Nam bộ, lãnh đạo Nhà trường luôn xác định công tác nâng cao trình độ của đội ngũ CBQL và GV là hết sức quan trọng và

được quan tâm thường xuyên [H5.05.03.01]. Nhà trường đã ban hành QCCTNB, trong đó có quy định hỗ trợ kinh phí cho CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H5.05.03.02]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của QCCTNB, trong đó chú trọng nâng cao chế độ hỗ trợ đối với CBQL, GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.05.03.02]. Đồng thời, trong Quy định chế độ công tác giáo viên, GV, Nhà trường luôn khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ về tài chính để GV có điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H5.05.03.03]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường cử nhiều CBQL, GV, NV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H5.05.03.06].

Nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao khả năng chuyên môn, hằng năm, Nhà trường đã có những hình thức khen thưởng đột xuất, kịp thời cho các CBVC đạt thành tích cao trong học tập, NCKH cũng như hỗ trợ kinh phí các công trình NCKH có tính cấp thiết và mang lại hiệu quả phục vụ xã hội [H5.05.03.04].

Hiện nay, nhằm thu hút đội ngũ CBQL, GV có trình độ về công tác tại Trường, Nhà trường đã áp dụng chính sách thu hút nhân tài, trong đó GV có học hàm GS, PGS, có học vị TS được đào tạo ở nước ngoài được hỗ trợ từ 500 đến 600 triệu đồng và được đào tạo trong nước được hỗ trợ từ 400 đến 500 triệu đồng [H5.05.03.05]. Ngoài ra, đối với GV học tập sau ĐH, Nhà trường áp dụng chính sách cho giảm 50% tiết chuẩn giảng dạy, giữ nguyên chế độ lương, thưởng, trợ cấp từ 25-30 triệu đồng đối với học cao học; giảm 50-100% giờ giảng, giữ nguyên chế độ lương, thưởng, trợ cấp 150-250 triệu đồng đối với nghiên cứu sinh [H5.05.03.02].

Nhờ áp dụng các chính sách ưu đãi và cùng với nỗ lực của bản thân mỗi CBVC nên trong giai đoạn 5 năm vừa qua, số lượng GV tham gia học tập sau ĐH và GV có học vị TS, ThS đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng so với thời điểm Nhà trường mới được nâng cấp lên trường ĐH [H5.05.03.08],

[H5.05.03.09].

Điểm mạnh

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp tạo điều kiện để CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

- Nhà trường thường xuyên bổ sung, điều chỉnh QCCTNB hằng năm nhằm tăng cường chế độ hỗ trợ kinh phí cho CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

- Số lượng CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước tăng qua từng năm.

Tồn tại

Số lượng GV nghiên cứu sinh ở nước ngoài của Nhà trường còn hạn chế do năng lực ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu.

Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường kinh phí hỗ trợ và khen thưởng GV đạt được kết quả cao của các kỳ thi năng lực ngoại ngữ quốc tế đồng thời thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ cho GV Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả

Công tác bổ nhiệm CBQL của Nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai trên cơ sở “Điều lệ trường đại học”, “Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Xây dựng”, “Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHXDĐT” [H5.05.04.01]. Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ CBQL có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H5.05.04.02].

Đội ngũ CBQL của Nhà trường hiện có 44 người, trong đó có 12 nữ, chiếm tỉ lệ 27,3% [H5.05.04.02]. Đội ngũ CBQL của Nhà trường đảm bảo về số

lượng, đáp ứng các yêu cầu về năng lực chuyên môn theo quy định [H5.05.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2016-2018 gồm có 15 thành viên đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại Luật Giáo dục ĐH và Điều lệ trường ĐH [H5.05.04.03].

Nhà trường tổ chức đánh giá viên chức hằng năm, trong đó đội ngũ CBQL được đánh giá có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết, có trách nhiệm với công việc và tất cả được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có trường hợp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ [H5.05.04.04]. Đồng thời, các CBQL của Nhà trường được đánh giá là Đảng viên gương mẫu trong công việc, trong cuộc sống, không có trường hợp vi phạm nghiêm trọng các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm [H5.05.04.05].

Từ năm 2012 đến nay, đội ngũ CBQL của Nhà trường hằng năm đều đạt danh hiệu từ Lao động tiên tiến trở lên, nhiều CBQL đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận Bằng khen của tỉnh Vĩnh Long, của Bộ Xây dựng và Chính phủ về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Tất cả các tập thể đơn vị trong Trường đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc [H5.05.04.08]. Nhà trường đã được nhận thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba, nhiều tập thể của Trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động, được Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua, Bằng khen [H5.05.04.08].

Điểm mạnh

- Đội ngũ CBQL của Nhà trường đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- CBQL của Nhà trường hằng năm luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

Tồn tại

Nhà trường trực thuộc Bộ Xây dựng nên công tác học tập nâng cao trình độ chính trị của CBQL gặp khó khăn do chỉ tiêu hằng năm Tỉnh ủy dành cho Nhà

trường hạn chế trong khi số lượng CBQL có nhu cầu học tập rất lớn.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tiếp tục đề xuất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tạo điều kiện cho CB của Nhà trường trong diện quy hoạch tham gia lớp cao cấp lý luận chính trị, đồng thời cử CB tham gia lớp cao cấp lý luận chính trị theo chỉ tiêu của Bộ Xây dựng... nhằm tạo điều kiện để CBQL đáp ứng yêu cầu CB theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng GV để thực hiện CTĐT và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình SV/GV.

Mô tả

Chiến lược phát triển của Trường ĐHXDMT là tập trung xây dựng đội ngũ CB, GV đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo và NCKH [H5.05.05.01]. Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng đội ngũ GV cơ hữu đủ số lượng và chất lượng theo quy định để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao với tổng số GV cơ hữu là 175 người, trong đó có 2 PGS, 16 TS, 143 ThS, 14 Cử nhân (14 đang học cao học), hiện nay tổng số GV có trình độ sau đại học và đang học cao học đạt 100% [H5.05.05.02].

Hiện nay, Nhà trường có 8 ngành đào tạo trình độ ĐH và 05 ngành đào tạo trình độ cao đẳng thuộc các khối kỹ thuật và kinh tế với tổng số SV chính quy đang học tập tại Trường là 2.814 người [H5.05.05.02]. Nhà trường hiện có đủ số lượng GV giảng dạy cho tất cả các chuyên ngành đào tạo theo đúng chuyên môn, đồng thời tỷ lệ trung bình SV trên GV (sau quy đổi) là 16,8 SV/GV đạt chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.05.03], [H5.05.05.04], [H5.05.05.05], [H5.05.05.06].

Từ năm 2012 đến nay, để đáp ứng yêu cầu về chất lượng giảng dạy và NCKH, Nhà trường đã tuyển dụng nhiều GV trẻ có năng lực chuyên môn nhằm góp phần trẻ hóa đội ngũ và cử nhiều CB, GV đi đào tạo TS, ThS trong và ngoài nước, nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường [H5.05.05.07]. Đội ngũ CB, GV Nhà trường trong giai đoạn 2012-2017 đã thực hiện 08 đề tài cấp

Bộ, 02 đề tài cấp Tỉnh, 69 đề tài cấp Trường và công bố nhiều bài báo khoa học trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước [H5.05.05.08].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ số lượng GV cơ hữu theo quy định và đáp ứng cơ bản nhiệm vụ đào tạo của Trường.

- Đội ngũ GV cơ hữu của Nhà trường đảm bảo thực hiện đồng thời nhiệm vụ giảng dạy phục vụ hoạt động đào tạo và tham gia NCKH.

Tồn tại

GV có học hàm GS, PGS của Nhà trường còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi và thường xuyên động viên, khuyến khích GV có đủ điều kiện thực hiện hồ sơ đề nghị xét phong tặng chức danh GS, PGS.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

Mô tả

Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Nhà trường là 175 người, trong đó có 2 PGS, 16 TS, 143 ThS, 14 ĐH (14 GV đang học cao học) và hiện Trường có 22 GV đang là NCS, trong đó có 04 GV NCS ở nước ngoài [H5.05.06.01], [H5.05.06.02].

Các GV giảng dạy ở các khoa đều đúng chuyên môn đào tạo theo quy định, có sự cân đối về số lượng GV giữa các bộ môn và phân công giảng dạy hợp lý giữa các GV theo kế hoạch năm học [H5.05.06.03], [H5.05.06.04], [H5.05.06.05]. Nhà trường đảm bảo phân công các giảng dạy các GV có học vị ThS trở lên tham gia giảng dạy, các trường hợp GV có trình độ Cử nhân được Nhà trường phân công giảng dạy thực hành và các lớp bậc cao đẳng [H5.05.06.04], [H5.05.06.05].

Nhằm tạo điều kiện để GV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để từ đó áp dụng vào hoạt động giảng dạy, hằng năm, Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện và cử GV tham gia các hội nghị, hội thảo, hợp tác nghiên cứu, seminar do các trường ĐH trong và ngoài nước tổ chức [H5.05.06.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, các đợt tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H5.05.06.07].

Tất cả GV của Nhà trường có trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH [H5.05.06.08], [H5.05.06.09]. Hiện nay, GV có trình độ ngoại ngữ đạt chứng chỉ A2 trở lên là 163 người, trình độ cử nhân là 05 người, trình độ ThS là 07 người [H5.05.06.08]. Về trình độ tin học, GV có trình độ tin học đạt chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản trở lên: 167, trình độ ĐH (cử nhân, kỹ sư): 06, trình độ ThS: 02 [H5.05.06.09]. Nhiều GV của Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy và sử dụng ngoại ngữ trong quá trình giảng dạy các môn chuyên ngành [H5.05.06.10].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định, có năng lực, kinh nghiệm giảng dạy.

- Đội ngũ GV của Nhà trường được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo, đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định.

Những tồn tại

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của một số GV trong việc nghiên cứu tài liệu bằng tiếng nước ngoài nhằm phục vụ hoạt động NCKH còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm Nhà trường tổ chức 02 lớp giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh cho đội ngũ GV của Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ GV được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ GV theo quy định.

Mô tả

Trong thời gian qua, thông qua công tác tuyển dụng GV hằng năm, đội ngũ GV của Nhà trường được trẻ hóa và bổ sung vào đội ngũ GV có kinh nghiệm đang giảng dạy tại Trường [H5.05.07.01].

Đội ngũ GV của Nhà trường được trẻ hóa và cân bằng về kinh nghiệm, công tác chuyên môn với đội ngũ GV có kinh nghiệm giảng dạy của Trường [H5.05.07.02].

Bảng 5.1: Tổng hợp số liệu thâm niên giảng dạy của đội ngũ GV cơ hữu

Thâm niên công tác	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 10 năm	25	14,3
Từ 10 năm đến 20 năm	104	59,42
Từ 20 năm đến 30 năm	33	18,85
Từ 30 năm đến 40 năm	10	5,71
Trên 40 năm	03	1,71

Kết quả tổng hợp ở bảng 5.1 thể hiện đội ngũ GV của Nhà trường có cơ cấu cân bằng giữa các mức thâm niên công tác, vừa đảm bảo được kinh nghiệm trong công tác chuyên môn vừa đáp ứng được ở mức độ cần thiết yêu cầu trẻ hóa đội ngũ, đảm bảo tính kế thừa trong công tác CB của Trường.

Nhờ chú trọng công tác tuyển dụng GV trẻ trong thời gian qua nên hiện nay độ tuổi trung bình GV của Nhà trường có xu hướng giảm và vẫn đảm bảo ở độ tuổi trung bình hợp lý [H5.05.07.03].

Nhằm tăng cường chuyên môn nghiệp vụ cho các GV trẻ, Nhà trường yêu cầu các Khoa, tổ bộ môn phân công các GV có kinh nghiệm tham gia hướng dẫn tập sự cho các GV vừa được tuyển dụng, đồng thời thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với GV trong quá trình tập sự [H5.05.07.04]. Bên cạnh đó, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các Khoa thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt

chuyên đề về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm góp phần bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các GV trẻ [H5.05.07.05].

Về phía Nhà trường, hằng năm thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, các đợt tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, đặc biệt là GV trẻ [H5.05.07.06]. Ngoài ra, Nhà trường quan tâm cử các GV trẻ tham gia các hội nghị, hội thảo, hợp tác nghiên cứu, seminar do các trường ĐH trong và ngoài nước tổ chức [H5.05.07.07].

Điểm mạnh

- Độ tuổi trung bình của đội ngũ GV Nhà trường có xu hướng giảm và đảm bảo ở độ tuổi trung bình hợp lý.

- Nhà trường có đội ngũ GV Nhà trường nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, cầu tiến và tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ GV theo quy định.

Tồn tại

Một số GV trẻ còn những hạn chế nhất định về kinh nghiệm thực tế sản xuất.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường tổ chức và yêu cầu các GV trẻ tham quan, học hỏi thực tế để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm thực tế sản xuất nhằm phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH.

Mô tả

Nhằm hỗ trợ tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo và NCKH, hằng năm, bên cạnh công tác tuyển dụng GV, Nhà trường tổ chức tuyển dụng đội ngũ NV, KTV hỗ trợ CBQL, GV và người học sử dụng các trang thiết bị, phục vụ học tập và NCKH, đáp ứng được yêu cầu hiện nay [H5.05.08.01]. Hiện nay, đội ngũ KTV, NV của Nhà trường là 72 người và được thống kê cụ thể ở bảng 5.2.

Bảng 5.2: Tổng hợp số lượng KTV, NV

Kỹ thuật viên, nhân viên	Số lượng	Trình độ			
		Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác
Văn phòng	33	14	16	01	02
Cán bộ kỹ thuật	05	01	03	01	
Kế toán	04		03		01
Thủ quỹ	01				01
Tin học	01				01
Thí nghiệm	02		01		01
Thư viện	04		03		01
Website	02	01			01
Xây dựng	03		01		02
Điện nước	02				02
Âm thanh, ánh sáng	01				01
Lái xe	02				02
Tạp vụ	10				10
Y tế	02				02

Đội ngũ NV, KTV Nhà trường có đủ tiêu chuẩn đáp ứng các yêu cầu công việc, được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên ngành đào tạo và có vai trò quan trọng trong việc quản lý, sử dụng, hướng dẫn và bảo trì các hệ thống trang thiết bị trong toàn Trường [H5.05.08.02].

Từ năm 2012 đến nay, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, KTV để đảm bảo phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV, Nhà trường đã tạo điều kiện, hỗ trợ về thời gian, kinh phí cho đội ngũ này tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học ở trong và ngoài Trường [H5.05.08.03], [H5.05.08.04]. Trong vòng 5 năm qua, đảm bảo mỗi NV, KTV của Nhà trường trung bình được đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần [H5.05.08.03], [H5.05.08.04]. Bên cạnh đó, NV, KTV của các phòng, ban, trung tâm được Nhà trường tạo điều kiện về

thời gian, kinh phí tham gia học tập sau ĐH [H5.05.08.05], [H5.05.08.06]. Trong giai đoạn 2012-2017 đã có 8 NV, KTV đã hoàn thành học tập sau ĐH và đạt học vị ThS [H5.05.08.07]. Ngoài ra, một số NV, KTV của Nhà trường đã chủ trì các đề tài NCKH cấp trường, có các sáng kiến kinh nghiệm được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn công tác [H5.05.08.08].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của CB, GV và SV về thái độ và hiệu quả hỗ trợ của đội ngũ NV, KTV với đa số ý kiến khảo sát hài lòng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV, KTV Trường [H5.05.08.09]. Đồng thời, đội ngũ NV, KTV Nhà trường hằng năm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên và được các hình thức khen thưởng các cấp [H5.05.08.10].

Điểm mạnh

- Đội ngũ KTV, NV có đủ số lượng, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và luôn hoàn thành công việc được phân công.

- Nhà trường phân công công việc cho đội ngũ KTV, NV rõ ràng, phù hợp chuyên môn được đào tạo đồng thời tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tồn tại

Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ KTV, NV chưa được thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV, KTV đồng thời tăng cường cử NV, KTV tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Trong công tác quản lý và phát triển đội ngũ, Nhà trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng hằng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển dụng CB, GV, NV công khai, minh bạch và

đúng quy định. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm áp dụng các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CB, GV, NV học tập sau ĐH, tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhìn chung, đội ngũ CBQL, GV, NV Nhà trường hiện nay đảm bảo đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, NCKH. Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

Tuy nhiên, số lượng GV cơ hữu có học hàm, học vị TS còn hạn chế so với tiềm lực của đội ngũ Nhà trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách, chế độ động viên, khen thưởng khuyến khích CB, GV đặc biệt là GV trẻ tích cực học tập sau ĐH, trong đó chú trọng tiếp tục học tập để đạt học vị TS và đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các GV là TS có đủ điều kiện đăng ký, thực hiện hồ sơ xét học hàm PGS.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

Tiêu chuẩn 6. Người học (9 tiêu chí)

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Trường ĐHXDMT, Nhà trường luôn quán triệt quan điểm lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Chính vì vậy, Nhà trường đặc biệt quan tâm và tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống những hoạt động liên quan đến người học. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT; được đảm bảo an toàn trong trường học; được rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống và tham gia các hoạt động đoàn thể.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.

Mô tả

Xác định cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT, các quy định về kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo là việc làm quan trọng nhằm tạo sự hiểu biết đầy đủ cho SV ngay từ khi nhập học, Nhà trường đã biên tập và ban hành Sổ tay SV [H6.06.01.01]. Tất cả SV khi nhập học đầu khóa đều được nhận Sổ tay SV, trong đó có đầy đủ CTĐT, các văn bản quy định về mục tiêu đào tạo, đề cương học phần, điều kiện tốt nghiệp, CDR, các quy định kiểm tra và thi kết thúc học phần cũng như hướng dẫn SV đăng ký môn học trực tuyến [H6.06.01.01]. Ngoài ra, tất cả các CTĐT, các quy chế và quy định về hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá được đăng tải trên Website của Nhà trường và của các Khoa [H6.06.01.02].

Hàng năm, theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV năm thứ nhất và Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học cho tất cả SV của Nhà trường [H6.06.01.08]. Trong tuần sinh hoạt công dân, Nhà trường tập trung phổ biến đến toàn thể SV quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường; chương trình, kế hoạch đào tạo chi tiết của từng

khóa học; các quy định về thi, kiểm tra đánh giá, quy định thi kết thúc học phần, thực hiện đồ án, thực tập tốt nghiệp [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Đồng thời, mỗi SV được Nhà trường cấp một mật khẩu để xem lịch học, lịch thi, điểm học tập tại Website của Nhà trường [H6.06.01.07]. Cuối mỗi đợt tổ chức Tuần sinh hoạt công dân, Nhà trường thống kê tình hình SV tham gia tuần sinh hoạt công dân và báo cáo Bộ GD&ĐT [H6.06.01.09].

Nhà trường đồng thời tổ chức các cuộc họp lớp trưởng, đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường với SV để giải đáp những thắc mắc liên quan đến kế hoạch giảng dạy, học tập và thi cử, kiểm tra đánh giá của SV [H6.06.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo, thi và kiểm tra đánh giá KQHT của SV nhằm đúc kết kinh nghiệm, phát huy kết quả đạt được, đồng thời đề xuất những giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và nhu cầu của xã hội [H6.06.01.11]. Thông qua các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, đối thoại giữa Nhà trường và SV, những buổi tổ chức họp lớp, Nhà trường đã tiếp nhận nhiều ý kiến phản hồi của SV về việc thực hiện hoạt động đào tạo, công tác sinh viên, từ đó Nhà trường tiến hành cải tiến, bổ sung, đổi mới phương pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền các quy chế, quy định đến SV [H6.06.01.12].

Điểm mạnh

- Người học được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời về CTĐT khi nhập học, đề cương học phần, các quy định về kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến đến SV về CTĐT, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về đào tạo, kiểm tra đánh giá KQHT.

Tồn tại

Do đặc thù của loại hình đào tạo nên vẫn còn một số sinh viên hệ VLVH chưa quan tâm đầy đủ đến các quy định, quy chế đào tạo.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường chỉ đạo Trung tâm Đào tạo thường xuyên, Phòng QLĐT, Phòng Công tác HSSV kết hợp với các Khoa tăng cường thông báo, phổ biến đến toàn thể SV hệ VLVH các quy định, quy chế đào tạo một cách đầy đủ, kịp thời.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khoẻ theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

Mô tả

Ngay khi SV nhập học, Nhà trường đã cấp Sổ tay SV trong đó có đầy đủ các văn bản liên quan đến chế độ chính sách xã hội đối với người học [H6.06.02.01]. Hằng năm, trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể SV các chế độ chính sách xã hội của Nhà nước [H6.06.02.02]. Nhà trường đã ban hành các hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách vào đầu mỗi năm học để thông báo kịp thời đến SV những thay đổi về các đối tượng chính sách, đặc biệt cập nhật kịp thời khi có những thay đổi, sửa đổi, bổ sung trong các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện [H6.06.02.04]. Các văn bản cập nhật về việc thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho người học luôn được Nhà trường đăng tải kịp thời trên bảng thông báo của Phòng Công tác HSSV, trên Website của Nhà trường và các khoa [H6.06.02.06].

Phòng Công tác HSSV là đơn vị chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng triển khai thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho người học nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách xã hội cho người học [H6.06.02.07]. BGH Nhà trường đã phân công Phó Hiệu trưởng và Phó Trưởng Phòng Công tác HSSV phụ trách thực hiện chế độ chính sách cho SV; đồng thời Phòng Công tác HSSV đã phân công NV chuyên trách, phụ trách để giải quyết kịp thời các chế độ chính sách xã hội liên quan đến SV [H6.06.02.08].

Ngay từ đầu mỗi năm học, Nhà trường ban hành kịp thời các hướng dẫn, thông báo và triển khai thực hiện các thủ tục về chế độ chính sách xã hội cho SV [H6.06.02.05]. Nhà trường luôn thực hiện theo quy định hướng dẫn Nghị định của Chính phủ và thông tư liên tịch, các văn bản mới về chế độ chính sách xã hội cho SV, trong đó việc miễn giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, chế độ học bổng khuyến khích học tập và các học bổng tài trợ dành cho các đối tượng được Trường giải quyết kịp thời [H6.06.02.09]. Danh sách SV được hưởng chế độ chính sách xã hội được công bố công khai tại các bảng thông báo của Phòng Công tác HSSV và đăng tải trên Website của Nhà trường [H6.06.02.06]. Công tác thực hiện chế độ chính sách đối với người học được tổng kết và đánh giá trong các báo cáo tổng kết công tác cuối năm của Phòng Công tác HSSV và của Nhà trường; 100% sinh viên thuộc diện chính sách xã hội được Nhà trường đảm bảo quyền lợi của SV thuộc các đối tượng chính sách xã hội theo quy định [H6.06.02.24].

Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc sức khỏe cho người học trong quá trình học tập, cụ thể Nhà trường đã phối hợp và ký hợp đồng với Bệnh viện Bộ Xây dựng khám sức khỏe đầu khóa cho người học [H6.06.02.10]. Đồng thời, Nhà trường bố trí bộ phận y tế chăm lo tình hình sức khỏe cho SV [H6.06.02.11]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho người học nhằm đảm bảo quyền lợi cho SV [H6.06.02.12]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên chủ động trong công tác phòng chống, ngăn ngừa dịch bệnh bùng phát, lây lan trong phạm vi Nhà trường [H6.06.02.13].

CSVC của Nhà trường hiện nay đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt học tập, vui chơi, giải trí cho SV (hội trường, sân khấu, phòng học chuyên dụng...), trong đó Nhà trường đã xây dựng Nhà Giáo dục thể chất, sân bóng đá, bóng chuyền, tennis,... đảm bảo đủ điều kiện tập luyện TDTT cho SV [H6.06.02.14]. Nhà trường quan tâm tổ chức phong trào văn hóa văn nghệ, TDTT nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho SV; trong đó đã thành lập đội văn nghệ, đội bóng đá, bóng chuyền, câu lạc bộ đàn ca tài tử, câu lạc bộ ngoại ngữ [H6.06.02.15]. Đoàn TN, Hội SV Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ trong

toàn trường như tiếng hát SV, giải bóng đá mini, giải bóng chuyền, cầu lông nhân dịp các ngày lễ lớn [H6.06.02.16]. Các phong trào văn hóa văn nghệ, TDTT đã thu hút được nhiều SV tham gia, đặc biệt Nhà trường đã thành lập nhiều đội tuyển SV tham gia các cuộc thi văn hoá, văn nghệ, TDTT cấp tỉnh [H6.06.02.17].

Đối với hoạt động bảo đảm an toàn cho người học, Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các nội quy, quy định của Trường để SV thực hiện nghiêm túc, đảm bảo môi trường giáo dục hiệu quả, an toàn, vững mạnh cũng như công bố các số điện thoại cần thiết để SV liên hệ trong trường hợp cần thiết [H6.06.02.18]. Để đảm bảo an ninh, trật tự cho người học trong khuôn viên Nhà trường, Nhà trường đã thành lập Tổ bảo vệ trực thuộc Phòng TCHC [H6.06.02.19]. Từ năm 2017, Nhà trường hợp đồng công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại Thành Đạt đảm nhiệm chức năng, nhiệm vụ đảm bảo công tác an ninh trật tự của Trường [H6.06.02.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập Đội phòng cháy chữa cháy nhằm phòng ngừa, ứng phó với các tình huống cháy nổ có thể xảy ra, đồng thời thường xuyên tuyên truyền các nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự để mọi người biết và thực hiện [H6.06.02.20]. Nhà trường đã kết hợp với Công an phường 3, thành phố Vĩnh Long để đảm bảo an ninh trật tự tại các khu vực trong trường [H6.06.02.21]. Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai 100% SV đăng ký và ký cam kết xây dựng lớp học an toàn, an ninh trật tự [H6.06.02.22].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị về công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú nhằm báo cáo công tác quản lý SV, tình hình an ninh trật tự ký túc xá, đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho người học của Trường [H6.06.02.23].

Điểm mạnh

Nhà trường luôn phổ biến kịp thời, thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội, khám sức khỏe cho SV.

SV Nhà trường được tạo điều kiện hoạt động, luyện tập văn nghệ, TDTT và được bảo đảm an toàn tuyệt đối trong khuôn viên của Nhà trường.

Tồn tại

Các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT chủ yếu được tổ chức trong các dịp lễ, hội và chưa được tổ chức thường xuyên trong năm học.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT xuyên suốt trong năm học, trong đó bên cạnh các hoạt động quy mô lớn do Nhà trường tổ chức còn có các hoạt động do các tổ chức đoàn thể và các Khoa tổ chức.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

Mô tả

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học luôn được Nhà trường quan tâm và được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để góp phần xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh trong trường ĐH [H6.06.03.01].

Đầu khóa học, sinh viên được nhận Sổ tay sinh viên trong đó hướng dẫn đầy đủ những điều cần biết về công tác HSSV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện [H6.06.03.02]. Ngay từ đầu khóa học, người học được phổ biến, hướng dẫn quy chế rèn luyện, quy chế TĐG kết quả rèn luyện của HSSV thông qua các bảng thông báo của Nhà trường và trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học do Phòng Công tác HSSV trình bày [H6.06.03.03]. Nhà trường đã ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV, trong đó cụ thể hóa những nội dung rèn luyện, phù hợp với SV, tạo điều kiện cho SV có môi trường rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của SV, là cơ sở đánh giá xếp loại SV trong từng học kỳ, năm học, xét khen thưởng, học bổng [H6.06.03.04]. Đồng thời, Nhà trường ban hành mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện nêu rõ từng tiêu chí để đánh giá kết quả rèn luyện cho từng SV với mức điểm đánh giá rất cụ thể [H6.06.03.04]. Việc phổ biến các quy chế rèn luyện cho người học đồng thời được thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt lớp, các thông báo trên các Website

của Phòng Đào tạo và Phòng Công tác HSSV [H6.06.03.03], [H6.06.03.05]. Hằng năm, kết quả đánh giá rèn luyện của SV Nhà trường thể hiện tỷ lệ SV đạt loại Khá trở lên chiếm tỷ lệ 90% [H6.06.03.06].

Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho SV [H6.06.03.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã kết hợp xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho SV trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá và trong các hoạt động tập thể khác [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Căn cứ kế hoạch rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học đã ban hành, Nhà trường tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, TDTT cho SV, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới; các cuộc thi nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho SV [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Thông qua các hoạt động, Nhà trường thống kê số lượng SV tham gia các hoạt động chính trị [H6.06.03.10].

Đoàn TNCS HCM, Hội SV Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình “Tiếp sức mùa thi”, “TN tình nguyện hè”, “SV với biển đảo tổ quốc”, “Hiến máu nhân đạo”, “Thắp nến tri ân”, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình bạn với mục đích rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV [H6.06.03.11], [H6.06.03.12].

Hằng năm, vào đầu năm học, Đoàn TNCS HCM tổ chức cho SV đăng ký các nội dung rèn luyện theo chương trình rèn luyện đoàn viên, Hội SV xây dựng các tiêu chí rèn luyện nhằm cụ thể hóa cuộc vận động “SV 5 tốt” và là căn cứ để mỗi SV phấn đấu rèn luyện [H6.06.03.13]. Đoàn TNCS HCM và Hội SV đã có các hình thức khen thưởng đối với SV có thành tích xuất sắc trong hoạt động [H6.06.03.14]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua và biểu dương SV tiêu biểu nhằm tổng kết, ghi nhận, biểu dương những thành tích đóng góp tích cực, hiệu quả của SV, tập thể lớp trong học tập, rèn luyện, trong các phong trào thi đua hoặc có thành tích đặc biệt khác [H6.06.03.15].

Nhà trường định kỳ tổ chức tổng kết và báo cáo thực trạng công tác quản lý, giáo dục đạo đức lối sống cho SV, trên cơ sở đó xây dựng chương trình, kế hoạch rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với SV và đạt hiệu quả cao nhất [H6.06.03.16].

Điểm mạnh

- Công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên và hiệu quả.

- Kết quả đánh giá rèn luyện của SV Nhà trường hằng năm đạt loại Khá trở lên chiếm tỷ lệ cao.

Tồn tại

Một số buổi học chính trị theo chuyên đề chưa đạt hiệu quả do thời điểm tổ chức và phương thức truyền đạt chưa thật sự phù hợp với SV.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và các năm học tiếp theo, Nhà trường chú trọng thời gian phù hợp để tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề và đảm bảo chất lượng của báo cáo viên, phù hợp với SV.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

Mô tả

Đảng ủy và các đoàn thể trong Nhà trường luôn coi trọng việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV, thể hiện cụ thể trong các Nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy, Đoàn TN, Hội SV [H6.06.04.01], [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]. Đảng ủy Nhà trường thường xuyên ban hành văn bản, kế hoạch để chỉ đạo, định hướng hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội SV, trong đó chú trọng rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học [H6.06.04.02]. Căn cứ Nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy, Đoàn TN và Hội SV xây dựng chương trình công tác Đoàn, Hội và phong trào SV mỗi năm học, trong đó chú trọng tổ chức nhiều hoạt động phong trào đã thu hút được đông đảo SV tham gia và có tác dụng tốt trong việc giáo

dục nhận thức, rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học như chương trình “Tiếp sức mùa thi”, “TN tình nguyện hè”, “Hiến máu nhân đạo”, “Nhà tình bạn”,... [H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Hiện nay, Đoàn TN và Hội SV có 6 Liên chi Đoàn với 61 chi đoàn trực thuộc [H6.06.04.06]. Trong thời gian qua, Đoàn TNCS HCM và Hội SV Nhà trường không ngừng đổi mới, luôn phối hợp chặt chẽ để tạo ra những sân chơi lành mạnh cho SV, thu hút đông đảo SV tham gia [H6.06.04.06], [H6.06.04.07]. Thông qua việc tổ chức các hoạt động phong trào và hỗ trợ học tập, Đoàn TN và Hội SV đã chọn ra những đoàn viên có thành tích xuất sắc để khen thưởng cũng như đề nghị Nhà trường, Đoàn cấp trên khen thưởng kịp thời [H6.06.04.08]. Hằng năm, Nhà trường quan tâm hỗ trợ kinh phí cho Đoàn TN, Hội SV tổ chức các hoạt động học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV [H6.06.04.13].

Đảng viên là SV của Nhà trường sinh hoạt chung với chi bộ Quản lý SV và được Đảng ủy Nhà trường đánh giá là những hạt nhân chính trị nòng cốt, phát huy vai trò định hướng SV thực hiện chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, là cầu nối giữa Đảng và SV; đóng góp tích cực vào công tác phát triển Đảng viên là SV của Nhà trường [H6.06.04.09]. Hằng năm, Đảng ủy Nhà trường giao chỉ tiêu phấn đấu cho từng chi bộ, đặc biệt là chi bộ Quản lý SV [H6.06.04.10]. Số SV được cử đi học lớp nhận thức về Đảng và được kết nạp vào Đảng tăng qua từng năm [H6.06.04.11].

Bảng 6.1: Số lượng SV tham gia lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng và được kết nạp Đảng (từ năm 2012 đến năm 2017)

Năm học	SV tham gia lớp Bồi dưỡng kết nạp Đảng	SV được kết nạp Đảng
2012 - 2013	63	31
2013 - 2014	94	08
2014 - 2015	48	14
2015 - 2016	55	09
2016 - 2017	65	17

(Nguồn: Văn phòng Đảng ủy Trường ĐHXĐMT)

Hằng năm, Đảng ủy Nhà trường báo cáo tổng kết công tác phát triển Đảng trong SV và xác định phương hướng, kế hoạch, biện pháp nâng cao số lượng và chất lượng công tác phát triển Đảng trong SV Nhà trường [H6.06.04.12]. Đồng thời, Đảng bộ Trường tổ chức các Hội nghị tổng kết công tác Đảng nhằm đánh giá kết quả hoạt động trong năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm sau [H6.06.04.13]. Với những kết quả có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV, trong thời gian qua, Đảng bộ và Đoàn TN, Hội SV Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng của các cấp [H6.06.04.08].

Điểm mạnh

- Công tác Đảng, đoàn thể của Nhà trường đã có tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện tu dưỡng đạo đức và lối sống lành mạnh trong SV.
- Số lượng SV được kết nạp Đảng tăng qua từng năm.

Tồn tại

Trên thực tế vẫn còn một số SV chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động phong trào do Đoàn TN, Hội SV Nhà trường tổ chức.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường chỉ đạo và tạo điều kiện để Đoàn TN, Hội SV tiếp tục tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng thu hút đông đảo SV tham gia.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

Mô tả

Nhằm quản lý công tác SV có hiệu quả, nhà trường đã xây dựng và ban hành chức năng nhiệm vụ của GVCN và cố vấn học tập [H6.06.05.01]. Bên cạnh đó, Phòng Công tác HSSV trực tiếp chỉ đạo công tác GVCN và cố vấn học tập chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn về học tập và rèn luyện cho SV các lớp được phân công quản lý [H6.06.05.02]. Vào đầu năm học, Nhà trường tiến hành phân

công GVCN lớp và được điều chỉnh, bổ sung hằng năm phù hợp với đối tượng, số lượng SV [H6.06.05.03]. Giáo viên chủ nhiệm vừa thực hiện công tác quản lý các hoạt động của lớp vừa được giao nhiệm vụ là cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên về kế hoạch học tập, tư vấn về các chế độ chính sách, thủ tục đăng ký học phần đúng quy chế, quy định [H6.06.05.01].

Trong những năm qua, mặc dù CSVC của Trường đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhưng Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát các bộ phận chức năng tìm kiếm các giải pháp phù hợp, tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của SV [H6.06.05.04]. Hiện nay, Nhà trường có hội trường trên 800 chỗ ngồi, có sân khấu, được trang bị đầy đủ ánh sáng, âm thanh phục vụ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật cho SV [H6.06.05.05]. Về CSVC phục vụ cho hoạt động TDTT, Nhà trường đã xây dựng nhà Giáo dục thể chất, sân bóng đá, sân tennis, đường chạy các môn điền kinh,... tạo điều kiện thuận lợi để SV luyện tập TDTT [H6.06.05.05]. Thư viện Nhà trường được quan tâm mở rộng diện tích sử dụng, tăng cường sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu đọc của GV và SV [H6.06.05.06]. CB thư viện luôn nhiệt tình hướng dẫn SV sử dụng và khai thác thư viện, tra cứu thông tin trực tiếp [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Khu nội trú SV bao gồm 2 nhà 5 tầng ở khu A được trang bị đầy đủ điện nước, bàn ghế, nhà vệ sinh riêng cho từng phòng với mức thuê 50.000đ/1 tháng/SV [H6.06.05.08]. Trong ký túc xá của Nhà trường có nhà ăn, căn tin đáp ứng nhu cầu ăn uống cần thiết cho SV [H6.06.05.08]. Các loại hình dịch vụ như giữ xe, nhà ăn, căn tin, quầy văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt nhất giúp SV thuận lợi trong học tập và sinh hoạt [H6.06.05.09].

Trong nội dung Tuần Sinh hoạt công dân hằng năm, các Khoa tổ chức hướng dẫn SV về phương pháp học ở ĐH; hướng dẫn SV sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập được phân công cho các nhân viên thư viện của Nhà trường [H6.06.05.10]. Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn TN, Hội SV tập trung hỗ trợ SV trong học tập và sinh hoạt thông qua việc tổ chức các cuộc thi, trao đổi

học thuật bằng hình thức Seminar, các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế, hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, phỏng vấn, tìm kiếm việc làm [H6.06.05.11], [H6.06.05.12]. Đoàn TN Nhà trường phối hợp với Hội SV tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, tìm kiếm nhà trọ, việc làm cho SV, đặc biệt là chiến dịch “Tiếp sức mùa thi” hằng năm, thu hút hàng trăm SV tình nguyện tham gia với kết quả đội TN tình nguyện đã giới thiệu hơn nghìn lượt thí sinh và các bậc phụ huynh có con em đi thi tìm được chỗ trọ với giá rẻ, cung cấp nhiều suất ăn miễn phí [H6.06.05.18]. Ngoài ra, Nhà trường hiện có nhiều CLB, đội, nhóm gắn liền với các chuyên ngành học và sở thích, nguyện vọng của SV; góp phần tạo môi trường học tập, rèn luyện thích ứng với phương thức đào tạo tín chỉ và nhiều CLB liên quan đến sở thích của SV như: CLB Mỹ thuật, CLB Văn nghệ, CLB Tiếng Anh, CLB TN tình nguyện chuyên về Xây dựng, CLB Cơ kết cấu, CLB Sức bền vật liệu, CLB Bóng đá, CLB Bóng chuyền, CLB Cầu lông,... [H6.06.05.13].

Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ đối thoại giữa SV với các nhà doanh nghiệp, nhờ vậy đã tạo rất nhiều cơ hội việc làm và học bổng hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn trang trải các chi phí trong quá trình học tập [H6.06.05.14]. Đồng thời, Nhà trường thành lập quỹ khuyến học bằng nguồn kinh phí của Trường, nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm và hằng năm Nhà trường đều dành một khoản học bổng cho SV nghèo vượt khó, SV thuộc diện chính sách xã hội [H6.06.05.15]. Ngoài ra, Phòng Công tác HSSV luôn kịp thời xác nhận để SV nghèo được vay vốn học tập [H6.06.05.16].

Để nắm bắt tình hình sinh hoạt và học tập của SV nội trú và ngoại trú, Nhà trường tổ chức kiểm tra, thu thập thông tin về SV nội trú, ngoại trú; định kỳ tổ chức hội nghị về công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú để có các biện pháp hỗ trợ kịp thời giúp SV an tâm học tập và sinh hoạt [H6.06.05.18].

Điểm mạnh

- Nhà trường luôn áp dụng nhiều giải pháp hữu hiệu để hỗ trợ SV trong học tập và sinh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong quá trình học tập, NCKH, rèn luyện, phát triển bản thân.

- Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn luôn được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập và rèn luyện.

Tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của SV đối với các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng Công tác HSSV phối hợp với các Khoa thường xuyên thực hiện khảo sát và đánh giá sự hài lòng của SV đối với các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ tốt nhất cho người học.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

Mô tả

Thực hiện các Quy định của Bộ GD&ĐT, chủ chương của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nhà trường đã thành lập Phòng Công tác HSSV có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho SV, giáo dục cho SV tinh thần trách nhiệm, hiểu biết và tôn trọng pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường [H6.06.06.01].

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo và Tổ báo cáo viên có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Trường [H6.06.06.02]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật cho SV theo từng năm học, trong đó tập trung vào một số chuyên đề giáo dục chuyên sâu cho SV về chấp hành Luật giao thông đường bộ, công tác phòng chống ma túy, bảo vệ an ninh Tổ quốc [H6.06.06.03], [H6.06.06.04]. Các hoạt động tuyên

truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho SV được Nhà trường áp dụng đa dạng thông qua tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa và đầu năm học, các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi sinh hoạt lớp, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, kiến thức về an toàn giao thông, cũng như các hoạt động thực tiễn do Đoàn TN, Hội SV tổ chức như chương trình tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo,... [H6.06.06.05], [H6.06.06.06], [H6.06.06.08], [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy định về việc thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong SV, tổ chức cho SV ký cam kết không vi phạm pháp luật, thực hiện “Sổ quản lý SV ngoại trú” nhằm tăng cường công tác quản lý và giáo dục SV trong quá trình học tập và rèn luyện [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13].

Bên cạnh các hoạt động do Nhà trường tổ chức, Đoàn TN và Hội SV Nhà trường hằng năm đều tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa cho SV như hưởng ứng tích cực cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tổ chức các hoạt động văn nghệ chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, phối hợp với Hội Cựu Chiến binh tham gia cuộc thi “Tuyên truyền ca khúc cách mạng”, các chiến dịch tình nguyện hè như tiếp sức mùa thi, chiến dịch mùa hè xanh tại các vùng khó khăn [H6.06.06.14].

Qua tổng kết, báo cáo hằng năm về công tác giáo dục pháp luật cho SV cho thấy số lượng SV tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật do Nhà trường tổ chức chiếm tỷ lệ cao và số lượng SV vi phạm quy định về luật pháp, vi phạm quy chế học tập, thi, kiểm tra, bị kỷ luật về đạo đức, lối sống chiếm tỷ lệ rất thấp [H6.06.06.07], [H6.06.06.15], [H6.06.06.16]. Nhằm tuyên dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào, đồng thời nhằm nhân rộng các cá nhân điển hình xuất sắc trong các phong trào hoạt động, hằng năm, Đoàn TN nhà trường tổ chức khen thưởng các SV đạt thành tích xuất sắc trong tác Đoàn và phong trào TN, trong các công tác tình nguyện hè [H6.06.06.17].

Điểm mạnh

- Nhà trường chú trọng và áp dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho SV.

- SV có nhận thức đúng đắn và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường.

Tồn tại

Một số hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho SV chưa phong phú về nội dung và hình thức.

Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Nhà trường đa dạng các hoạt động tuyên truyền cho SV thông qua các hình thức sân khấu hóa, các trò chơi... để thu hút nhiều hơn SV tham gia; đồng thời tăng cường công tác GVCN, nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chi đoàn và sinh hoạt lớp.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Mô tả

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn xác định và áp dụng nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện với mục tiêu để SV có được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [H6.06.07.01], [H6.06.07.05], [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Tất cả CTĐT và CDR của Nhà trường đều đề cập đến vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp [H6.06.07.02], [H6.06.07.03].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng công tác HSSV là đơn vị phụ trách mảng công việc hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm, tổ chức các hoạt động dịch vụ việc làm, tư vấn hướng nghiệp cho SV [H6.06.07.04]. Hằng năm, Phòng Công tác HSSV xây dựng kế hoạch hoạt động năm học trong đó có các nội dung cụ thể nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

[H6.06.07.05]. Nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV tốt nghiệp, Phòng Công tác HSSV đã xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng và hằng năm tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, gặp gỡ giữa SV với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng [H6.06.07.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Đoàn TN, Hội SV và của các Khoa hằng năm luôn xác định nội dung tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Với mục đích góp phần tăng tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, Phòng Công tác HSSV, Đoàn TN, Hội SV và các Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, tiếp xúc giữa các cơ quan, doanh nghiệp với SV thông qua “Ngày hội tuyển dụng việc làm”, tập huấn cho SV kỹ năng viết đơn xin việc, viết lý lịch, trả lời phỏng vấn tuyển dụng việc làm,... [H6.06.07.07].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức và gửi SV đến thực tập tại các công ty, doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo để SV vừa tiếp cận thực tế sản xuất đồng thời thực hiện các đề tài tốt nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn công việc đặt ra [H6.06.07.10], [H6.06.07.11]. Thông qua thời gian thực tập, các doanh nghiệp đã trực tiếp tuyển dụng các SV tốt nghiệp của Nhà trường phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp [H6.06.07.12]. Ngoài ra, thông tin tuyển dụng việc làm của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp thường xuyên được Nhà trường thông báo rộng rãi đến SV trên các bảng thông báo và đăng tải kịp thời trên hệ thống Website của của Đoàn TN, Phòng Công tác HSSV và các Khoa [H6.06.07.13].

Nhà trường luôn quan tâm và xây dựng kế hoạch khảo sát, tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H6.06.07.14]. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 75% SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp và tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hằng năm [H6.06.07.15].

Điểm mạnh

- Nhà trường thiết lập được mối quan hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng và tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm tạo cơ hội để SV có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

- SV Nhà trường có việc làm sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao và tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hằng năm.

Tồn tại

CB làm công tác hướng nghiệp của Nhà trường phần lớn là kiêm nhiệm nên đôi lúc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động tư vấn, tìm kiếm việc làm cho SV.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường thành lập Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động tư vấn, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

Mô tả

Trong thời gian qua, Nhà trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng cho khu vực ĐBSCL và của cả nước nói chung với số lượng SV các bậc, các ngành tốt nghiệp trung bình hằng năm gần 500 SV [H6.06.08.01]. Trước khi tốt nghiệp ra trường, tất cả SV cung cấp đầy đủ thông tin (địa chỉ email, số điện thoại) cho Phòng Công tác HSSV, Phòng QLĐT; đồng thời, Phòng Công tác HSSV lập danh sách lớp trưởng các khóa học (email, số điện thoại) làm dữ liệu quan trọng để Nhà trường thực hiện công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và là kênh thông tin để Nhà trường thường xuyên liên lạc với cựu SV [H6.06.08.02], [H6.06.08.03].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và Phòng Công tác HSSV là đơn vị triển khai thực hiện [H6.06.08.04]. Nhà trường đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như bằng phiếu hỏi trực tiếp hoặc gửi qua email, điện thoại SV để hỏi thông tin về việc làm, thu nhập bình quân cũng như mức độ đáp ứng của kiến thức chuyên môn đã học so với yêu cầu của công

việc hiện tại [H6.06.08.04], [H6.06.08.05]. Hằng năm, trong các dịp SV đến nhận bằng tốt nghiệp, Nhà trường đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp cho SV và Phòng QLĐT là đơn vị có trách nhiệm xử lý, phân tích số liệu [H6.06.08.04]. Kết quả khảo sát thể hiện số lượng SV tốt nghiệp ra trường có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp với tỷ lệ SV có việc làm trên 75% sau khi ra trường 1 năm, trong đó trên 50% SV tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo [H6.06.08.05]. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động về kiến thức thực tế, kỹ năng của SV tốt nghiệp để tìm hiểu khả năng đáp ứng công việc của SV và nhu cầu của nhà tuyển dụng nhằm bổ sung và chỉnh sửa CTĐT của Nhà trường cho phù hợp với thực tế công việc và đáp ứng nhu cầu xã hội [H6.06.08.06].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và áp dụng đa dạng các hình thức khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp.

- SV tốt nghiệp của Nhà trường có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp với tỷ lệ SV có việc làm trên 75% sau khi ra trường 1 năm, trong đó trên 50% SV tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

Tồn tại

Hoạt động khảo sát tình hình việc làm của SV hệ chính quy sau 1 năm tốt nghiệp mới được triển khai do Nhà trường mới chỉ có 01 khóa SV ĐH hệ chính quy tốt nghiệp.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiếp tục triển khai khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp một cách thường xuyên, đồng bộ và hệ thống.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường ĐH trước khi tốt nghiệp.

Mô tả

Căn cứ công văn số 2754/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/5/2010 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường đã ban hành Quy định về việc đánh giá, hướng dẫn người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học, trong đó tất cả người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc học phần [H6.06.09.01], [H6.06.09.02]. Trong từng năm học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai để người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV [H6.06.09.03]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức để tất cả SV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học bằng hình thức phiếu khảo sát [H6.06.09.04]. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng KT&ĐBCL tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của SV cho lãnh đạo Nhà trường và các Khoa về tình hình giảng dạy của GV, đồng thời gửi kết quả đến GV để GV có cơ sở xác định những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy [H6.06.09.01], [H6.06.09.05], [H6.06.09.10].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến SV về giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ [H6.06.09.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn và kế hoạch triển khai cho SV năm cuối tham gia đánh giá chất lượng ngành đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp [H6.06.09.06]. Phòng QLĐT là đơn vị triển khai cho SV năm cuối tham gia đánh giá chất lượng ngành đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp bằng hình thức phiếu khảo sát [H6.06.09.07]. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết SV năm cuối hài lòng về CTĐT SV đã học [H6.06.09.08]. Kết quả khảo sát đồng thời gửi đến các Khoa và các Phòng chức năng có liên quan nhằm tiến hành điều chỉnh, cải tiến chất lượng CTĐT cũng như các hoạt động phục vụ đào tạo của Nhà trường [H6.06.09.02], [H6.06.09.11].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã tổ chức cho tất cả SV tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp.

- Kết quả ý kiến phản hồi của SV được Nhà trường sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV.

Tồn tại

Nhà trường chưa áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến nhằm thuận lợi cho việc xử lý dữ liệu.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV bằng hình thức đánh giá trực tuyến.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Với quan điểm xem người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và rèn luyện, Nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức, biện pháp cụ thể nhằm giúp người học hiểu rõ về mục tiêu, CTĐT; các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của người học. Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách xã hội, chế độ học bổng, khen thưởng đối với SV. CSVC của Nhà trường được xây mới, sửa chữa, nâng cấp cùng với trang thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm mới, đồng bộ và hiện đại đã phục vụ tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt cũng như các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT, đảm bảo sức khỏe, tinh thần cho SV. Tỷ lệ người học của Nhà trường có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt mức cao.

Tuy nhiên, đến nay Nhà trường vừa có 1 khóa SV ĐH hệ chính quy tốt nghiệp nên hoạt động khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp mới được triển khai từ tháng 8 năm 2017. Trong thời gian đến, Nhà trường cần tập trung khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp một cách thường xuyên, đồng bộ và hệ thống.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Tiêu chuẩn 7. NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)

Mở đầu

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ của Nhà trường được triển khai thực hiện dựa trên các văn bản pháp quy về hoạt động khoa học công nghệ do Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Vụ KH&CN, Bộ Xây dựng. Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động KH&CN và thông báo rộng rãi đến CBQL, GV, SV biết để thực hiện. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN và triển khai thực hiện hiệu quả, phù hợp với định hướng ứng dụng của Nhà trường. Kết quả hoạt động KH&CN của Nhà trường được cải thiện qua từng năm với việc gia tăng số lượng đề tài NCKH đăng ký và được phê duyệt, số lượng các bài báo được công bố và các Hội thảo khoa học được Nhà trường tổ chức và phối hợp tổ chức. Kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài khoa học đã được áp dụng hiệu quả trong thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường ĐH.

Mô tả

Căn cứ sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, các quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng về hoạt động KH&CN, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch dài hạn, trung hạn về hoạt động KH&CN theo định hướng ứng dụng, chú trọng gắn kết công tác đào tạo với NCKH, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng và cả nước [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Dựa trên kế hoạch dài hạn và trung hạn của Nhà trường về hoạt động KH&CN, các văn bản hướng dẫn hoạt động KH&CN của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm trong đó ưu tiên xét chọn các đề tài NCKH ứng dụng và thông báo đến toàn thể GV, SV Nhà trường để thực hiện [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Trong kế hoạch NCKH hằng năm, Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt

động NCKH của SV [H7.07.01.05].

Nhà trường thành lập Phòng KH&HTQT, là đơn vị chức năng tham mưu Hiệu trưởng về quản lý hoạt động KH&CN và HTQT [H7.07.01.06]. Đồng thời, để quản lý hoạt động KH&CN hiệu quả, thông suốt và đồng bộ, Nhà trường đã ban hành và thông báo rộng rãi Quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Trường [H7.07.01.07]. Hằng năm, căn cứ Quy định về quản lý hoạt động KH&CN đã ban hành, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN các cấp, thông báo để các đơn vị triển khai đến GV và SV đăng ký đề tài KH&CN các cấp; lập danh mục đề tài gửi về Phòng KH&HTQT và trên cơ sở đó, Phòng KH&HTQT tổng hợp danh sách, tham mưu thành lập Hội đồng xét duyệt đề tài và tổ chức xét duyệt đề tài, xét duyệt kinh phí thực hiện [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.09]. Căn cứ kết quả tuyển chọn của Hội đồng xét duyệt đề tài, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định phê duyệt đề tài NCKH cấp trường, cấp khoa và thông báo để các chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện [H7.07.01.10].

Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài NCKH các cấp, Phòng KH&HTQT thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ, theo dõi tiến độ thực hiện các đề tài nhằm đảm bảo các đề tài KH&CN được thực hiện đúng theo kế hoạch, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo lấy ý kiến đóng góp cho từng đề tài nhằm giúp các chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa, hoàn thiện đề tài nghiên cứu trước khi tiến hành tổ chức nghiệm thu [H7.07.01.06], [H7.07.01.07].

Căn cứ kế hoạch KH&CN hằng năm, Nhà trường chú trọng triển khai hoạt động NCKH của SV từ khâu xét chọn, phê duyệt, phân công GV hướng dẫn đến tổ chức nghiệm thu [H7.07.01.11]. Các đề tài NCKH của SV có nội dung đa dạng, phản ánh tính đa lĩnh vực trong đào tạo, phù hợp với hướng nghiên cứu ứng dụng của Trường [H7.07.01.12]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị NCKH của SV để đánh giá các kết quả nghiên cứu và tổ chức khen thưởng các đề tài có tính ứng dụng cao [H7.07.01.13], [H7.07.01.14].

Hằng năm, tại Hội nghị cán bộ công chức viên chức, Nhà trường đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại của hoạt động KH&CN, đồng

thời đề xuất các biện pháp khắc phục và phương hướng phát triển hoạt động KH&CN cho năm học tiếp theo [H7.07.01.15], [H7.07.01.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện đầy đủ các báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho Bộ GD&ĐT và Bộ Xây dựng [H7.07.01.17].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hằng năm về hoạt động KH&CN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường ĐH, theo định hướng ứng dụng của Nhà trường.

- Nhà trường triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch KH&CN đã được xây dựng.

Tồn tại

Kinh phí dành cho đề tài NCKH cấp Trường và cấp Khoa còn hạn chế, chưa đáp ứng được quy mô của các nghiên cứu.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường xây dựng Quỹ hỗ trợ hoạt động NCKH nhằm tăng cường nguồn kinh phí chi cho đề tài NCKH cấp Trường và cấp Khoa để nâng cao chất lượng sản phẩm đề tài.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

Mô tả

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã tổ chức nghiệm thu 69 đề tài cấp Trường, 01 đề tài cấp tỉnh, 06 đề tài cấp Bộ [H7.07.02.01]. Các đề tài thực hiện đúng tiến độ đề ra và hầu hết nghiệm thu đạt loại tốt, trong đó nhiều đề tài được áp dụng vào thực tế và thực tiễn giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H7.07.02.02].

*Bảng 7.1. Thống kê số lượng đề tài NCKH của CB, GV
từ năm 2012 đến năm 2017*

STT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng đề tài						
			2012	2013	2014	2015	2016	Tính đến 9/2017	Tổng (đã quy đổi)
1	Đề tài cấp NN (Nafosted)	2,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	1,0	02	02	02	01	01	02	10
3	Đề tài cấp Trường	0,5	03	22	04	19	22	17	43,5
	Tổng cộng		05	24	06	22	23	19	53,5

Hàng năm, theo kế hoạch KH&CN, Nhà trường thông báo đến các đơn vị để tiến hành đăng ký thực hiện các đề tài NCKH các cấp, bảo vệ đề cương, báo cáo sáng kiến, cải tiến, viết giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo cấp trường và cấp khoa cho CB, GV và SV [H7.07.02.03]. Trên cơ sở đề xuất và thuyết minh đề tài của các đơn vị và cá nhân, Phòng KH&HTQT tổng hợp danh sách, tham mưu thành lập Hội đồng xét duyệt đề tài và tổ chức xét duyệt đề tài, xét duyệt kinh phí thực hiện [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Các chủ nhiệm đề tài được tuyển chọn tiến hành hoàn thiện thuyết minh đề tài và ký hợp đồng triển khai thực hiện [H7.07.02.06]. Tất cả các đề tài NCKH được Nhà trường đảm bảo nguồn lực và hỗ trợ kinh phí để thực hiện [H7.07.02.06].

Trong quá trình triển khai, Phòng KH&HTQT kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các đề tài KH&CN các cấp nhằm kịp thời báo cáo Nhà trường về những khó khăn, vướng mắc phát sinh để có biện pháp khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm đề tài hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời đánh giá đầy đủ và khách quan việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN so với kế hoạch [H7.07.02.07]. Các đề tài NCKH được tạo điều kiện thuận lợi và tổ chức nghiệm thu đúng quy định và đảm bảo tiến độ theo hợp đồng thực hiện đề tài NCKH đã phê duyệt [H7.07.02.08].

Trong thời gian qua, 100% đề tài, dự án KH&CN các cấp của Nhà trường được đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu và đúng kế hoạch [H7.07.02.01], [H7.07.02.02]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đầy đủ việc đánh giá tổng kết, định kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN các cấp theo quy định, trong đó tập trung đánh giá về tiến độ và kết quả thực hiện của các đề tài NCKH [H7.07.02.09].

Điểm mạnh

- Các đề tài KH&CN của Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu đạt yêu cầu, trong đó hầu hết được nghiệm thu đạt loại tốt.

- Phòng KH&HTQT thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện của các đề tài KH&CN.

Tồn tại

Một số đề tài vì lý do khách quan trong quá trình nghiên cứu đã xin gia hạn thêm thời gian.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2017-2018, Phòng KH&HTQT phối hợp với các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện của các đề tài một cách thường xuyên, nghiêm túc.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường ĐH.

Mô tả

Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV và đăng tải bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, Nhà trường áp dụng chế độ động viên, khuyến khích GV dưới nhiều hình thức như quy đổi số bài viết thành giờ NCKH tương đương cho GV, yêu cầu các tác giả thực hiện đề tài NCKH phải viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành tương ứng với từng cấp độ của đề tài, vì vậy đã thu hút số lượng GV tham gia với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm [H7.07.03.01], [H7.07.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường hỗ trợ GV kinh

phí NCKH, tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.03.01].

Trong giai đoạn 2012-2017, đội ngũ GV Nhà trường đã công bố 617 bài báo trong nước (trung bình có 3,43 bài báo trong nước/1GV) và 06 bài báo được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế (trung bình có 0,03 bài báo quốc tế/1 GV). Tổng số bài báo được công bố là 623 bài và cao hơn rất nhiều so với số đề tài KH&CN các cấp của Nhà trường quy đổi là 55,5 [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Năm 2011, “Thông tin Khoa học - Giáo dục” của Nhà trường được Sở Thông tin và Truyền thông Vĩnh Long cấp phép hoạt động và đến tháng 4 năm 2017 được Cục Thông tin KH&CN Quốc gia cấp chỉ số ISSN 2525-2615 [H7.07.03.04], [H7.07.03.05]. Hằng năm, Nhà trường phát hành 04 số “Thông tin Khoa học - Giáo dục”, gồm những bài thông tin khoa học do CB, GV, SV và cộng tác viên của Trường biên soạn [H7.07.03.06]. Các bài báo được đăng trong Tập san của Nhà trường được phản biện chặt chẽ theo quy trình và được thông qua bởi Ban biên tập của Tập san [H7.07.03.07].

Các bài báo khoa học đã công bố của GV Nhà trường rất đa dạng gồm nhiều lĩnh vực nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường về xây dựng, kiến trúc, kinh tế, kỹ thuật hạ tầng, khoa học giáo dục, môi trường [H7.07.03.08].

Điểm mạnh

- CB, GV Nhà trường tích cực đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường.

- Số lượng các bài báo khoa học của GV Nhà trường đã công bố cao hơn rất nhiều so với số đề tài NCKH đã quy đổi.

Tồn tại

Việc viết và đăng tải các bài báo khoa học tập trung ở một số GV thực hiện đề tài NCKH.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường hỗ trợ kinh phí và áp dụng các hình thức khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích tất cả GV viết và đăng tải các bài báo khoa học hằng năm, đặc biệt là quy định cụ thể đối với GV có học vị từ TS trở lên.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.4. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường ĐH có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Mô tả

Các đề tài NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường tập trung vào các hướng chính về xây dựng, kiến trúc, kinh tế, kỹ thuật hạ tầng, khoa học giáo dục, môi trường [H7.07.04.01]. Theo Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHXĐMT, các đề tài NCKH được nghiệm thu phải được hội đồng đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học và trong giai đoạn 2012-2017, kết quả nghiệm thu tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường được hội đồng đánh giá là có những đóng góp mới cho khoa học [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Các đề tài NCKH của Nhà trường đã được ứng dụng giải quyết các vấn đề công nghệ, kỹ thuật mới trong xây dựng, các xu hướng sáng tác kiến trúc mới phục vụ sự nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế của đồng bằng sông Cửu Long và cả nước [H7.07.04.03]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường thực hiện 6 đề tài NCKH cấp Bộ Xây dựng và được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao [H7.07.04.04].

Nhà trường thường xuyên liên hệ với Sở KH&CN tỉnh Vĩnh Long để đặt hàng các đề tài KH&CN và hiện nay đã ký hợp đồng thực hiện 2 dự án KH&CN với tỉnh Vĩnh Long để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và khu vực ĐBSCL với tổng kinh phí được phê duyệt là 1.236.900.000 đồng [H7.07.04.05].

Trong thời gian qua, hoạt động NCKH của GV và SV Nhà trường đã đạt được những thành tích đáng khích lệ với số lượng các giải thưởng NCKH, các

đề tài NCKH các cấp, các bài báo và công trình NCKH được công bố của GV, SV ngày càng tăng [H7.07.04.06], [H7.07.04.07]. Đặc biệt, trong năm 2016-2017, Nhà trường có 02 đề tài NCKH được công nhận đạt giải thưởng Trần Đại Nghĩa do tỉnh Vĩnh Long tổ chức; 01 đề tài NCKH được vinh danh trong Sách vàng sáng tạo Việt Nam do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận; 01 đề tài NCKH của Sinh viên đạt giải nhì, 01 đề tài đạt giải khuyến khích hội thi Sinh viên NCKH Eureka do Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; 01 đề án môn học của sinh viên đạt giải ba Kiến trúc xanh do hội Kiến trúc sư Việt Nam tổ chức [H7.07.04.07], [H7.07.04.08], [H7.07.04.09].

Điểm mạnh

- CB, GV Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài có ứng dụng thực tiễn nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Các đề tài NCKH được Hội đồng nghiệm thu đánh giá có những đóng góp mới cho khoa học.

Tồn tại

Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài liên kết với địa phương còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường áp dụng các chính sách khen thưởng, động viên GV tích cực tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài liên kết với địa phương, doanh nghiệp.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường ĐH dành cho các hoạt động này.

Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã phát triển quan hệ hợp tác trong việc thực hiện các đề tài, dự án với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong cả nước, trong đó GV Nhà trường đã ký kết nhiều hợp đồng thực hiện các đề tài, dự án các cấp và các dịch vụ KH&CN [H7.07.05.01]. Trong giai đoạn 2012-2017, tổng thu từ các đề tài, dự án KH&CN của Nhà trường là 2.985.102.450 đồng

[H7.07.05.04].

Bảng 7.2: Thống kê nguồn thu từ các đề tài, dự án KH&CN giai đoạn 2012 - 2017

TT	Đề tài/dự án KH&CN các cấp	Năm 2012 (triệu đồng)	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)
1	Cấp quốc gia	0	0	0	0	0	0
2	Cấp bộ/tỉnh	6,732	0	0	3,615	29,847	13,427
3	Dự án HTQT	0	0	0	0	0	0
4	Hoạt động KH&CN khác	0	821,938966	215,038	314,079	595,687118	984,738366
Tổng cộng		6,732	821,938966	215,038	317,694	625,534118	998,165366

Ngoài nguồn kinh phí hoạt động KH&CN do Bộ Xây dựng cấp, hằng năm Nhà trường dành khoản kinh phí hợp lý chi cho các hoạt động KH&CN như các đề tài NCKH của GV, SV; Thông tin khoa học giáo dục; các hội nghị NCKH,.... [H7.07.05.02], [H7.07.05.03]. Trong giai đoạn 2012-2017, tổng chi cho các đề tài NCKH cấp cơ sở là: 2.435.084.000 đồng [H7.07.05.05].

Bảng 7.3. Thống kê phân bổ kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp trường giai đoạn 2012 - 2017

TT	Nhiệm vụ KH&CN	Năm 2012 (triệu đồng)	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)
1	Đề tài KH&CN cấp Trường	29,52	300,844	81,26	272,035	774,995	605,28
2	Đề tài NCKH sinh viên	0	7,00	0	145,540	124,85	93,760
3	Hoạt động KH&CN khác	91	57,58	105,4695	95,756	232,470	118,971
Tổng cộng		120,52	365,424	186,7295	513,331	1.132,315	818,011

Điểm mạnh

GV Nhà trường đã nỗ lực thực hiện các đề tài cấp Bộ, đề tài liên kết với địa phương nhằm đem lại nguồn thu cho Nhà trường từ hoạt động KH&CN.

Tồn tại

Nguồn kinh phí thu từ bên ngoài cho NCKH và từ NCKH chưa tương xứng với tổng các khoản chi từ ngân sách của Trường cho hoạt động NCKH.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường thành lập và phát triển các nhóm nghiên cứu để tham gia các đề tài NCKH trọng điểm quốc gia, các đề tài liên kết với địa phương và chú trọng chuyên giao công nghệ nhằm đóng góp vào nguồn thu của Trường;

Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường ĐH gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường ĐH khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

Mô tả

Hoạt động KH&CN của Nhà trường luôn gắn kết với nhiệm vụ đào tạo, trong đó phần lớn các đề tài KH&CN cấp Trường và cấp Khoa được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường [H7.07.06.01]. Nhiều đề tài NCKH đăng ký biên soạn tài liệu, giáo trình nội bộ được phê duyệt thực hiện từ cấp Bộ Xây dựng đến đề tài cấp Trường, cấp Khoa, trong đó nội dung các đề tài bám sát với CTĐT của Nhà trường và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV [H7.07.06.01].

Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện 01 đề tài cấp Bộ Xây dựng về chuyển giao công nghệ chế tạo tấm panel từ vật liệu xốp phế thải cho các doanh nghiệp, công ty xây dựng trong khu vực ĐBSCL [H7.07.06.02]. Đây là việc chuyển giao kết quả của đề tài trước đó đã được các chuyên gia của Bộ Xây dựng đánh giá rất cao và đã được vinh danh trong Sách vàng sáng tạo Việt Nam năm 2016 [H7.07.06.03].

Là trường ĐH chuyên ngành Xây dựng ở khu vực đồng ĐBSCL nên hoạt động NCKH của Nhà trường chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, giao thông, hạ tầng đô thị nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã

hội của ngành xây dựng trong vùng, gắn kết với công tác đào tạo với các viện nghiên cứu, trường học, cơ quan, doanh nghiệp [H7.07.06.04]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động KH&CN, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm về chuyên môn, mời CB của các viện NCKH, các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực liên quan tham gia báo cáo, giảng dạy các môn chuyên ngành tại Trường đồng thời thường xuyên tạo điều kiện cử CB, GV tham dự và báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học do các trường ĐH, các Viện Nghiên cứu tổ chức [H7.07.06.05]. Ngoài ra, Nhà trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực KH&CN với Trường ĐHBK thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện 01 đề tài cấp tỉnh Vĩnh Long với mức kinh phí được phê duyệt là 750.000.000 đồng [H7.07.06.06].

Nhà trường đặc biệt chú trọng tạo điều kiện để CB, GV nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho CB, GV thông qua việc tham gia các hoạt động NCKH với kết quả nhiều GV của Nhà trường hiện đang là NCS đã tích cực tham gia NCKH, đặc biệt là đăng tải các bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế [H7.07.06.07].

Bên cạnh hoạt động NCKH của CB, GV, phong trào NCKH của SV luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng với việc ban hành quy định về công tác NCKH của SV, áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV như cộng điểm rèn luyện cho SV, tính giờ NCKH cho GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH, hỗ trợ kinh phí thực hiện 2.000.000 đồng/đề tài NCKH [H7.07.06.08]. Đến nay, Nhà trường đã có nhiều đề tài NCKH của SV được thực hiện và nghiệm thu đạt kết quả cao [H7.07.06.09].

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã ký kết hợp tác với các trường ĐH ở Lào, Phillipines để trao đổi học thuật, đào tạo và các dự án phát triển ngành, nghề đào tạo [H7.07.06.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với trường ĐH quốc tế để xây dựng và triển khai các chương trình học bổng, giúp GV của Trường có cơ hội học tập, nghiên cứu trong môi trường quốc tế [H7.07.06.10]. Thông qua các dự án HTQT, trình độ, năng lực chuyên môn của CB, GV ngày càng được nâng cao, số lượng các công trình khoa học công bố

quốc tế ngày càng tăng, CSVC phục vụ cho công tác NCKH được trang bị ngày càng hiện đại và nguồn thu từ các hợp đồng hợp tác đã góp phần đóng góp vào nguồn thu của Nhà trường [H7.07.06.11], [H7.07.06.12], [H7.07.06.13].

Ngoài ra, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn Xây dựng và đồng thời mở rộng chức năng Phòng thí nghiệm của Trường thành Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng (LAS1233) để thực hiện các hợp đồng thí nghiệm theo yêu cầu của các doanh nghiệp [H7.07.06.14]. Các sáng tác, thiết kế, kết quả thí nghiệm vật liệu xây dựng do Trung tâm tư vấn Xây dựng và Phòng thí nghiệm thực hiện đã góp phần tăng nguồn thu cho Nhà trường đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuyển giao công nghệ cho các đơn vị, công ty, doanh nghiệp trong khu vực và cả nước [H7.07.06.15].

Điểm mạnh

- Hoạt động NCKH của Nhà trường gắn kết chặt chẽ và phục vụ quá trình công tác đào tạo.

- Nhà trường đã thực hiện các hoạt động hợp tác với các trường ĐH, các viện nghiên cứu nhằm phát triển hoạt động NCKH và phát triển công nghệ cho GV và SV.

- Các hoạt động hợp tác với các tổ chức, trường ĐH nước ngoài tạo điều kiện cho GV, SV học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và góp phần nâng cao nguồn lực của Nhà trường.

Tồn tại

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường với các trường ĐH và các viện nghiên cứu chưa tương xứng với tiềm lực đội ngũ GV của Nhà trường.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường chú trọng và đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát triển công nghệ với các trường ĐH và các viện nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm góp phần tăng cường nguồn lực của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

Mô tả

Căn cứ các quy định của Nhà nước về hoạt động KH&CN, Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về hoạt động KH&CN và tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH phù hợp với từng giai đoạn và sự thay đổi của các văn bản pháp quy [H7.07.07.01], [H7.07.07.02]. Các văn bản Nhà trường ban hành đã quy định cụ thể và chi tiết các nội dung về tiêu chuẩn tham gia chủ trì, thực hiện đề tài NCKH; thực hiện các quyền về sở hữu trí tuệ trong các công trình nghiên cứu; nội dung quản lý hoạt động KH&CN của CB, GV và SV; trong đó có những điều khoản, chương mục cụ thể về tiêu chuẩn, năng lực, trình độ tham gia hoạt động NCKH đối với từng cấp độ [H7.07.07.02], [H7.07.07.03].

Nhằm truyền truyền, phổ biến rộng rãi đến CB, GV, SV các quy định về hoạt động NCKH, Nhà trường đã tổ chức các buổi sinh hoạt, tọa đàm về công tác NCKH trong CB, GV và SV [H7.07.07.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đăng tải các quy định về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH lên website Nhà trường để CB, GV, SV Nhà trường dễ dàng truy cập, hiểu rõ và tuân thủ trong quá trình thực hiện đề tài NCKH [H7.07.07.05].

Từ năm 2012 đến nay, GV Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH cấp Khoa, cấp Trường và cấp Bộ, trong đó các đề tài được đánh giá cao về khả năng ứng dụng thực tiễn, đồng thời đạt được Giải thưởng Trần Đại Nghĩa và Sách vàng sáng tạo Việt Nam [H7.07.07.06], [H7.07.07.07], [H7.07.07.08]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo hoạt động KH&CN theo quy định, trong đó không có bất kỳ trường hợp GV nào của Nhà trường vi phạm tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động NCKH [H7.07.07.09].

Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KH&CN theo quy định.
- Nhà trường thông báo rộng rãi đến CB, GV, SV các quy định và áp dụng

các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

Những tồn tại

Hoạt động đăng ký quyền sở hữu trí tuệ của GV Nhà trường còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường phổ biến, tuyên truyền và bố trí chuyên viên Phòng KH&HTQT hỗ trợ GV trong việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường đã đạt được những kết quả nhất định, trong đó số lượng đề tài NCKH các cấp và số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế tăng hằng năm. Tất cả các đề tài NCKH của GV được Nhà trường tổ chức nghiệm thu đúng kế hoạch và được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường. Các đề tài NCKH được áp dụng vào trong thực tiễn công tác đào tạo, gắn kết và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành xây dựng trong vùng và cả nước. Nhà trường đã tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, các trường ĐH, các viện nghiên cứu nhằm triển khai thực hiện các đề tài NCKH. Hoạt động NCKH của Nhà trường đã góp phần tăng cường nguồn lực cho Trường.

Tuy nhiên, số lượng đề tài NCKH cấp Bộ và đề tài liên kết với địa phương còn hạn chế. Trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách khen thưởng, động viên đội ngũ GV tăng cường tìm kiếm và thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, các đề tài NCKH liên kết với địa phương và với các trường ĐH, viện nghiên cứu cũng như với các cơ quan, doanh nghiệp.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 6 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)

Mở đầu

Trong xu thế hội nhập quốc tế của đất nước nói chung và của GD&ĐT nói riêng, Nhà trường luôn quan tâm mở rộng và phát triển các hoạt động HTQT, trong đó chú trọng hợp tác với nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế. Nhà trường đã xây dựng quy định, quy trình HTQT làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động HTQT, xây dựng kế hoạch phát triển công tác HTQT, chủ động thiết lập các mối quan hệ quốc tế, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp CSVC, thực hiện đề án hợp tác NCKH, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học chung nhằm đem lại những lợi ích thiết thực, góp phần nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Mô tả

Hoạt động HTQT của Nhà trường được thực hiện trên cơ sở các Nghị định hướng dẫn thực hiện hoạt động HTQT của Chính phủ; các Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động HTQT của Bộ GD&ĐT, Bộ Công an, Bộ Tài chính [H8.08.01.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động HTQT, Quy chế về quản lý người nước ngoài học tập tại Trường và các hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, đào tạo lưu học sinh; làm cơ sở để triển khai các hoạt động HTQT của Nhà trường [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]. Các văn bản quy định của Nhà trường về hoạt động HTQT đã được thông báo rộng rãi đến toàn thể CB, GV, SV và đăng tải trên Website của Nhà trường để tất cả các thành viên hiểu rõ các quy định về công tác HTQT [H8.08.01.02], [H8.08.01.03].

Trong những năm qua, hoạt động đối ngoại của Trường do Phòng KH&HTQT đảm nhận và đã triển khai các hoạt động HTQT nhằm phục vụ cho công tác đào tạo của Trường [H8.08.01.04]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động HTQT và thông báo, triển khai để các đơn vị thực hiện kế

hoạch đã được phê duyệt [H8.08.01.05]. Trong Quy định quản lý hoạt động HTQT, Nhà trường đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Phòng KH&HTQT và của các Phòng, các Khoa, các đơn vị trực thuộc cũng như cơ chế phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động HTQT [H8.08.01.02]. Ngoài ra, CB, GV của Nhà trường được phổ biến đầy đủ quy định về việc thực hiện báo cáo trước và sau khi đi công tác ở nước ngoài nên trong thời gian qua, CB, GV Nhà trường đã thực hiện tốt báo cáo trước và sau khi đi công tác ở nước ngoài theo quy định [H8.08.01.06].

Hoạt động HTQT của Nhà trường trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào việc trao đổi đoàn, ký kết biên bản ghi nhớ, thỏa thuận, viếng thăm, tổ chức hội thảo khoa học, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nhân lực cho Nhà trường cũng như các đơn vị liên kết [H8.08.01.07]. Nhà trường đã đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường, đồng thời cử nhiều đoàn đi công tác, tham quan, học tập ở nước ngoài [H8.08.01.07]. Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại Trường được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và theo QCCTNB của Nhà trường [H8.08.01.12].

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài như: Philippines, Lào,... [H8.08.01.08]. Từ năm 2016, nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên tinh thần hợp tác hữu nghị, Nhà trường liên tục tiếp nhận đào tạo, bồi dưỡng lưu học sinh Lào tại Trường theo diện cử tuyển [H8.08.01.09], [H8.08.01.07]. Nhà trường thường xuyên thực hiện báo cáo các cơ quan chức năng về việc cấp học bổng cho lưu học sinh Lào và tình hình đào tạo lưu học sinh Lào tại Trường [H8.08.01.11].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp giao ban hoạt động HTQT trong toàn trường, trong đó tiến hành đánh giá tiến độ, hiệu quả công tác phối kết hợp giữa các đơn vị Phòng, Khoa và kết quả thực hiện theo kế hoạch năm học về hoạt động HTQT đã được ban hành, từ đó đề xuất và áp dụng các biện pháp tăng

cường và nâng cao hiệu quả hoạt động HTQT của Nhà trường [H8.08.01.13]. Nhà trường thực hiện đầy đủ báo cáo hoạt động HTQT theo quy định và gửi đến Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Long trong đó bao gồm các chi tiết về các quan hệ hợp tác mới (tên đối tác, nội dung hợp tác, kết quả hợp tác); kết quả thực hiện các chương trình, dự án; tình hình quản lý đoàn vào, đoàn ra [H8.08.01.14]. Bên cạnh đó, hằng năm, hoạt động HTQT của Nhà trường được báo cáo trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, trong đó nhấn mạnh Nhà trường đã thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn hiện hành trong hoạt động HTQT và trong các năm qua không để xảy ra vi phạm về công tác đối ngoại [H8.08.01.15], [H8.08.01.16].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành quy định về hoạt động HTQT và thông báo rộng rãi đến CB, GV, NV và SV biết để thực hiện.
- Nhà trường đã tổ chức triển khai hoạt động HTQT theo kế hoạch và trong 05 năm qua không có sai phạm trong hoạt động HTQT.

Tồn tại

Một số Khoa còn thụ động trong thực hiện hoạt động HTQT.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2017-2018, Nhà trường tăng cường chỉ đạo, tạo điều kiện và giao nhiệm vụ cụ thể cho các Khoa nhằm nâng cao tính chủ động của các Khoa trong việc thực hiện hoạt động HTQT.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động HTQT về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị của trường ĐH.

Mô tả

Trong những năm qua, thông qua các chương trình hợp tác về đào tạo, nhiều CB, GV và SV Nhà trường đã có cơ hội tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH ở các trường ĐH quốc tế

[H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Từ năm 2012 đến nay, thông qua các chương trình học bổng, các đề án, chương trình của Chính phủ, Nhà trường đã cử 08 CB, GV tham gia học tập, đào tạo, NCKH [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Nhờ vậy, các GV và SV của Trường đã có cơ hội tiếp cận, trực tiếp học tập công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ; trong đó 03 GV đã được nhận học vị TS và 02 được nhận học vị ThS [H8.08.02.04]. Bên cạnh đó, thông qua các thỏa thuận HTQT, nhiều chuyên gia nước ngoài đã đến báo cáo tại các hội thảo khoa học, trao học bổng tại Trường [H8.08.02.05]. Các chương trình HTQT về đào tạo đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Nhà trường [H8.08.02.06].

Nhà trường đã ký các Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác với Trường ĐH Laguna (Philippines), Trường ĐH Quốc gia Lào, Trường ĐH Phranakhon Rajabhat (Thái Lan) về việc thiết lập quan hệ đối tác chính thức, tiến tới liên kết đào tạo và trao đổi GV, SV [H8.08.02.07]. Nhà trường đã tiếp nhận 08 SV nước ngoài học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng theo các thỏa thuận hợp tác tại Trường [H8.08.02.08]. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động HTQT, CSVC, trang thiết bị của Nhà trường đã được tăng cường [H8.08.02.09].

Trong quá trình triển khai các hoạt động HTQT, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tiếp nhận, báo cáo tình hình sử dụng người nước ngoài tại Trường cho các cơ quan có liên quan và hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo việc học tập, công tác ở nước ngoài của CB, GV trong khuôn khổ các hoạt động HTQT [H8.08.02.10], [H8.08.02.11].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai có hiệu quả hoạt động HTQT và kết quả hoạt động HTQT đã góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ CB, GV Nhà trường.
- Thông qua các văn bản ký kết hợp tác, Nhà trường đã tổ chức tiếp nhận và đào tạo lưu học sinh nước ngoài tại Trường.

Tồn tại

Do những khó khăn của một trường ĐH ở khu vực ĐBSCL nên số lượng ký kết với các trường ĐH quốc tế còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng KH&HTQT tăng cường quảng bá, liên hệ với các trường ĐH ở khu vực và quốc tế, đồng thời phát huy vai trò cầu nối của GV học tập ở nước ngoài nhằm nâng cao số lượng các trường ĐH quốc tế ký kết hợp tác với Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động HTQT về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

Mô tả

Bên cạnh việc chú trọng tăng cường hoạt động HTQT nhằm nâng cao năng lực quản lý và giảng dạy cho CBVC, Nhà trường đồng thời chú trọng đến các hoạt động HTQT nhằm nâng cao năng lực NCKH cho CB, GV [H8.08.03.01]. Trong Quy định quản lý hoạt động HTQT của Trường thể hiện việc chú trọng tổ chức và phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế [H8.08.03.02]. Đến nay, Nhà trường đã tổ chức và phối hợp tổ chức 3 hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế, trong đó đã phối hợp Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Tổ chức Fulbright (Hoa Kỳ) tổ chức hội thảo quốc tế về giáo dục ĐH, mời GS Chung Hoàng Chương đang giảng dạy tại ĐH San Francisco tổ chức hội thảo quốc tế về “Phương pháp giảng dạy ĐH tích cực trên thế giới” [H8.08.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tạo điều kiện cho nhiều CB, GV tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế tại các nước nhằm góp phần nâng cao năng lực NCKH và kỹ năng ngoại ngữ của CB, GV [H8.08.03.04].

Nhà trường đã tích cực ký kết các hợp đồng NCKH với các trường ĐH quốc tế, trong đó đã cử 01 GV tham gia chương trình NCKH tại Trường ĐH KH&CN Quốc gia Seoul, Hàn Quốc [H8.08.03.05]. Ngoài ra, GV Nhà trường trong quá trình học tập và nghiên cứu ở các trường ĐH quốc tế đã có các công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế [H8.08.03.06]. Trong 5 năm qua, có 06 công trình của CB, GV được công bố

chung với các nhà khoa học nước ngoài [H8.08.03.06]. Để khuyến khích CB, GV tích cực tham gia hoạt động HTQT trong NCKH, Nhà trường đã ban hành quy định và thực hiện khen thưởng kịp thời các CB, GV đạt thành tích cao trong việc thực hiện các công bố quốc tế [H8.08.03.07].

Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực liên kết với các trường ĐH quốc tế trong việc tổ chức hội thảo khoa học, gửi GV tham gia chương trình NCKH nước ngoài.

Tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Nhà trường còn hạn chế nên có những khó khăn trong tham gia hoạt động NCKH với các trường ĐH quốc tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường tổ chức các lớp ngoại ngữ dành cho CB, GV và nâng cao định mức khen thưởng đối với GV có thành tích xuất sắc trong NCKH, đặc biệt đối với các công bố quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Hoạt động HTQT của Nhà trường được thực hiện trên cơ sở các quy định, nguyên tắc và thủ tục của các cấp quản lý ban hành. Nhà trường đã ban hành, thông báo đến đội ngũ CB, GV, NV và áp dụng đầy đủ các quy định đối với hoạt động HTQT của Trường. Trong thời gian qua, Nhà trường không để xảy ra vi phạm về công tác đối ngoại. Thông qua hoạt động HTQT, đội ngũ CB, GV Nhà trường đã có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực tham gia hoạt động NCKH, công bố quốc tế chung với các GV, chuyên gia của các trường ĐH quốc tế.

Tuy nhiên, do năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV còn hạn chế nên Nhà trường chưa có nhiều đề tài NCKH, dự án hợp tác với các trường ĐH quốc tế. Trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường tổ chức các lớp giảng dạy ngoại ngữ cho CB, GV và nâng cao định mức khen thưởng đối với GV có thành tích xuất sắc trong NCKH với các trường ĐH quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 3 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)

Mở đầu

Nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, kinh tế cho các tỉnh khu vực ĐBSCL, đáp ứng và phục vụ nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa; bên cạnh việc chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường luôn quan tâm đầu tư phát triển thư viện, CSVC và trang thiết bị phục vụ dạy học ngày càng khang trang, hiện đại và đồng bộ. Nhà trường đảm bảo đầy đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành,... Phần lớn các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập. Các đơn vị Phòng, Khoa được bố trí phòng làm việc riêng với đầy đủ các trang thiết bị làm việc. Hệ thống thư viện, thiết bị thí nghiệm, thực hành được chú trọng đầu tư, hệ thống thông tin của Nhà trường luôn được cải tạo, nâng cấp thường xuyên. Nhà trường đã phủ sóng wifi rộng khắp trong khuôn viên trường với tốc độ truy cập nhanh và CB, GV, SV được sử dụng miễn phí.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường ĐH có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.

Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường đã quan tâm xây dựng hệ thống thư viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu; đặc biệt trong năm 2015, Nhà trường đã đầu tư trang bị hệ thống thư viện điện tử nhằm tăng cường chất lượng phục vụ công tác giảng dạy và NCKH của đội ngũ CB, GV và SV Nhà trường [H9.09.01.01].

Hiện nay, thư viện Nhà trường gồm 2 tầng với tổng diện tích: 859,6 m², có vị trí cách biệt với các phòng làm việc và phòng học nên đảm bảo không gian yên tĩnh, phù hợp cho bạn đọc đến thư viện [H9.09.01.02].

Tài liệu của thư viện phong phú và đa dạng với số đầu sách đảm bảo đáp

ứng đủ nhu cầu phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV, SV, trong đó số sách có tại Thư viện hiện nay là: 1.999 đầu sách tương ứng với 25.729 bản sách và các luận văn ThS, luận án của GV, luận văn tốt nghiệp, đồ án của SV [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Ngoài ra, thư viện có hơn 10 đầu báo, 17 loại tạp chí phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo của Trường [H9.09.01.05].

Trong thời gian qua, thư viện Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và SV, trong đó hằng năm thường xuyên bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo đề cương môn học đã được xây dựng và đề nghị của GV các Khoa [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]. Các đầu sách bổ sung hằng năm của thư viện được thực hiện theo quy trình Nhà trường đã ban hành và xuất phát từ đề xuất của các khoa chuyên môn [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó, Thư viện không ngừng tăng cường công tác huy động tiếp nhận thêm đầu sách và nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ bạn đọc [H9.09.01.06]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện ký kết các biên bản thỏa thuận khai thác chung CSDL với thư viện các trường ĐH trong khu vực và cả nước như: ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, ĐH Kiến trúc TP.HCM, ĐH Xây dựng Miền Trung, ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH An Giang, ĐH Cửu Long,... nhằm đa dạng hóa các nguồn tài liệu phục vụ tại thư viện [H9.9.01.11].

Thư viện Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn và quy định rõ ràng về việc sử dụng, thời gian mở, đóng cửa thư viện với thời gian mở cửa phục vụ hằng ngày từ 07h00 đến 18h00 nhằm phục tốt nhu cầu của bạn đọc [H9.09.01.09]. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa vào đầu năm học, CB thư viện tham gia báo cáo, hướng dẫn SV khai thác, sử dụng thông tin - thư viện [H9.09.01.10]. Để có cơ sở đánh giá mức độ thường xuyên của bạn đọc đến đọc và tìm kiếm tài liệu, thư viện Nhà trường thường xuyên thống kê số lượt bạn đọc đến thư viện [H9.09.01.12].

Thư viện Nhà trường được cung cấp 01 server cấu hình mạnh với hơn 25 máy trạm phục vụ hoạt động nhập dữ liệu của thủ thư và sử dụng tìm kiếm tài liệu của CB, GV và SV [H9.9.01.13]. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu được thư viện Nhà

trường lưu trữ thông qua phần mềm quản lý trên hệ thống mạng máy tính, thuận lợi cho việc tra cứu và cập nhật [H9.9.01.14].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và khắc phục những tồn tại, thư viện Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc, trong đó nội dung khảo sát tập trung vào nhận xét, đánh giá về số lượng sách, cơ sở vật chất, thái độ phục vụ của NV thư viện với kết quả khảo sát thể hiện CB, GV, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.9.01.15].

Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nâng cấp Thư viện thành Trung tâm học liệu nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu ngày càng cao của người đọc [H9.9.01.16].

Điểm mạnh

- Thư viện Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV, SV và bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu hằng năm.

- Thư viện Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử được nối mạng và liên kết với thư viện các trường ĐH trong nước nhằm tăng cường cơ sở dữ liệu phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Tồn tại

Thư viện Nhà trường chưa kết nối được với thư viện của các trường ĐH quốc tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường các hoạt động HTQT với các trường ĐH quốc tế trong đó chú trọng việc liên kết, chia sẻ nguồn tài nguyên và cơ sở dữ liệu.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Mô tả

Vị trí của Nhà trường rất thuận lợi cho việc đi lại, với tổng diện tích đất hiện nay của Trường là 103.181,3m², bao gồm 02 khu, trong đó Khu A có diện tích 34.336,8m², khu B có diện tích 68.844,5 m² [H9.09.02.01].

Hiện nay, Nhà trường có 04 dãy nhà học (nhà A, nhà B, nhà C và nhà H) với số phòng hiện có bao gồm: 75 phòng học, 02 phòng họa thất và trong các phòng học được trang bị quạt, hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu projector phục vụ cho công tác giảng dạy [H9.09.02.02]. Nhà trường có 01 giảng đường H3.3 với hơn 150 chỗ ngồi, 01 phòng hội thảo H3.1 với 150 chỗ ngồi, 01 hội trường B4.1 với 450 chỗ ngồi, 01 hội trường B1.2, sân khấu với gần 1.000 chỗ ngồi [H9.09.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường có 06 phòng máy thực hành tin học với tổng diện tích: 960m² và trang bị 325 bộ máy vi tính được nối mạng Internet [H9.09.02.02].

Để phục vụ hoạt động thực hành của người học, Nhà trường đã xây dựng xưởng thực hành với diện tích 972m² với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ cầm tay, phục vụ cho việc thực hành tay nghề công nhân xây dựng, công nhân ngành nước [H9.09.02.02], [H9.09.02.03]. Bên cạnh đó, phòng thí nghiệm Nhà trường có diện tích 680m² và có đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm về công nghệ xây dựng [H9.09.02.02], [H9.09.02.03]. Nhà trường vừa được Bộ Xây dựng đầu tư 18 tỷ đồng để nâng cấp phòng thí nghiệm [H9.09.02.04].

Với số lượng giảng đường và phòng thí nghiệm, thực hành hiện có, Nhà trường đủ số phòng để tổ chức hoạt động dạy học vào ban ngày cho tất cả các ngành đào tạo cũng như từng ngành đào tạo và không tổ chức các lớp học chính khóa vào ban đêm [H9.09.02.05]. Đồng thời lịch phân bố phòng học được đăng tải lên Website của Nhà trường nhằm giúp CB, GV và SV theo dõi thuận lợi [H9.09.02.06].

Hàng năm, Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới các phòng học và trang bị CSVC phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch dạy học, phù hợp với sự mở rộng quy mô đào tạo của Trường [H9.09.02.07]. Năm 2017, Nhà trường bắt đầu sử dụng các giảng đường lớn ở khu B nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu giảng dạy các lớp có số lượng SV đông [H9.09.02.08]. Bên cạnh đó, Nhà

trường đầu tư xây dựng nhà Giáo dục thể chất, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, tạo cảnh quan môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH [H9.09.02.09].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của CB, GV và SV về CSVC của Trường với đa số các ý kiến đánh giá hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ hoạt động dạy học và nghiên cứu [H9.09.02.10].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH, đồng thời đáp ứng đầy đủ yêu cầu phòng học của từng ngành đào tạo.

- Nhà trường quan tâm đầu tư phát triển CVSC hàng năm.

Tồn tại

Xưởng thực hành cho ngành xây dựng đang bị xuống cấp.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường triển khai đưa vào sử dụng xưởng thực hành tại khu B với trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu thực hành của SV ngành xây dựng.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

Mô tả

Để đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, trong những năm qua, Nhà trường đã đầu tư trang bị, thực hiện nhiều dự án đầu tư, tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.03.01].

Hiện nay, tất cả các phòng học, giảng đường, hội trường đều trang bị hệ thống chiếu sáng, quạt, hệ thống âm thanh, máy chiếu [H9.09.03.02]. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị cần thiết phục vụ các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường [H9.09.03.02]. Các trang

thiết bị dạy học của Nhà trường được mua sắm, bổ sung hằng năm và đảm bảo chất lượng nhằm phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thiết bị nhằm quản lý số lượng, chất lượng các trang thiết bị phục vụ dạy học và NCKH [H9.09.03.03]. Bên cạnh đó, để quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả các thiết bị tại các phòng thí nghiệm, Nhà trường đã thành lập Phòng thí nghiệm gồm các CB có chuyên môn, có chứng chỉ LAS chịu trách nhiệm thực hiện các thí nghiệm, quản lý, bảo trì các máy móc thiết bị và phục vụ kịp thời theo yêu cầu dạy học và NCKH [H9.09.03.04]. Đồng thời, Nhà trường thành lập Tổ Quản trị và Thiết bị thuộc Phòng Quản trị - Thiết bị chịu trách nhiệm theo dõi, xử lý kịp thời các sự cố các máy móc và các thiết bị dạy học và định kỳ hằng tháng, tiến hành kiểm tra, bảo trì các thiết bị nhằm khai thác tối đa hiệu quả sử dụng [H9.09.03.05].

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng và quản lý số lượng trang thiết bị phục vụ việc dạy học và NCKH được thực hiện đầy đủ, thường xuyên theo quy định của Nhà trường và trên phần mềm quản lý thiết bị [H9.09.03.03], [H9.09.03.06].

Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản và tiến hành kiểm kê toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị theo đúng quy định của nhà nước, tính khấu hao tài sản theo quy định; trên cơ sở đó đề xuất bổ sung, thay thế nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học [H9.09.03.07].

Nhà trường thực hiện khảo sát hằng năm ý kiến của CB, GV và SV về trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu với đa số ý kiến khảo sát hài lòng với mức độ đáp ứng cả về số lượng và chất lượng của trang thiết bị phục vụ công tác dạy học và NCKH của Trường [H9.09.03.08], [H9.09.03.09].

Điểm mạnh

- Trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu của Nhà trường có đủ số lượng và đảm bảo chất lượng, phục vụ hiệu quả yêu cầu nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV.

- Các trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

Tồn tại

Cấu hình của một số máy vi tính không đảm bảo để cập nhật và sử dụng các phần mềm mới phục vụ hoạt động dạy học và nghiên cứu.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tiến hành rà soát để nâng cấp, thay thế các máy tính có cấu hình thấp nhằm đảm bảo các máy vi tính cập nhật được các phần mềm mới phục vụ tốt hơn hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý.

Mô tả

Nhận thức ứng dụng CNTT là một trong những yếu tố quan trọng mang lại hiệu quả cao trong công tác đào tạo, NCKH và quản lý, hằng năm, Nhà trường đã dành nguồn kinh phí để mua sắm các thiết bị tin học và phần mềm nhằm hỗ trợ hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý [H9.09.04.01]. Hiện nay, Nhà trường đang sử dụng nhiều đường truyền cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ Internet cho các phòng máy tính, phòng tra cứu thông tin tại thư viện, phòng lab, nhà làm việc, hội trường,... và cung cấp Internet miễn phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu của CB, GV và SV [H9.09.04.02]. Toàn trường được phủ sóng wifi tốc độ cao và bên cạnh đó, tất cả máy tính tại các phòng ban, trung tâm và khoa chuyên môn được kết nối mạng Internet với tốc độ cao phục vụ 24/24 giờ đảm bảo cho công tác quản lý, đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.02].

Các đơn vị và CBQL, GV, NV sử dụng địa chỉ email trong trao đổi công việc [H9.09.04.03]. Bộ phận quản trị mạng thuộc Phòng Quản trị - Thiết bị có trách nhiệm quản lý và đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống mạng và Website của Nhà trường [H9.09.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin trên

Website Trường [H9.09.04.05].

Hiện nay, Nhà trường có 425 máy tính, được trang bị tại các phòng thực hành tin học, thư viện, phòng làm việc của các đơn vị chức năng, khoa chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong toàn Trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, hoạt động giảng dạy của GV cũng như hoạt động học tập và NCKH của SV [H9.09.04.06]. Tổng số máy tính trang bị tại các phòng, khoa, trung tâm hiện nay là 100 bộ và tất cả các đơn vị đều được trang bị máy in để sử dụng [H9.09.04.07]. Bên cạnh đó, mỗi CB, NV được trang bị 01 máy tính để thực hiện hiệu quả công tác quản lý, thực thi công việc, đáp ứng yêu cầu của từng đơn vị [H9.09.04.07].

Căn cứ vào yêu cầu của các đơn vị, Nhà trường triển khai các dự án tăng cường đầu tư trang thiết bị, thay thế và mua mới các thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.04.08]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã bổ sung 1 phòng máy tính có cấu hình mạnh để tổ chức thi lý thuyết tin học, 1 phòng Lab phục vụ giảng dạy ngoại ngữ, đồng thời thực hiện sửa chữa và thay thế những máy vi tính cũ để phục vụ tốt hoạt động thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H9.09.04.09].

Nhà trường sử dụng nhiều phần mềm có bản quyền, phục vụ các hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý [H9.09.04.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng để quản lý đào tạo theo tín chỉ, quản lý CBVC, quản lý kế toán - tài chính [H9.09.04.11]. Ngoài ra, Nhà trường có hệ thống tường lửa ngăn chặn các mã nguồn độc hại từ Internet, nhờ vậy hệ thống máy tính của Nhà trường hoạt động thông suốt và ít bị tác động bởi các mã nguồn độc hại [H9.09.04.12].

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV và SV về hiệu quả sử dụng các thiết bị tin học với kết quả đa số các ý kiến đánh giá các thiết bị tin học đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý [H9.09.04.13], [H9.09.04.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ thiết bị tin học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và

học, NCKH và hoạt động quản lý.

- Nhà trường sử dụng các phần mềm có bản quyền phục vụ hoạt động quản lý, dạy học và NCKH.

- Mạng wifi được phủ toàn bộ trong khuôn viên của Nhà trường.

Tồn tại

Nhà trường chưa có phần mềm quản lý đề thi.

Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Nhà trường tiếp tục đầu tư trang bị phần mềm quản lý đề thi nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả học tập của người học.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, TDTT theo quy định.

Mô tả

Nhà trường hiện có 75 phòng học các loại và 04 giảng đường với tổng diện tích: 24.791,28m². Phòng học hiện tại của Nhà trường bao gồm nhiều loại với diện tích khác nhau, trong đó đa số là các phòng học có diện tích 48m² dành cho những lớp bình thường có số lượng 50 SV, các phòng học lớn với diện tích 120m² dành cho những lớp có số lượng trên 80 SV, các giảng đường lớn phù hợp với môn học và chuyên ngành đào tạo [H9.09.05.02]. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã triển khai xây dựng, hoàn thiện khu B, nhà Giáo dục thể chất với diện tích xây dựng 1.3339,56m² và 02 sân thể thao ngoài trời [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

Tổng diện tích phòng học hiện nay của Nhà trường là 24.791,28m², bình quân diện tích phòng học cho SV chính quy là 8,8 m²/SV, vượt so với TCVN 3981: 1985 (trung bình từ 0,9m² - 1,5m²/người học) [H9.09.05.05].

Trường có 2 khu ký túc xá 5 tầng với tổng diện tích: 4.210m² với 78 phòng ở, giải quyết được 624 chỗ ở cho SV Nhà trường với tỷ lệ 3,51m²/1SV [H9.09.05.06], [H9.09.05.07]. KTX được xây dựng ngay trong khuôn viên Nhà

trường, tập trung, khép kín, có không gian yên tĩnh và thoáng mát, được trang bị đầy đủ phương tiện sinh hoạt cần thiết, thiết bị PCCC, có căn tin đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế và đáp ứng phục vụ nhu cầu ăn uống của CB, GV, SV [H9.09.05.01], [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. KTX thường xuyên được Nhà trường sửa chữa, đảm bảo an toàn và phục vụ cho nhu cầu của SV [H9.09.05.10]. Để tạo điều kiện cho SV trong sinh hoạt nội trú, Nhà trường đã xây dựng thêm sân bóng chuyên trong khu nội trú theo đúng tiêu chuẩn quy định và bố trí nhiều dụng cụ tập luyện thể dục thể thao cho SV [H9.09.05.11].

Nhà trường có nhà Giáo dục thể chất dành cho CB, GV và SV đến tập luyện đồng thời là nơi tổ chức các hoạt động TDTT của Trường và của các đơn vị trong tỉnh, trong đó năm 2017, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức giải Bóng bàn quốc tế tại nhà Giáo dục thể chất của Trường [H9.09.05.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng các sân thể thao ngoài trời như sân tennis, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ,... phục vụ các hoạt động TDTT của CB, GV, SV [H9.9.5.12].

CSVC, trang thiết bị và sân bãi phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT không ngừng được nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu rèn luyện sức khỏe, giải trí, nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa khác của CB, GV và SV trong toàn trường [H9.9.5.13], [H9.9.5.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích phòng học theo quy định cho việc dạy và học, có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú.

- Nhà trường có đủ diện tích sân bãi cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT.

Tồn tại

Chỗ ở KTX Nhà trường hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu chỗ ở của SV.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường xây dựng thêm ký túc xá 5 tầng nhằm đảm bảo chỗ ở cho SV có nhu cầu ở nội trú.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các CB , GV và nhân viên cơ hữu theo quy định.

Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã triển khai xây dựng, tăng cường CSVC, tạo điều kiện làm việc cho CB, giảng dạy và học tập của GV và SV [H9.09.06.01]. Hiện nay, Nhà trường bố trí địa điểm làm việc của Hội đồng trường, BGH, các phòng ban, trung tâm, đoàn thể tập trung ở 1 khu vực có tổng diện tích 1.751,33m² [H9.09.06.02]. Đồng thời, Nhà trường bố trí tầng 2 của nhà H (9 tầng) là nơi làm việc cho các khoa, bộ môn với diện tích là 800 m² [H9.09.06.02]. Việc bố trí các phòng làm việc được thể hiện qua sơ đồ mặt bằng khu hiệu bộ, khu làm việc của các Khoa, các trung tâm, các phòng thí nghiệm, thực hành,... rất thuận lợi cho GV, SV và khách đến liên hệ công tác [H9.09.06.02].

Nhà trường bố trí các phòng làm việc cho BGH trong đó đảm bảo mỗi thành viên BGH có phòng làm việc riêng [H9.09.06.03]. Bên cạnh đó, các phòng ban chức năng và khoa chuyên môn được bố trí đầy đủ phòng làm việc, trong đó đảm bảo diện tích tùy theo số lượng GV, NV của đơn vị [H9.09.06.03]. Trưởng các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giải quyết công việc [H9.09.06.03]. Ngoài ra, các Khoa được Nhà trường bố trí phòng sinh hoạt chuyên môn cho GV [H9.09.06.03]. Nhà trường đồng thời bố trí phòng làm việc riêng cho 2 PGS của Trường [H9.09.06.03]. Tổng diện tích mặt bằng các phòng làm việc là 1.751,33m², diện tích làm việc trung bình của GV và NV cơ hữu là 7,5m²/người [H9.09.06.05]. Hiện tại, diện tích phòng làm việc và các trang thiết bị đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Nhà nước [H9.09.06.05].

Các phòng làm việc của các đơn vị trong Trường được trang bị đầy đủ các tiện nghi, trang thiết bị như bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các thiết bị văn phòng khác theo đúng quy định về diện tích phòng làm việc, các điều kiện cần thiết của một phòng làm việc [H9.09.06.04]. Để đảm bảo nâng cao chất lượng công tác đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải

tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống phòng làm việc tạo điều kiện cho CBQL, chuyên viên và NV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H9.09.06.06].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ phòng làm việc cho CB, GV và NV cơ hữu theo quy định.
- Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các thiết bị, đảm bảo tốt các điều kiện để làm việc.

Tồn tại

Nhà trường chưa bố trí được các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng biệt cho các Khoa ghép.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường bố trí các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng biệt cho các Khoa ghép ở khu B.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

Mô tả

Nhà trường có tổng diện tích là 103.181,3m², bao gồm 2 khu, trong đó khu A tại địa chỉ 20B đường Phó Cơ điều, phường 3, Tp Vĩnh Long với diện tích 34.336,8m² và Khu B được bố trí cách khu A khoảng 500m với diện tích 68.844,5m² [H9.09.07.01]. Vị trí của Nhà trường hiện nay có đường giao thông thuận tiện, đảm bảo cho việc đi lại của CB, GV và SV [H9.09.07.01]. Trong thời gian qua, Nhà trường đã tích cực đề xuất và đã được UBND tỉnh Vĩnh long cấp đất khu B, đồng thời được Bộ Xây dựng duyệt dự án đầu tư xây dựng [H9.09.07.01], [H9.09.07.02].

Toàn bộ CSVC của Nhà trường được đầu tư xây dựng theo quy hoạch, thiết kế kiến trúc của cơ quan chuyên môn, khá khang trang và phù hợp với nhu cầu sử dụng [H9.09.07.03]. Với tổng số SV chính quy đang học tập tại Trường hiện khoảng 2.814 SV thì Trường đảm bảo đủ diện tích đất theo quy định của tiêu chuẩn Trường ĐH TCVN 3981-1985 [H9.09.07.01]. Đồng thời, với diện tích nơi

làm việc là 1.751,33m², diện tích nơi học là 24.791,28m², diện tích nơi vui chơi, giải trí là 7.481,06m², Nhà trường có diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định [H9.09.07.04].

Ngoài khu làm việc, học tập, Nhà trường còn có các công trình phụ trợ như Trạm điện, trạm bơm nước, vườn hoa, đường nội bộ, nhà xe SV, nhà xe GV, nhà khách, căn tin,.... [H9.09.07.05].

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng diện tích đất hiện có để từ đó xác định phương hướng nhằm khai thác hiệu quả đồng thời đề xuất, xây dựng các dự án phát triển CSVC nhằm tối ưu hóa diện tích đất của Trường [H9.09.07.06].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích đất đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 và sử dụng đúng mục đích, đúng quy định.

- Nhà trường được UBND tỉnh Vĩnh Long cấp mở rộng diện tích đất của Trường.

Tồn tại

Việc dự báo nhu cầu về diện tích đất của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường định kỳ từng năm học tiến hành đánh giá thực trạng và dự báo nhu cầu để từ đó đề xuất UBND tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quan tâm cấp thêm đất nhằm đảm bảo xu thế phát triển của Trường trong giai đoạn 2025-2030.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

Mô tả

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, thể hiện rõ trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030 cũng như trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2018

[H9.09.08.01], [H9.09.08.02]. Trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, Nhà trường đã triển khai và lấy ý kiến các thành viên của Nhà trường trước khi ban hành [H9.09.08.03].

Căn cứ kế hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, trên diện tích đất 103.181,3m² hiện có, Nhà trường đã xây dựng các hạng mục phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, nhà Giáo dục thể chất, sân luyện tập TDTT, khuôn viên cây xanh, vườn hoa,... phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường [H9.09.08.04], [H9.09.08.05]. Đồng thời, Nhà trường đã lập bản đồ tỉ lệ 1/500 về quy hoạch tổng thể của Nhà trường và đã được cơ quan chức năng phê duyệt [H9.09.08.06].

Nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, bên cạnh việc sử dụng hợp lý, phát huy tối đa CSVC hiện có, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai các đề án thực hiện chiến lược phát triển CSVC của Trường như ban hành Kế hoạch đầu tư công năm 2017, Kế hoạch bổ sung thêm hạng mục đầu tư công trung hạn 5 năm 2015-2020 về CSVC [H9.09.08.07], [H9.09.08.08].

Hằng năm, trong báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường định kỳ tiến hành rà soát tình hình sử dụng CSVC của các đơn vị trong toàn trường để rút kinh nghiệm, từ đó áp dụng các biện pháp quản lý nhằm sử dụng hiệu quả CSVC hiện có và đồng thời có kế hoạch nâng cấp CSVC nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tổ chức các hoạt động của Trường [H9.09.08.09].

Điểm mạnh

- Nhà Trường có quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể và chi tiết về sử dụng và phát triển CSVC của Trường.

- Nhà trường áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm triển khai các kế hoạch phát triển CSVC của Trường.

Tồn tại

Do những khó khăn trong nguồn kinh phí đầu tư nên dự án xây dựng CSVC khu B của Nhà trường mới hoàn thành giai đoạn 1, giai đoạn 2 theo kế hoạch đến năm 2020 đang trong quá trình xin kinh phí đầu tư.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tích cực trong việc tìm kiếm các nguồn kinh phí đầu tư nhằm đảm bảo tiến độ của các dự án xây dựng và phát triển CSVC của Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học.

Mô tả

Trước năm 2017, công tác bảo vệ an ninh trật tự trong Nhà trường do Tổ bảo vệ thuộc Phòng TCHC đảm nhiệm [H9.09.09.01]. Hiện nay, Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại Thành Đạt để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn trong Trường (24/24 giờ) [H9.09.09.01]. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ của Nhà trường trước đây và hiện nay là những người có chuyên môn nghiệp vụ và hằng năm được tham dự các khóa tập huấn nâng cao nghiệp vụ [H9.09.09.02]. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ, trật tự, an toàn và an ninh của Trường [H9.09.09.03]. Bên cạnh đó, nhằm góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, Nhà trường đã thành lập Trung đội tự vệ cơ quan tổ chức trực đảm bảo các ngày lễ tết, khi có sự kiện đột xuất, xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác PCCC và thành lập đội tự quản KTX gồm các SV của Trường sẵn sàng hỗ trợ tổ bảo vệ khi có những tình huống xấu xảy ra [H9.09.09.04].

Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy tại các nhà làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà Giáo dục thể chất, KTX, nhà ăn, căn tin,... [H9.09.09.05]. Đồng thời, niêm yết công khai các quy định về nội quy, quy định của Nhà trường tại các phòng học và giảng đường, các quy định về sử dụng thư viện tại thư viện Trường, quy định sử dụng an toàn các thiết bị trong phòng thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, thực hành để CB, GV, NV và SV Nhà trường thực hiện [H9.09.09.06]. Tại các khu nhà cao tầng, Nhà trường lắp đặt các biển chỉ dẫn lối thoát hiểm nhằm hướng dẫn CB, GV, SV khi có sự cố [H9.09.09.06]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng hàng rào kiên cố bằng khung bê tông xung quanh Trường

và lắp đặt camera giám sát ở nhiều địa điểm trọng yếu nhằm tạo điều kiện thuận lợi công tác bảo vệ an ninh trật tự [H9.09.09.07].

Để đảm bảo công tác PCCC kịp thời và hiệu quả, Nhà trường đã thành lập Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ [H9.09.09.08]. Hệ thống thiết bị PCCC tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX được trang bị đầy đủ và được lực lượng Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ [H9.09.09.09]. Hằng năm, nhằm luyện tập và thực hành các phương án PCCC, Nhà trường đã phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Vĩnh Long tổ chức diễn tập PCCC tại Trường [H9.09.09.10].

Nhằm triển khai hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong và bên ngoài khu vực Trường, Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý SV ngoại trú [H9.09.09.11], [H9.09.09.12]. Trong từng năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị giao ban về quản lý SV nội, ngoại trú và có sự tham gia đóng góp ý kiến của chính quyền và công an địa phương để từ đó thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an ninh, trật tự của Trường nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý SV nội, ngoại trú nói riêng [H9.09.09.11].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về các quy định về an toàn, an ninh, trật tự tới toàn thể CB, GV, NV và SV [H9.09.09.13]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học, Nhà trường phổ biến đến toàn thể SV các nội quy, quy định của Trường cũng như các quy định về an toàn, an ninh, trật tự [H9.09.09.14]. Đồng thời, trong báo cáo tổng kết từng năm học, Nhà trường đánh giá kết quả triển khai tuyên truyền về công tác đảm bảo trật tự, an toàn trong Trường và cho đến nay CBQL, GV, SV Nhà trường được đảm bảo an toàn trong quá trình công tác và học tập tại Nhà trường [H9.09.09.15].

Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhằm bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho CBQL, GV, NV và SV trong quá trình công tác và học tập.

- Nhà trường thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa Trường với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo vệ tài sản, an ninh trật tự, an toàn cho

GV và SV.

- Trong những năm qua tình hình an ninh trật tự trong khu vực Trường luôn luôn được đảm bảo.

Tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn PCCC cho toàn thể đội ngũ CB, GV, SV.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn, phổ biến các văn bản quy định về PCCC và thực hành công tác PCCC cho đội ngũ CB, GV, SV.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng theo quy định với hệ thống CSVC ngày càng khang trang, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của CB, GV, NV và SV. Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, thư viện, nhà Giáo dục thể chất, KTX và các trang thiết bị, máy móc của Nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học và NCKH theo quy mô đào tạo hiện tại và theo từng chuyên ngành đào tạo. Công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, PCCC luôn được quan tâm và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Tuy nhiên, thư viện Nhà trường chưa triển khai liên kết với hệ thống thư viện của các trường ĐH quốc tế. Trong thời gian tới, trong công tác HTQT, Nhà trường chú trọng tăng cường liên kết với thư viện của các trường ĐH quốc tế nhằm đa dạng hóa cơ sở dữ liệu và nguồn tài nguyên phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của CB, GV và SV.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)

Mở đầu

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập, được phân cấp là đơn vị dự toán cấp 3, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Xây dựng, đồng thời thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường thường xuyên được BGH chỉ đạo trực tiếp và sự phối hợp thực hiện của các Phòng, Khoa trong Trường. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được hoàn thiện, đảm bảo tính hợp pháp và đúng quy định của Nhà nước. Hằng năm, hoạt động tài chính của Nhà trường được báo cáo quyết toán một cách đầy đủ và được cấp trên phê duyệt theo đúng chế độ quy định. Hoạt động tài chính được báo cáo công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường ĐH.

Mô tả

Hoạt động tài chính của Nhà trường luôn được thực hiện dựa trên các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng [H10.10.01.01]. Mục tiêu phát triển tài chính và kế hoạch tự chủ tài chính dài hạn được Nhà trường xác định trong Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn 2020, Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030 và trong Quy chế quản lý tài chính của Nhà trường [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Nhà trường luôn chú trọng phát triển các nguồn thu hợp pháp để chủ động tự chủ về tài chính, đáp ứng cho các hoạt động của Nhà trường [H10.10.01.02].

Nhà trường có nguồn thu tài chính đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm:

- Nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước cấp [H10.10.01.04];
- Nguồn thu từ học phí các bậc, hệ đào tạo như: hệ CD; hệ ĐH chính quy

dài hạn, ĐH liên thông, ĐH VLVH [H10.10.01.05];

- Nguồn thu từ các hợp đồng liên kết đào tạo các lớp hệ VLVH tại các tỉnh khu vực ĐBSCL, Bình Dương; liên kết đào tạo với Trường ĐH Xây dựng đào tạo chuyên ngành ĐH Cấp thoát nước; liên kết với Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh đào tạo kỹ sư ngành Xây dựng; liên kết đào tạo sau ĐH các chuyên ngành Xây dựng, Quản lý đô thị với Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội; liên kết đào tạo các chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản lý kinh tế với Học viện Tài chính [H10.10.10.06];

- Nguồn thu từ hoạt động đào tạo Ngoại ngữ - Tin học [H10.10.01.06];

- Nguồn thu từ hoạt động của Phòng Thí nghiệm [H10.10.01.06];

- Nguồn thu khác từ các hoạt động, dịch vụ như bãi giữ xe, căn tin, photocopy, quầy văn phòng phẩm, mặt bằng đặt máy ATM,... [H10.10.01.07].

Đối với học phí của người học, Nhà trường thực hiện đúng theo các văn bản quy định của nhà nước, cụ thể Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBH ngày 30/3/2016 của liên Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ [H10.10.01.08].

Để đảm bảo nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động, Nhà trường đã ban hành QCCTNB nhằm quy định các khoản chi tiêu tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Nhà trường và Quy chế quản lý tài chính [H10.10.01.09]. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thu chi tài chính, các hoạt động đào tạo, khoa học và các hoạt động thực tế khác, Nhà trường lập kế hoạch dự toán thu chi rõ ràng, cụ thể [H10.10.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành phân bổ hợp lý các nguồn thu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo đúng quy định [H10.10.01.12]. Các nguồn thu sự nghiệp, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, thu tập trung tại Phòng Tài chính Kế toán và nộp vào tài khoản của Trường theo đúng quy định [H10.10.01.11].

Bảng 10.1: Cơ cấu nguồn thu của Nhà trường giai đoạn 2012 - 2016

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%	Tổng thu	%
	Tổng	49.425	100	58.528	100	68.849	100	84.665	100	69.446	100
1	Thu hoạt động SXKD	3.415	7	4.532	8	4.289	6	5.281	6,2	7.051	10
2	Các nguồn thu khác	633	1	427	1	425	1	315	0,4	489	1
3	Thu học phí	14.238	29	18.734	32	22.163	32	26.129	31	28.545	41
4	Thu ngân sách cấp	31.139	63	34.835	60	41.972	61	52.940	62,4	33.361	48
	<i>Trong đó:</i>										
	<i>NS thường xuyên</i>	16.139		15.659		17.292		16.701		17.678	
	<i>NS không thường xuyên</i>	0		2.876		2.680		1.318		623	
	<i>NS XD CB</i>	15.000		16.300		22.000		34.920		15.060	

(Nguồn: Báo cáo quyết toán hằng năm của Trường ĐHXD MT)

Qua số liệu tổng thu của Nhà trường ở bảng 10.01 cho thấy: từ nguồn học phí, thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và thu khác năm 2016 tăng 97% so với năm 2012. Trong thời gian qua, Nhà trường đã cân đối hợp lý các khoản chi, đồng thời rà soát các nguồn thu, tăng nguồn thu để đảm bảo các hoạt động chung, đặc biệt trong giai đoạn Nhà trường chuyển dần sang tự chủ tài chính [H10.10.1.12]. Nguồn thu tăng, cùng với việc phân bổ, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nên hằng năm Nhà trường đã thực hiện tăng thu nhập tăng thêm và phúc lợi cho CBVC đồng thời đầu tư tăng cường CSVC, trang thiết bị thí nghiệm, phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Trường [H10.10.1.12].

Qua các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng về số liệu quyết toán tài chính hằng năm đều xác nhận kết quả hoạt động tài chính của Nhà trường từ năm 2012 đến nay đã được thực hiện đúng, phù hợp với các quy định của Nhà nước và QCCTNB của Trường, không có vi phạm liên quan đến nguồn thu của Nhà trường [H10.10.01.13]. Công tác quản lý, sử dụng tài chính được Ban Thanh tra nhân dân đánh giá thực hiện nghiêm túc tại các Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của Nhà trường [H10.01.14].

Điểm mạnh

- Nhà trường đã chủ động áp dụng các biện pháp nhằm tăng nguồn thu và tự chủ về tài chính.

- Các nguồn thu của Nhà trường đều hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ hạn chế.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích CB, GV tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH quy mô cấp Bộ trở lên và thực hiện chuyển giao công nghệ nhằm tăng nguồn thu cho Nhà trường, đồng thời mở các lớp chất lượng cao cũng như thực hiện đào tạo sau ĐH.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường ĐH được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

Mô tả

Để có cơ sở cho việc lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính, dựa trên các quy định của Nhà nước, Nhà trường đã xây dựng và ban hành QCCTNB[H10.10.02.01]. Nhà trường luôn chú trọng và hoàn thiện việc lập kế hoạch tài chính theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách Nhà nước, hướng dẫn của Bộ tài chính và cụ thể hóa thông qua việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tiễn [H10.10.02.01].

Nhà trường chú trọng thực hiện quản lý tài chính được chuẩn hóa, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước thông qua việc áp dụng phần mềm kế toán Hành chính sự nghiệp Misa Mimosa, trong đó phần mềm kế toán được vận hành trên mạng Internet và được quản lý thống nhất dưới sự kiểm soát của lãnh đạo Phòng TCKT [H10.10.02.04].

Các kế hoạch thu chi ngân sách của Nhà trường được xây dựng dựa trên cơ

sở phù hợp với nhiệm vụ từng năm học, với các quy định của Nhà nước, QCCTNB của Trường [H10.10.02.01]. Sau khi được Bộ Xây dựng quyết định giao dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm, Nhà trường tiến hành phân bổ dự toán chi hằng năm của các nguồn thu theo đúng mục lục ngân sách [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Hằng năm, sau khi được Bộ Xây dựng giao dự toán ngân sách, Nhà trường gửi dự toán ngân sách đến các đơn vị trực thuộc để thông báo công khai đến toàn thể CBVC [H10.10.02.05]. Năm 2012, Nhà trường đã thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính [H10.10.02.06]. Định kỳ hằng năm, Tổ tự kiểm tra tài chính thực hiện kiểm tra tài chính toàn Trường nhằm phát hiện các sai sót để chấn chỉnh kịp thời [H10.10.02.07]. Bên cạnh đó, hằng năm, Bộ Xây dựng tiến hành kiểm tra, xét duyệt quyết toán tài chính cho Trường [H10.10.02.08]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường được đánh giá là đơn vị thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ sự nghiệp và dự toán thu - chi được giao, công tác quản lý tài chính đều tuân thủ các quy định của Nhà nước và QCCTNB [H10.10.02.12].

Sau khi có thông báo quyết toán tài chính, Nhà trường tiến hành công khai quyết toán thu - chi ngân sách và các nguồn khác đã được phê duyệt tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và các cuộc họp lấy ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung QCCTNB [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11].

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã tiến hành kiểm toán nội bộ và vào năm 2016 được tổ chức kiểm toán Nhà nước đánh giá là đơn vị thực hiện tốt công tác tài chính theo quy định [H10.10.02.12].

Điểm mạnh

- Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường được chuẩn hóa, công khai, minh bạch, sát thực tiễn đáp ứng những yêu cầu phát triển chung của Trường và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Công tác quản lý tài chính được tin học hóa.

Tồn tại

Việc chuẩn hóa công tác tài chính của Nhà trường đôi lúc chưa theo kịp thời

những thay đổi về tiêu chí và các biểu mẫu trong việc lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính hằng năm của Bộ Xây dựng.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 và những năm học tiếp theo, Phòng TCKT chủ động và điều chỉnh kịp thời các biểu mẫu lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính nhằm tối ưu hóa hoạt động tài chính của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường ĐH.

Mô tả

Nhà trường thực hiện phân bổ, sử dụng tài chính căn cứ trên các văn bản quy định của Nhà nước và các chế độ định mức chi tiêu của Nhà trường được quy định rõ ràng trong QCCTNB [H10.10.01.01]. Căn cứ quy mô, nguồn thu trong năm, Nhà trường tiến hành phân bổ kinh phí cho công tác giảng dạy, phục vụ đào tạo, quản lý, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trên cơ sở phù hợp với quy định của Nhà nước và đúng theo quy định tại QCCTNB của Nhà trường [H10.10.01.03].

Trên cơ sở kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách hằng năm, Nhà trường đã sử dụng tất cả các nguồn lực tài chính một cách hợp lý, minh bạch và hiệu quả nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu phát triển của Nhà trường, bao gồm: chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, triển khai hoạt động NCKH, đầu tư tăng cường CSVC và trang thiết bị dạy học cũng như thực hiện kế hoạch trích lập và sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ ổn định thu nhập và quỹ đầu tư xây dựng CSVC [H10.10.03.04], [H10.10.03.05]. Việc phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý đã góp phần tăng cường CSVC của Nhà trường, tăng nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, đồng thời phúc lợi tập thể và thu nhập của CB, GV tăng lên qua từng năm [H10.10.03.02].

Bảng 10.2: Thống kê cơ cấu nguồn chi từ 2012 đến 2016

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%	Tổng chi	%
	Tổng	40.033	100	46.503	100	45.512	100	61.254	100	46.254	100
1	Chi cho NCKH	230	0,6	606	1,3	5.431	11,9	7.738	12,6	3.160	6,8
2	Chi cho sách, tạp chí, thiết bị thư viện	156	0,4	141	0,3	158	0,3	950	1,6	230	0,5
3	ĐT, BD nâng cao trình độ, Hội thảo, chi khác	439	1,1	1.091	2,3	900	2,0	524	0,9	1.437	3,1
4	Chi đào tạo	24.209	60,5	28.365	61,0	22.023	48,4	24.042	39,2	28.427	61,5
5	Chi XD CB	15.000	37,5	16.300	35,1	17.000	37,4	28.000	45,7	13.000	28,1

(Nguồn: Báo cáo quyết toán tài chính từ 2012 đến 2016)

Số liệu thống kê ở bảng 10.02 thể hiện nguồn kinh phí chi phục vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy đã chiếm phần lớn trong tổng nguồn chi của Nhà trường hằng năm, chiếm tỷ lệ từ 39,2% đến 61,5% tổng nguồn chi.

Để đảm bảo tính minh bạch trong việc sử dụng tài chính, Nhà trường đã ban hành QCCTNB và định kỳ sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hoạt động [H10.10.03.01]. QCCTNB quy định về các chế độ, định mức như chế độ công tác phí, chế độ định mức giờ chuẩn,... [H10.10.03.01].

Hằng năm, trong Hội nghị cán bộ công chức viên chức, Nhà trường thực hiện công khai các nguồn thu chi đến toàn thể CB, GV nhằm minh bạch hóa tài chính của Trường, đồng thời lấy ý kiến phản hồi từ các bộ phận liên quan đến các hoạt động tài chính để điều chỉnh kế hoạch thu chi hợp lý hơn [H10.10.03.07].

Kết quả kiểm toán nội bộ giai đoạn 2012 - 2017 và kiểm toán Nhà nước năm 2016 thể hiện Nhà trường đã phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả [H10.10.03.08]. Trong các đợt kiểm tra của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hằng năm, Nhà trường luôn được đánh giá thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính [H10.10.03.08].

Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện phân bổ, sử dụng đúng tài chính quy định, ưu tiên cho phục vụ đào tạo và đầu tư phát triển, tăng cường CSVC, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành.

- Việc sử dụng các nguồn tài chính được công khai, minh bạch.

- Thu nhập của CBVC ổn định và tăng lên hằng năm.

Tồn tại

Do nguồn tài chính của Nhà trường hạn chế nên kinh phí chi cho các đề tài NCKH các cấp còn thấp, chưa tạo được động lực khuyến khích CB, GV, SV thực hiện các đề tài nghiên cứu có quy mô lớn.

Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tăng nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh, nâng cao kết quả và hiệu quả hoạt động NCKH.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường trong những năm qua được triển khai thực hiện có hiệu quả và đã đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của Trường. Các nguồn tài chính được huy động và khai thác một cách hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, quản lý tập trung và hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định theo các quy chế đã ban hành. Công tác lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính được thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định, được quản lý tập trung và có kiểm tra giám sát chặt chẽ. Nhà trường đã chú trọng và đầu tư đúng mức cho việc tin học hóa công tác quản lý tài chính nên đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Tuy nhiên, nguồn thu từ hoạt động NCKH còn hạn chế. Trong những năm tới, Nhà trường tập trung đa dạng hóa nguồn thu để tiến đến tự chủ hoàn toàn về tài chính, đồng thời tăng cường chế độ khen thưởng, động viên, khuyến khích nhằm đẩy mạnh và nâng cao số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài liên kết với địa phương để góp phần tăng nguồn thu của Trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt yêu cầu 3 tiêu chí.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Báo cáo tự đánh giá của trường ĐHXĐMT chính là minh chứng để công bố với các cơ quan quản lý Nhà nước, người học và xã hội về chất lượng giáo dục của Nhà trường. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những mặt hạn chế, không ngừng cải tiến quản lý, cải tiến mọi mặt chất lượng giáo dục của Trường.

Kết quả tự đánh giá của Nhà trường cho thấy, trong tổng số 61 tiêu chí KĐCL giáo dục, Trường đã đạt được 60/61 tiêu chí (98,4 %).

Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHXĐMT tự đánh giá trường đạt tiêu chuẩn KĐCL giáo dục trường đại học.


Vĩnh Long, ngày 25 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Lê Ngọc Cẩn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã Trường: MTU	
Tên Trường: ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY	
Khối ngành: KỸ THUẬT	
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 25/10/2017	

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học</td> </tr> <tr> <td style="width: 10%;">1.1</td> <td style="width: 10%;">Đ</td> <td style="width: 10%;"></td> <td style="width: 10%;"></td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo</td> </tr> <tr> <td>3.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo</td> </tr> <tr> <td>4.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ CBQL, GV và NV</td> </tr> <tr> <td>5.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5.8</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học				1.1	Đ			1.2	Đ			Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý				2.1	Đ			2.2	Đ			2.3	Đ			2.4	Đ			2.5	Đ			2.6	Đ			2.7	Đ			Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				3.1	Đ			3.2	Đ			3.3	Đ			3.4	Đ			3.5	Đ			3.6	Đ			Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				4.1	Đ			4.2	Đ			4.3	Đ			4.4	Đ			4.5	Đ			4.6	Đ			4.7	Đ			Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ CBQL, GV và NV				5.1	Đ			5.2	Đ			5.3	Đ			5.4	Đ			5.5	Đ			5.6	Đ			5.7	Đ			5.8	Đ			<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 6: Người học</td> </tr> <tr> <td style="width: 10%;">6.1</td> <td style="width: 10%;">Đ</td> <td style="width: 10%;"></td> <td style="width: 10%;"></td> </tr> <tr> <td>6.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.8</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6.9</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ</td> </tr> <tr> <td>7.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.5</td> <td></td> <td style="text-align: center;">C</td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 8: Hoạt động Hợp tác quốc tế</td> </tr> <tr> <td>8.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>8.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>8.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác</td> </tr> <tr> <td>9.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.4</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.5</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.6</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.7</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.8</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9.9</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4">Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính</td> </tr> <tr> <td>10.1</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>10.2</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>10.3</td> <td>Đ</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Tiêu chuẩn 6: Người học				6.1	Đ			6.2	Đ			6.3	Đ			6.4	Đ			6.5	Đ			6.6	Đ			6.7	Đ			6.8	Đ			6.9	Đ			Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ				7.1	Đ			7.2	Đ			7.3	Đ			7.4	Đ			7.5		C		7.6	Đ			7.7	Đ			Tiêu chuẩn 8: Hoạt động Hợp tác quốc tế				8.1	Đ			8.2	Đ			8.3	Đ			Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác				9.1	Đ			9.2	Đ			9.3	Đ			9.4	Đ			9.5	Đ			9.6	Đ			9.7	Đ			9.8	Đ			9.9	Đ			Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính				10.1	Đ			10.2	Đ			10.3	Đ		
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
1.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý																																																																																																																																																																																																																																																																																													
2.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo																																																																																																																																																																																																																																																																																													
3.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
3.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
3.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
3.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
3.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
3.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo																																																																																																																																																																																																																																																																																													
4.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
4.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ CBQL, GV và NV																																																																																																																																																																																																																																																																																													
5.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
5.8	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 6: Người học																																																																																																																																																																																																																																																																																													
6.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.8	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
6.9	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ																																																																																																																																																																																																																																																																																													
7.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
7.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
7.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
7.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
7.5		C																																																																																																																																																																																																																																																																																											
7.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
7.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động Hợp tác quốc tế																																																																																																																																																																																																																																																																																													
8.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
8.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
8.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác																																																																																																																																																																																																																																																																																													
9.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.4	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.5	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.6	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.7	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.8	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
9.9	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính																																																																																																																																																																																																																																																																																													
10.1	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
10.2	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												
10.3	Đ																																																																																																																																																																																																																																																																																												

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 60 (chiếm: 98,4 %)
- Số tiêu chí chưa đạt: 01 (chiếm: 1,6 %); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm: 0 %)

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Lê Ngọc Cẩn

PHẦN V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo tính đến ngày 25/10/2017

I. Thông tin chung của nhà trường

1. **Tên trường (theo quyết định thành lập)**

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Tiếng Anh: MIEN TAY CONSTRUCTION UNIVERSITY

2. **Tên viết tắt của trường:**

Tiếng Việt: ĐHXDMT

Tiếng Anh: MTU

3. **Tên trước đây:** Trước năm 2011 là Trường Cao đẳng Xây dựng Miền Tây.

4. **Cơ quan/ Bộ chủ quản:** Bộ Xây dựng

5. **Địa chỉ trường:** 20B, Đường Phó Cơ Điều, Phường 3, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

6. **Thông tin liên hệ:** Điện thoại (0270) 3823657. Số fax (0270) 3827347

E-mail: mtu@mtu.edu.vn Website: www.mtu.edu.vn.

7. **Năm thành lập trường:** Năm 2011 theo quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHXDMT trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT.

8. **Thời gian bắt đầu đào tạo bậc đại học khóa I:** Năm 2012

9. **Thời gian cấp bằng tốt nghiệp bậc đại học khóa I:** Năm 2017

10. **Loại hình trường đào tạo:** Công lập

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường:

11. **Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường**

Trường ĐHXDMT thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường CĐXDMT.

Gần 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Trường ĐHXDMT đã đào tạo cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước 46 Kiến trúc sư; 505

Kỹ sư xây dựng; 4.841 cử nhân cao đẳng, 9.395 trung cấp chuyên nghiệp, 1.508 công nhân kỹ thuật; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý xây dựng cho 653 học viên; bồi dưỡng thi nâng bậc 2.454 công nhân kỹ thuật và đào tạo ngoại ngữ, tin học cho 10.000 học viên, qua đó cung cấp một đội ngũ nhân lực ngành xây dựng quan trọng, góp phần đáng kể vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Miền Tây Nam Bộ.

Trường còn liên kết đào tạo với Trường ĐH Kiến trúc TP Hồ Chí Minh, đào tạo gần 3.570 kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng. Liên kết với Trường ĐH Xây dựng đào tạo Kỹ sư Cấp thoát nước; Liên kết với Trường ĐH Kiến trúc Hà nội đào tạo Cao học ngành Xây dựng, liên kết với Học viện Tài chính đào tạo Cao học ngành Kế toán, Tài chính Ngân hàng, Quản lý kinh tế.

Tuy mới thành lập trường ĐH, CB, GV của trường đã tích cực tham gia NCKH; có nhiều đề tài được áp dụng thực tế phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Bên cạnh những công trình nghiên cứu của GV, SV cũng tham gia nhiều đề tài NCKH đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Trong những năm gần đây, nhà trường luôn hướng tới việc mở rộng hợp tác với các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm học hỏi nâng cao trình độ và hiệu quả trong công tác đào tạo. Hiện tại Nhà trường đã ký kết và đang hợp tác với trường Laguna (Philippines), ĐH Quốc gia Lào.

Bốn mươi năm xây dựng và phát triển, trường không ngừng tăng cường xây dựng CSVC để ngày càng hiện đại phục vụ cho đào tạo và NCKH. Thư viện được trang bị tiện nghi với nhiều đầu sách chuyên ngành có giá trị và được bổ sung hàng năm. Có hệ thống Internet giúp SV tra cứu tìm kiếm thông tin có hiệu quả.

Các phòng ban chức năng và các khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị máy tính phục vụ công tác. Ngoài ra, được hỗ trợ về tài chính của Bộ chủ quản, các Chương trình mục tiêu, nhà trường đã đầu tư xây dựng nhiều phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm hiện đại, thư viện điện tử, cổng thông tin điện tử để phục vụ công tác quản lý giảng dạy, học tập, nghiên cứu của GV và SV.

Bốn mươi năm qua, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội SV ngày

càng lớn mạnh và thể hiện được vai trò chủ chốt trong sự nghiệp phát triển nhà trường. Trường ĐHXDMT đã được Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng tặng những phần thưởng cao quý như:

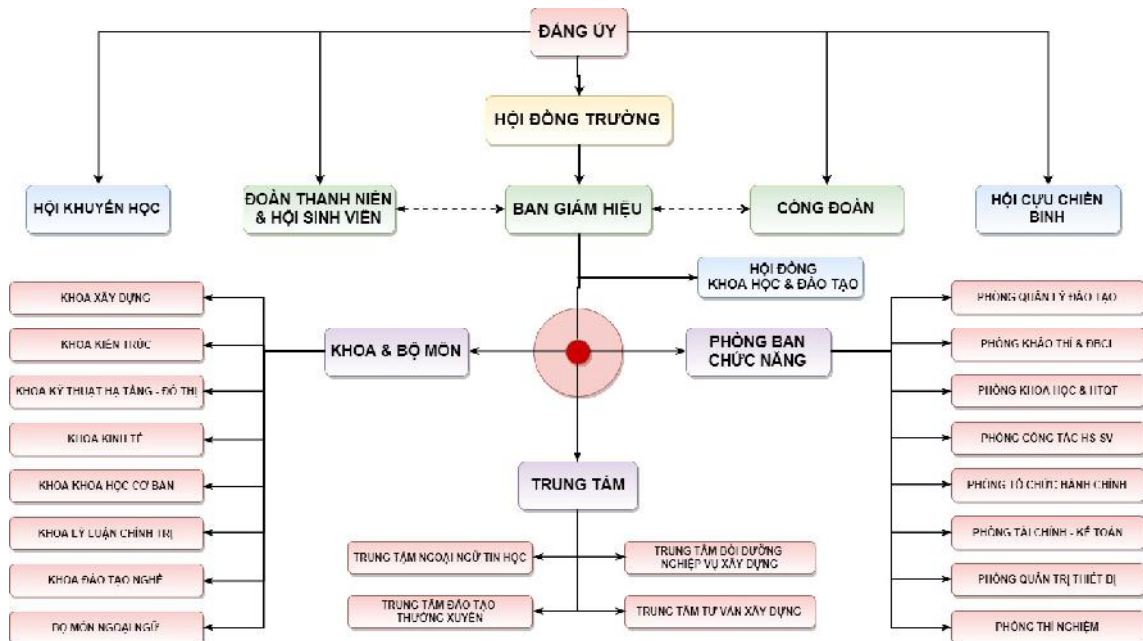
- Năm 1997 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
- Năm 2002 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Năm 2007 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Năm 2011 được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.

Trường đã được tặng Cờ thi đua của Chính phủ, nhiều bằng khen cùng các danh hiệu khác của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT và UBND Tỉnh Vĩnh Long

Đảng bộ của Trường nhiều năm được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV nhà trường liên tục được công nhận đơn vị hoạt động xuất sắc.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường:



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các đơn vị	Họ và tên	Chức danh, học vị	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Lê Ngọc Cẩn	TS-GVC	02703 826 087	lengoccan@mtu.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Chiếu	TS-GVC	02703 824 795	nvchieu59@gmail.com
	Nguyễn Văn Xuân	TS	02703 843 219	nguyenvxuan@yahoo.com
	Trương Công Bằng	TS	02703 601 368	bangmtvl@gmail.com
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể				
3.1 Bí thư Đảng ủy	Lê Ngọc Cẩn	TS	0903 741 248	lengoccan@mtu.edu.vn
3.2 Chủ tịch Công đoàn	Nguyễn Hồng Hải	ThS	0919 500 886	cmthonghai@gmail.com
3.3 Bí thư Đoàn TNCS HCM	Nguyễn Cao Phong	ThS	0989 063 090	ncphong.spt@gmail.com
4. Phòng chức năng				
4.1. Phòng TCHC	Lê Tấn Truyền	ThS	02703 823 657	lptruyenmt@gmail.com
4.2. Phòng QLĐT	Huỳnh Quốc Huy	ThS	02703 825 903	huymtu@gmail.com
4.3. Phòng HH&HTQT	Nguyễn N. L. Giang	ThS	02703 843 821	longgiangmtu@gmail.com
4.4. Phòng QTTB	Lưu Văn Vĩnh	CN	02703 820 746	vinhmtvl@gmail.com
4.5. Phòng CT HSSV	Tô Mai Phong	ThS	02703 828 596	tomaiphong@gmail.com
4.6. Phòng TCKT	Phạm Hồng Thái	TS	02703 826 119	phthai74@gmail.com
4.7. Phòng KT& ĐBCL	Nguyễn Văn Hoàn	ThS	0270 655 1545	hoan.cmt@gmail.com
4.8. Phòng Thí nghiệm	Đặng Văn Tiến	ThS	0913 728 374	tangvinhtien@gmail.com
5. Các Trung tâm				
5.1. Trung tâm TV XD	Phan Tấn Thọ	ThS	02703 842 244	tttvxd.mtu@gmail.com
5.2. Trung tâm NN- TH	Nguyễn Văn Xuân	TS	02703 843 219	nguyenvxuan@yahoo.com
5.3. Trung tâm Bồi dưỡng NVXD	Nguyễn Văn Chiếu	TS-GVC	02703 824 795	nvchieu59@gmail.com
5.4. Trung tâm Đào tạo thường xuyên	Trương Công Hào	ThS	02703 828 597	conghao.vl@gmail.com
6. Các Khoa				
6.1. Kiến trúc	Ngô Hồng Năng	ThS	0918 357 035	ngohongnang@gmail.com
6.2. Xây dựng	Đặng Hữu Lợi	ThS	0903 029 929	dailoivl@gmail.com

6.3. Kinh tế	Trịnh T. Th.Hương	TS	0122692 8999	huonggc@gmail.com
6.4. Kỹ thuật Hạ tầng Đô thị	Trần Thanh Thảo	ThS	0987 557 949	hatangdothi.mtu@gmail.com
6.5. Khoa học Cơ bản	Lương Hoàng Hên	ThS	0918 256 799	lhoangh@gmail.com
6.6. Đào tạo nghề	Giang Minh Nhật	KS	0917 129 058	phuocminhxdmt@gmail.com
6.7. Bộ môn Ngoại ngữ	Phan Thị Anh Đào	ThS	0989 088 371	ptad06sakura@gmail.com
6.8. Khoa Lý luận Chính trị	Trương T. Hồng Nga	ThS	0939 171 727	nga.xdmtvl@gmail.com

14. Các chuyên ngành đào tạo

- ĐH 8 ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Quy hoạch Vùng và Đô thị, Kỹ thuật Cấp thoát nước, Kỹ thuật Giao thông, Quản lý Xây dựng – Đô thị, Kỹ thuật Môi trường, Kế toán.

- Cao đẳng 5 ngành: Công nghệ Kỹ thuật Kiến trúc, Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Công nghệ Kỹ thuật Tài nguyên nước, Kế toán doanh nghiệp.

15. Các loại hình đào tạo:

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

16. Tổng số khoa/Bộ môn đào tạo: 08

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường (cán bộ):

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	154	92	246
I.1	Cán bộ trong biên chế	01	0	01
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	153	92	245
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	0	01
Tổng cộng		155	92	247

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					
2	Phó Giáo sư	02		02			
3	TS KH	01		01			
4	Tiến sĩ	15		09	06		
5	Thạc sĩ	143		128	15		
6	Đại học	14		14	0		
7	Cao đẳng	0					
8	Trung cấp	0					
9	Trình độ khác	0					
	Tổng số	175		154	21		

Tổng số GV cơ hữu = (cột 3- cột 7) = 175 người.

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 175/246 (71,14%)

Quy đổi số lượng GV của nhà trường:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư		0						
2	Phó Giáo sư		02		02				02
3	TSKH		01		01				01
4	Tiến sĩ		15		09	06			10,8
5	Thạc sĩ		143		128	15			132,5
6	Đại học		14		14	0			15
	Tổng		175		154	21			161,3

19. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, Viện sĩ	0								
2	Phó Giáo sư	02	1,1	02						02
3	TSKH	01	0,5	01					01	
4	Tiến sĩ	15	8,5	14	01	0	05	04	04	02
5	Thạc sĩ	143	81,2	94	49	18	94	28	03	0
6	Đại học	14	8,5	11	03	07	05	01	00	0
7	Cao đẳng	0								
8	Trung cấp	0								

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
9	Trình độ khác	0								
	Tổng	175	100	122	54	25	104	33	08	04

19.1 Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10,2	10,2
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	26,1	82,4
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	22,7	7,3
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	39,2	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1,7	0
	Tổng	100	100

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37,1 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 18/175 (10,29%).

19.4 Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Ths trở lên trên tổng số GV cơ hữu của nhà trường: 161/175 (92%). Và có 14 GV đang học cao học. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ sau ĐH và đang học cao học là 100%.

IV. Người học

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số SV trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
Đại học				3203			
2012-2013	924	510	1:3,08	329	13		
2013-2014	2083	1087	1:2,45	761	13		
2014-2015	1564	919	1:1,63	767	13		
2015-2016	767	767	1:0,9	671	15	16.53	
2016-2017	545	545	1:0,77	383	15	17.56	01
2017-2018	981	393	1:1,64	292	15,5	18.78	07
Cao đẳng				1390			
2012-2013	1241	1024	1:1,43	743	10		
2013-2014	765	399	1:2,32	287	10		
2014-2015	516	452	1:1,72	212	10		
2015-2016	84	84	1:0,28	67	12	12.58	
2016-2017	127	127	1:1,02	81	THPT	12.99	
2017-2018							
Trung cấp				453			
2012-2013	381	381	1:0,76	338			
2013-2014	103	103	1:0,34	61			
2014-2015	104	104	1:1,04	54			
2015-2016	0	0		0			
Khác...							

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2012-2013							
2013-2014							
2014-2015							

Số lượng SV hệ chính quy đang học tập tại trường: 2.814 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:	329	862	975	787	459
Hệ chính quy	329	761	767	671	383
Hệ không chính quy		101	208	116	76
4. SV cao đẳng					
Trong đó:	743	388	296	108	81
Hệ chính quy	743	287	212	67	81
Hệ không chính quy	0	101	84	41	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:	433	105	133	0	0
Hệ chính quy	338	61	54	0	0
Hệ không chính quy	95	44	79	0	0
6. Khác					

Tổng số SV nhập học trong 5 năm (chưa quy đổi): 5.699

22. Số SV quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng				1	7
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV quy đổi					

23. SV có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số SV có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	2190,24	2190,24	2190,24	2190,24	2190,24
2. Số lượng SV có nhu cầu về phòng ở (trong ký túc xá)	479	443	459	469	427
3. Số lượng SV được ở trong ký túc xá	479	443	459	469	427
4. Tỷ số diện tích trên đầu SV ở trong ký túc xá, m ² /người (28,08 m ² /8 SV)	3,51	3,51	3,51	3,51	3,51

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia NCKH:

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng (người)	0	05	0	08	36
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV quy đổi	0	0,005	0	0,003	0,012

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:			99	191	261
Hệ chính quy			21	35	261
Hệ không chính quy			78	156	00
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	694	784	582	128	134
Hệ chính quy	662	784	445	123	134
Hệ không chính quy	32		137	5	00
5. SV tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	458	341	79	137	15
Hệ chính quy	366	282	79	14	15
Hệ không chính quy	92	59	0	123	00
6. Khác					

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của SV ĐH:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
1. Số lượng SV tốt nghiệp (người)	-	-	99	-	452
1.1 Chính quy	-	-	-	-	261
1.2 Liên thông chính quy	-	-	21	-	35
1.3 Liên thông VLVH	-	-	78	-	156
2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với	-	-	78,6	-	72,9

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	94,95	-	89,82
3.2 Tỷ lệ SV trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	5,05	-	10,18
3.3 Tỷ lệ SV trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	0	-	0
4. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	-	-	92,93	-	81,86
4.2 Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	-	7,07	-	18,14
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (triệu đồng)			4-8		5-10
5. Đánh giá của nhà tuyển					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	93,94	-	73,9
5.2 Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	6,06	-	26,1
5.3 Tỷ lệ SV phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	0	-	0

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	02	02	02	0	0	06
3	Đề tài cấp trường	0,5	16	04	22	22	05	34,5
4	Tổng		18	06	24	22	05	40,5

Tổng số đề tài quy đổi: **40,5**

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $40,5/246 = 0,165$.

28. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	28	168	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	16	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	28	184	

29. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	1050	0	0	0	1575
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	1500	0	0	0	750
5	Tổng		0	2550	0	0	0	2325

Tổng số sách (quy đổi): **2325**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $2325/246 = 9,45$

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	21	23	4
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	21	23	4

31. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng							Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	0	0	0	0	2	1	3	9
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	0	4	7	6	3	24	0	44
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	106	92	91	96	75	75	32	567
4	Tổng		106	96	98	102	80	100	35	620

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **620**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $620/246=2,52$

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	6	50	173
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	10
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	2
Trên 15 bài báo	0	0	5
Tổng số cán bộ tham gia	6	50	190

33. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	01	04	04	9,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	02	06	02	11	02	11,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	02	06	03	15	06	20,5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **20,5**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **20,5/246=0,083**.

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	20	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	02	20	0

35. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2012-2013	0
2013-2014	0
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0

36. Nghiên cứu khoa học của SV

36.1. Số lượng SV của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng SV tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	68	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số SV tham gia	0	0	68	

36.2 Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	01	02	08
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	35	17	02	01	07	0

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

37. **Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²):** 103.181,3 m².

38. **Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):**

- Nơi làm việc: 1.751,33m²;
- Nơi học: 24.791,28m²;
- Nơi vui chơi giải trí: 7.481,06m²

39. **Diện tích phòng học (tính bằng m²)**

- Tổng diện tích phòng học các loại: 24.791,28 m²
- Tỷ số diện tích phòng học/SV chính quy: $24.791,28/2.814 = 8,8$ m²/SV

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 1.999 quyển.

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 1.984 quyển.

41. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 100 máy
- Dùng cho SV học tập: 325 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: $325/2.814 = 0,12$ máy/SV

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2012: 49.907.107.507 đồng
- Năm 2013: 58.408.217.740 đồng
- Năm 2014: 66.096.946.500 đồng
- Năm 2015: 66.645.783.189 đồng.
- Năm 2016: 51.144.782.799 đồng.

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2012: 10.965.405.000 đồng
- Năm 2013: 14.898.882.000 đồng
- Năm 2014: 18.934.145.000 đồng
- Năm 2015: 24.303.576.000 đồng.
- Năm 2016: 25.883.701.000 đồng.

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

- Tổng số giảng viên cơ hữu 175 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $175/246$ (71,14%)
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của Nhà trường: $18/175$ (10,29%).

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của nhà trường: 143/175 (81,71%).

2. Sinh viên:

Tổng số SV chính quy (người): 2.814

Tổng số SV quy đổi (người): 2.814

Tỷ số SV trên giảng viên (sau khi quy đổi): 16,08 (2.814/175) SV/GV

Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

- ĐH chính quy năm 2017: 79,33% (261/329)

- ĐH liên thông chính quy và VL VH:

+ Năm 2015: 78,6% (99/126)

+ Năm 2017: 73,5% (191/260).

- Cao đẳng: Trung bình 70%

3. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

- Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp 89,82 (%)

- Tỷ lệ SV trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp 10,18 (%)

4. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo 81,86 %

- Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo 18,14 %

- Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (VNĐ): 5-10 triệu đồng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay 73,9 %

- Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng phải đào tạo thêm là 26,1 %

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $40,5/246 = 0,165$

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

$98.702.000/246 = 401.227.$

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $2325/246=9,45$
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $620/246=2,52$
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $20,5/246=0,083$

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

- Tỷ số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: 0,12 máy/SV
- Tỷ số diện tích phòng học trên SV chính quy: 8,8 m²/SV
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên SV ở trong KTX: 3,51 m²/SV

Phụ lục 2: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/QĐ-ĐHXDMT

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Xây dựng Miền Tây**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06/9/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-ĐHXDMT ngày 03/01/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Đại học Xây dựng Miền Tây gồm các ông/bà có tên sau:

- | | | |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Lê Ngọc Cần | - Hiệu trưởng | - Chủ tịch Hội đồng; |
| 2. Ông Nguyễn Văn Xuân | - Phó Hiệu trưởng | - Phó Chủ tịch Hội đồng; |
| 3. Ông Nguyễn Văn Hoàn | - Trưởng phòng KT&ĐBCL | - UVTT; |
| 4. Ông Lê Hiến Chương | - Chủ tịch Hội đồng trường | - Ủy viên; |
| 5. Ông Nguyễn Văn Chiếu | - Phó Hiệu trưởng | - Ủy viên; |
| 6. Ông Trương Công Bằng | - Phó Hiệu trưởng | - Ủy viên; |
| 7. Ông Lê Tấn Truyền | - Trưởng phòng TC-HC | - Ủy viên; |
| 8. Ông Phạm Hồng Thái | - Trưởng phòng TC-KT | - Ủy viên; |
| 9. Ông Huỳnh Phước Minh | - Phó trưởng phòng QLĐT | - Ủy viên; |
| 10. Ông Lưu Văn Vĩnh | - Trưởng phòng QT&TB | - Ủy viên; |
| 11. Ông Tô Mai Phong | - Trưởng phòng CTHSSV | - Ủy viên; |
| 12. Ông Nguyễn Ngọc Long Giang | - Trưởng phòng KH&HTQT | - Ủy viên; |
| 13. Ông Đặng Hữu Lợi | - Trưởng Khoa Xây dựng | - Ủy viên; |
| 14. Ông Ngô Hồng Năng | - Trưởng Khoa Kiến trúc | - Ủy viên; |
| 15. Ông Nguyễn Hồng Hải | - Chủ tịch Công đoàn trường | - Ủy viên; |

16. Ông Nguyễn Cao Phong - Bí thư Đoàn trường - Ủy viên;
17. Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc - Sinh viên lớp DT15D01 - Ủy viên.

(Các nhóm chuyên trách và Ban thư ký có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, quy trình, triển khai công tác tự đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tư vấn các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục của trường và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng Tổ chức Hành chính, phòng Tài chính Kế toán và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Lê Ngọc Cẩn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Cao Phong	P. Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
3	Ông Lê Minh Điền	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
4	Bà Nguyễn Kim Thảo	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
5	Bà Phan Tú Mỹ	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
6	Bà Trần Thị Thùy Linh	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
7	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
8	Bà Phạm Ánh Tuyết	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
9	Ông Nguyễn Ngọc Linh	Nhân viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
10	Ông Trần Thanh Thảo	Trưởng khoa Kỹ thuật HT-ĐT	Ủy viên
11	Bà Trương Thị Hồng Nga	Trưởng khoa Lý luận chính trị	Ủy viên
12	Bà Trịnh T. Thanh Hương	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
13	Ông Giang Minh Nhựt	Trưởng khoa Đào tạo nghề	Ủy viên
14	Ông Lương Hoàng Hên	Trưởng khoa KHCB	Ủy viên
15	Bà Phan Thị Anh Đào	Trưởng Bộ môn Ngoại ngữ	Ủy viên
16	Ông Đặng Văn Tiến	Trưởng phòng Thí nghiệm	Ủy viên

DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn: 1; 2; 5	Ông Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Lê Tấn Truyền	Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Văn Trung	Phó trưởng phòng TCHC	Thư ký nhóm
	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch Công đoàn trường	Thành viên
	Ông Nguyễn Thành Được	Nhân viên phòng TCHC	Thành viên
	Bà Phạm Thị Huyền	Nhân viên phòng TCHC	Thành viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn: 3; 4; 9	Ông Nguyễn Văn Xuân	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Huỳnh Phước Minh	Phó trưởng phòng QLĐT	Trưởng nhóm
	Bà Đỗ Thị Ngọc Mai	Phó trưởng phòng QLĐT	Thư ký nhóm
	Ông Trương Công Hào	Giám đốc Trung tâm ĐTTX	Thành viên
	Ông Lưu Văn Vĩnh	Trưởng phòng QT&TB	Thành viên
	Ông Đặng Văn Tiến	Trưởng phòng Thí nghiệm	Thành viên
	Ông Nguyễn Viết Khánh	Phó trưởng phòng QT&TB	Thành viên
	Ông Dương Thanh Tòng	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Trần Thị Hường	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn: 6	Ông Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Tô Mai Phong	Trưởng phòng CTHSSV	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thanh Thủy	Nhân viên phòng CTHSSV	Thư ký nhóm
	Ông Nguyễn Cao Phong	Bí thư đoàn Thanh niên	Thành viên
	Ông Nguyễn Quý Đông	Phó trưởng phòng CTHSSV	Thành viên
	Ông Lê Trần K Phương	Chủ tịch Hội Sinh viên	Thành viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn: 7; 8	Ông Nguyễn Văn Chiếu	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Ng Ngọc Long Giang	Trưởng phòng KH&HTQT	Trưởng nhóm
	Ông Lương Phước Thuận	Nhân viên phòng KH&HTQT	Thư ký nhóm
	Ông Trịnh Công Luận	P. trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
	Bà Tô Thị Bảo Yến	Nhân viên phòng KH&HTQT	Thành viên
Nhóm 5 Tiêu chuẩn: 10	Ông Lê Ngọc Cẩn	Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TCKT	Trưởng nhóm
	Bà Liêu Thị Thanh Phượng	Nhân viên phòng TCKT	Thư ký nhóm
	Bà Phan Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng TCKT	Thành viên

Nhóm 6 Viết phần mở đầu báo cáo	Ông Nguyễn Văn Xuân	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung
	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Cao Phong	P. trưởng phòng KT&ĐBCL	Thư ký nhóm

Ghi chú:

Tiêu chuẩn 1 (2 tiêu chí): Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học;

Tiêu chuẩn 2 (7 tiêu chí): Tổ chức và quản lý;

Tiêu chuẩn 3 (6 tiêu chí): Chương trình đào tạo;

Tiêu chuẩn 4 (7 tiêu chí): Hoạt động đào tạo;

Tiêu chuẩn 5 (8 tiêu chí): Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên;

Tiêu chuẩn 6 (9 tiêu chí): Người học;

Tiêu chuẩn 7 (7 tiêu chí): Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

Tiêu chuẩn 8 (3 tiêu chí): Hoạt động Hợp tác quốc tế;

Tiêu chuẩn 9 (9 tiêu chí): Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác;

Tiêu chuẩn 10 (2 tiêu chí): Tài chính và quản lý tài chính.

Phụ lục 3: KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY**

Số: 29/KH-ĐHXDMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2017

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá Trường Đại học Xây dựng Miền Tây năm 2017

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/01/2017 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây,

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây xây dựng Kế hoạch tự đánh giá Trường năm 2017, cụ thể như sau:

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm rà soát, bổ sung, cập nhật thông tin, minh chứng, thẩm định và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá cấp Trường để có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của nhà trường gồm 10 tiêu chuẩn (61 tiêu chí) đánh giá chất lượng giáo dục theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

Báo cáo tự đánh giá năm 2017 được cập nhật theo hiện trạng của Nhà trường (dưới dạng báo cáo bổ sung).

3. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

3.1. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-ĐHXDMT

ngày 27/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách

Có danh sách Ban thư ký, các Nhóm công tác chuyên trách kèm theo.

3.3. Phân công thực hiện

TT	Họ và tên	Chức vụ	Phụ trách
1.	Ông Lê Ngọc Cẩn	Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung tiêu chuẩn 10
2.	Ông Nguyễn Văn Xuân	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung tiêu chuẩn 3, 4, 9
3.	Ông Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6
4.	Ông Nguyễn Văn Chiếu	Phó Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung tiêu chuẩn 7, 8
5.	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Dự thảo và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá
6.	Ông Lê Tấn Truyền	Trưởng phòng TCHC	Phụ trách chính tiêu chuẩn 1, 2, 5
7.	Ông Huỳnh Phước Minh	Phó trưởng phòng QLĐT	Phụ trách chính tiêu chuẩn 3, 4, 9
8.	Ông Tô Mai Phong	Trưởng phòng CTHSSV	Phụ trách chính tiêu chuẩn 6
9.	Ông Ng Ngọc Long Giang	Trưởng phòng KH&HTQT	Phụ trách chính tiêu chuẩn 7, 8
10.	Ông Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TCKT	Phụ trách chính tiêu chuẩn 10
11.	Ông Lê Minh Điền	NV phòng KT&ĐBCL	Tổng hợp các minh chứng tiêu chuẩn 1, 2, 5
12.	Bà Nguyễn Kim Thảo	NV phòng KT&ĐBCL	Tổng hợp các minh chứng tiêu chuẩn 3, 4, 9

13.	Ông Nguyễn Văn Ngọc	NV phòng KT&ĐBCL	Tổng hợp các minh chứng tiêu chuẩn 6
14.	Bà Phan Tú Mỹ	NV phòng KT&ĐBCL	Tổng hợp các minh chứng tiêu chuẩn 7, 8
15.	Ông Nguyễn Ngọc Linh	NV phòng KT&ĐBCL	Tổng hợp các minh chứng tiêu chuẩn 10

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

4.1. Về nhân lực

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách;
- Cử viên chức tham dự các khóa đào tạo kiểm định viên, tập huấn về công tác tự đánh giá do các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức;
- Điều động các viên chức đã được tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục tham gia hoạt động tự đánh giá;
- Huy động các viên chức quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường tham gia vào hoạt động tự đánh giá (nếu cần).

4.2. Về cơ sở vật chất

Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách lập kế hoạch đề nghị Nhà trường cung cấp văn phòng phẩm cần thiết phục vụ công tác tự đánh giá.

4.3. Về tài chính

Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách lập dự trù kinh phí cho các hoạt động sau và trình Hiệu trưởng phê duyệt:

- Công tác điều tra, khảo sát, thống kê cán bộ, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng;
- Tổ chức Hội thảo, hội nghị, các phiên họp Hội đồng tự đánh giá;
- Công tác lập kế hoạch, viết báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tự đánh giá;
- Kinh phí tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, ...;
- Các chi phí hành chính và phục vụ khác.

5. Công cụ đánh giá

- Sử dụng Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học số 527/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học ngày 03/8/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường

Nhóm công tác chuyên trách xác định thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp, thời gian, lập kế hoạch chi tiết trình Hội đồng tự đánh giá phê duyệt.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài (nếu cần)

Mời chuyên gia về tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng, ban thư ký tự đánh giá, cán bộ chủ chốt.

Thời gian: 01 buổi tại trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

8. Thời gian biểu

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	Từ ngày 01/2/2017 đến 28/2/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Hội đồng tự đánh giá triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các Nhóm công tác chuyên trách; - Các Nhóm công tác chuyên trách nghiên cứu, rà soát nội dung các tiêu chuẩn được phân công trong Báo cáo tự đánh giá Trường; - Phân tích nội hàm của tiêu chí, chia mỗi tiêu chí thành các tiêu chí con để xác định các thông tin minh chứng cần thu thập, bổ sung một cách hợp lý, chính xác, đầy đủ và đảm bảo độ tin cậy nhằm khẳng định tiêu chí Đạt hay Không đạt yêu cầu; - Tiến hành thu thập, bổ sung, cập nhật thông tin minh chứng liên quan đến tiêu chí; - Xây dựng bảng thống kê, cơ sở dữ liệu để viết báo cáo; - Lập kế hoạch thu thập thông tin minh chứng bên ngoài nhà trường (nếu có).
2	Từ ngày 01/3/2017 đến 30/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Hội đồng tự đánh giá, Nhóm công tác chuyên trách báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ (các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề cần tư vấn, chỉ đạo,..), phê duyệt nội dung, kinh phí cho các cuộc điều tra, khảo sát cần thực hiện (nếu có); - Nhóm công tác chuyên trách tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng; - Thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát (nếu có); - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; - Mô tả thông tin và minh chứng thu được;

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được; - Thảo luận Nhóm và viết báo cáo các tiêu chí.
3	Từ ngày 01/5/2017 đến 31/5/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá, các Nhóm công tác chuyên trách báo cáo tiến độ thực hiện; - Các Nhóm công tác chuyên trách tiếp tục hoàn thiện các báo cáo tiêu chí, viết báo cáo tiêu chuẩn.
4	Từ ngày 01/6/2017 đến 20/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Các Nhóm công tác chuyên trách nộp cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tiêu chuẩn, danh mục minh chứng của tiêu chuẩn cho thư ký; - Thư ký rà soát, kiểm tra sự phù hợp, độ tin cậy của các thông tin, minh chứng; - Đề nghị thu thông tin, minh chứng bổ sung (nếu có); - Mã hóa và lưu trữ minh chứng vào các hộp hồ sơ;
5	Từ ngày 21/6/2017 đến 15/7/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành dự thảo Báo cáo tự đánh giá Trường; - Hội đồng tự đánh giá để thẩm định, đi đến thống nhất các nội dung trong dự thảo Báo cáo tự đánh giá.
6	Từ ngày 15/7/2017 đến 15/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố dự thảo Báo cáo tự đánh giá, tổ chức lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Báo cáo tự đánh giá; - Hoàn thiện dự thảo Báo cáo tự đánh giá.
7	Tháng 8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá thống nhất và thông qua Báo cáo tự đánh giá; - Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá, trình Hiệu trưởng duyệt; - Công khai Báo cáo tự đánh giá Trường.

Nhà trường đề nghị Hội đồng tự đánh giá Trường, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách thực hiện kế hoạch đúng tiến độ và hiệu quả ./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: TCHC, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Lê Ngọc Cẩm